

THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC TỤC TẬP

QUYỂN 2

Triều Minh đầu tiên lập đô ở phủ Ứng Thiên tức là Nam kinh, sau đó dời về phủ Thuận Thiên tức là Bắc kinh. Gồm các đời:

Thái Tổ → Kiến Văn Đế → Thành Tổ → Nhân Tông → Tuyên Tông → Anh Tông → Cảnh Thái Tông → Hiến Tông → Hiếu Tông → Võ Tông → Thế Tông → Mục Tông → Thần Tông → Quang Tông → Hi Tông → Thánh Thượng (Tư Tông).

Thái Tổ Cao Hoàng đế:

Đế sinh ở Hào châu, có Long quang sáng rực, khiến mọi người đều kinh sợ. Đế khởi binh vào tháng ba năm Nhâm Thìn đời Thuận Đế nhà Nguyên. Sau đem binh chinh phạt Quách Tử Hưng, vượt sông chiếm lấy Thái Bình, Tập Khánh làm nền móng xưng vương. Kế đến diệt Trần Hữu Lượng, Trương Sĩ Thành, xưng là Ngô Vương, sau lại tiến lên phía Bắc bình định Trung nguyên, thống nhất thiên hạ lên ngôi Hoàng đế, tại vị ba mươi một năm thì băng hà ở Tây cung, thọ bảy mươi một tuổi, huy hiệu là Thánh Thần Văn Vũ Khâm Minh Khải Vận Tuấn Đức Thành Công Thống Thiên Đại Hiếu Hoàng Đế; miếu hiệu là Cao Tổ táng ở Hiếu lăng. Đế là bậc có tư chất trời ban, không một tấc đất, chỉ là một người dân bình thường mà lập thành nghiệp lớn. Tuy nói do thiên mệnh mà người đều quy phục nhưng cũng do thần vũ và chẳng sát sinh dẫn đến.

Ngày Ất Hợi mồng bốn tháng giêng năm Mậu Thân, niên hiệu Hồng Võ thứ nhất, Đế tự viết văn tế cáo trời đất ở Nam giao (ngoại thành phía Nam), lễ xong thì lên ngôi Hoàng đế tại phía Nam Giao đàn, định quốc hiệu là Đại Minh, niên hiệu Hồng Võ. Truy tôn bốn đời cha ông đều là đế và hậu. Lập Mã Thị làm Hoàng hậu, lập Thế tử Tiêu làm hoàng Thái tử.

Vào ngày này bầu trời trong xanh, sương thơm ngưng đọng, một ngôi sao độc hiện, thật là trời cao đã mở bày cảnh vận sáng tỏ. Phong

Lý Thiện Trường làm Trung thư Tả thừa tướng, Từ Đạt làm hữu thừa tướng, Chương Dật làm Ngự sử trung thừa.

Đế vì Đông cung thiết lập quan chức mà dạy rằng:

“Phàm cử người hiền dùng người tài là gốc để lập quốc; kính người có đức, chuộng người lớn tuổi chính là đạo tôn hiền”. Lại nói: “Gỗ lớn quý thì phải trao cho người thợ giỏi, viên ngọc vạn lượng thì chẳng thể trao cho người thợ vụng”.

Đế hạ chiếu lập ra Điện Tự còn gọi là Viên Khâu, Phương Khâu, Tông Miếu, Xã Tắc để cúng tế trời đất, Tổ tông, Thần kỳ. Lại ban luật lệnh hiểu dụ rằng: “Luật lệnh là phép trị thiên hạ. Lệnh đi trước mục đích là để chỉ dạy, luật theo sau mục đích là trị phạt”.

Để chỉ dụ các quan châu huyện rằng: “Chim lúc mới biết bay chưa thể sải hết đôi cánh, cây mới trồng chẳng nên lay động gốc rễ”.

Thượng Bảo Ti là cơ quan ở cung cấm, gồm mười bốn Bảo:

Phụng Thiên Chi Bảo để trấn giữ vạn quốc, tế tự đất trời. Hoàng đế Chi Bảo để phong thưởng người có công lao; Hoàng đế Tín Bảo để hiệu triệu ba quân; Thiên tử Chi Bảo để cúng tế quỷ thần; Thiên tử Hành Bảo để phong thưởng man di; Thiên tử Tín Bảo để điều động phiên binh; Chế Cáo Chi Bảo để lo về cáo mệnh; Sắc Mạng Chi Bảo lo về sắc mệnh; Quảng Vận Chi Bảo lo việc xét tuyển hiền tài khám định kinh điển; Ngự Tiên Chi Bảo để hộ vệ trước vua và đi theo xe kiệu của vua; Hoàng đế Tôn Hiền Chi Bảo để ban thưởng cho người trong Hoàng tộc; Kính Thiên Cần Dân Chi Bảo là để chỉ dạy dẫn dắt quan lại.

Phàm lệnh bài của Hồ Thủ thị vệ có sáu hiệu là thân, mộc, hỏa, thổ, kim và thủy có trách nhiệm bảo vệ tuần tra ban đêm.

Kim bài có năm hiệu là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín có nhiệm vụ canh giữ bảo vệ nghiêm ngặt.

Bán Tự Đồng Phù có bốn hiệu là Thừa, Đông, Tây, Bắc; Tuần thì một nửa bên trái, Thú thì một nửa bên phải, cứ theo sự khế hợp mà hành sự.

Đồng bài (Thẻ bằng đồng) gồm một hiệu là Dõng lo việc sắp xếp các quân lính canh gác.

Nha bài (thẻ bằng ngà) gồm năm hiệu là Huân, Thân, Văn, Võ, Nhạc để xem xét việc tham dự triều chính.

Tế bài có ba hiệu là Bồi, Kỳ, Chấp lo về việc tế tự. Song ngư đồng bài có hai hiệu là Nghiên để túc trực hộ vệ và Thiện để làm thanh tịnh tế đàn.

Phù Nghiệm Thì có năm hiệu là Mã, Thủy, Đạt, Thông, Tín dùng

để cấp báo tin tức, thông tri chế mệnh của vua. Lại lập Đặng Văn Cổ giao cho quan ngự sử giám sát, phàm có những việc oan ức, bí mật hệ trọng thì được phép giáng trống, quan Ngự sử sẽ dẫn vào tấu trình với Hoàng đế.

Tháng ba phong Lưu Cơ làm Ngự sử Trung thừa kiêm Thái tử tán thiện đại phu, thường cùng với Đế luận bàn về binh pháp để đánh bại quân địch giành lấy chiến thắng. Đế nói: “Đóng mở, Kỳ Chánh trong phút chốc là đã biến hóa, giống như thế vô thường của gió mây vậy. Cần phải thông đạt chỗ biến hóa ấy!”

Hội Đường Thiền sư húy Tự Duyên, người Lâm Hải, họ Trần. Mẹ Sư một hôm cảm một điềm mộng lạ mà có thai sinh ra Sư. Đầu tiên Sư lễ ngài Quán Công chùa Bạch Tuyết cầu làm đệ tử xuất gia và thọ giới Cụ túc. Kế đó Sư tham yết Nhật Khê Vĩnh Công ở Thiên Ninh để quyết trạch tâm yếu. Sau nhân xét thấy tự thân tìm cầu học đạo trên đường đi trải qua nhiều gian nan hiểm nạn, do đó phát tâm xây dựng những nơi nghỉ ngơi cho những người du phương tham học. Đầu tiên Sư trùng tu chùa Diệu Quả, kế đến lập Viên Thông các, Hoa Nghiêm bảo các, Di-đà các, họa tượng mười sáu phép quán để khai phát chánh nhân Tịnh độ cho người. Việc làm của Sư truyền đến triều đình, vua ban cho pháp y Kim lan và hiệu là Phật Tâm Phổ Tế, sau Sư lại xây dựng Báo Ân Thiền viện, lãnh chúng tu tập, dạy người học nên cho việc kiến tánh là cấp bách. Tháng ba năm Mậu Thân, Sư thị tịch, thọ năm mươi chín tuổi, bốn mươi ba hạ lạc, tháp thờ lập ở phía Tây của chùa (Chu Minh)

Nguyên Phác Thiền sư húy là Sĩ Chương, tự là Nguyên Phác, người Hải Ninh, họ Vương. Lúc sinh ra đã có Phục Tê trên đầu (1 tướng quý, xương nổi cao nơi trán), mắt sáng chớp lóe như điểm sơn, không ăn các chất tanh, nồng, thích đọc kinh Phật. Cha mẹ cho vào chùa Truyền Pháp. Đến năm mười chín tuổi thì được độ làm Tăng. Bấy giờ Ngã Am Vô Công đang trụ trì ở Thượng Thiên Trúc, Sư muốn đến tham lễ, nhưng một hôm mộng thấy mình dạo chơi nơi Bảo Sở, quỳ lễ sám văn. Quả nhiên khi gặp ngài Ngã Am thì Sư rất được xem trọng, phàm Thiên Thai giáo quán, tất cả văn nghĩa của một nhà, ngài Ngã Am lần lượt truyền trao Sư. Từ đó Sư cùng với Thiên Tâm Oánh Tố ngày đêm nghiên cứu, nạn vấn đến chỗ cùng tột, mọi người đều cho hai ngài là hai viên ngọc bích. Sau Sư vâng mệnh trụ trì ở Tê châu, lại được tham học yếu chỉ giáo quán nơi ngài Đại Dụng Tào Công, Tuyết Tông Kế Công. Sư từng nói: “Biển giáo Phật pháp mịt mù như khói mây, chẳng thể đọc thiện mà có thể nghiên cứu đến cùng tận. Ví như ta tự hoạch định giới

hạn mà chẳng thể tiến lên, thì có thể tránh được lỗi hẹp lậu ư?”

Sư lại dời đến trụ tại Tinh Đức, chuyên giảng thuyết kinh pháp cho đại chúng, mà không hề mỗi mệ. Vào niên hiệu Hồng Võ thứ nhất ở Tập Khánh, pháp tịch hoang vắng, quận thú Lý Công thỉnh sư trụ trì. Chưa bao lâu Trung Thư Tỉnh có chỉ dụ cho Sư trụ trì các chùa viện nổi tiếng ở năm phủ thuộc vùng Đông Tây_Triết giang tụ tập về Kinh đô, cùng với Bích Thiên Giới lập Thiện Thế viện để thống lãnh Tăng chúng, đồng thời giám sát việc lao dịch. Bạc kỳ lão đại đức các nơi đều chẳng biết phải làm gì, chỉ một mình Sư đề xuất phương cách, phép tắc, tất cả đều có điều chương rõ ràng. Mười vạn Tăng Ni đều học tập theo đó.

Đến tháng sáu, Sư dự biết đã đến giờ ra đi, nên triệu tập đệ tử để phó chúc hậu sự. Đến ngày mười bảy thì Sư ngồi yên thị tịch, thọ bốn mươi sáu tuổi, hai mươi tám hạ lạc, tháp được xây ở phía Nam tháp Biện tài ở Long tỉnh. Đệ tử Sư có các vị: Viên Giác, Nhất Ấn, Thăng Nguyên, Khắc Cần...

Đế chế định áo mũ tế tự cho Thiên tử; định lễ nghi cúng tế Tông miếu bốn mùa; cấm hoạn quan nắm giữ binh quyền và tham dự triều chính.

Vương Y dâng sớ rằng: “Điều cốt yếu trong việc tu đức của đấng nhân quân là lấy sự trung hậu làm tâm, khoan dung độ lượng làm chánh. Cả hai là căn bản cho đạo đức của vua”.

Đô thành của nhà Nguyên có khí màu đỏ bốc lên đầy trời, như ánh lửa chiếu vào người, qua hai ngày thì khí màu đen bốc lên tối mịt, trong vòng một trăm bước không nhìn thấy người. Vua Nguyên triệu tập hoàng hậu, các phi, Thái tử và quần thần ở điện Đoan Minh để nghị bàn. Bỗng nhiên có hai con chồn từ trên điện xuất hiện. Vua Nguyên nói: “Đó là điềm trời báo cho Trẫm biết, Trẫm có thể lưu lại đây nữa ư?” Đến nửa đêm, vua và tùy tùng ra cửa Kiến Đức chạy về phía Bắc đến Thượng đô.

Kinh thành có tiếng trống trời vang, vua đại xá thiên hạ, cùng với nhân dân đổi cũ lập mới; nhưng không ân xá tội thập ác. Đế lập quan viên sáu bộ để phân ra xử lý các việc trong thiên hạ, đồng thời ban chiếu cầu hiền.

Thiên Châu Thiên sư hứ Duy Tắc, tự Thiên châu, họ Phí, người ở Cô thành; mẹ là Thẩm thị một hôm nằm mộng thấy một vị Tăng lạ mà có thai và sinh ra Sư. Đầu tiên Sư lễ ngài Thiện Thọ làm thầy và thọ giới Cụ túc. Kế đó tham yết mười tám vị tôn túc như Phật Nhật Kỳ,

Thiên Nham Trường, Vô Kiến, Vô Dụng... nhưng đều không khế hợp. Cuối cùng Sư đến Khuông Phụ tham kiến Vô Cực Nguyên Công mà hoá nhiên đại ngộ. Tự thệ rằng không quan hệ đến thế tục, nhưng chỉ tùy căn cơ mà dẫn dắt, người ngộ đạo ngày càng nhiều. Vào năm này triều đình có chiếu cho cao tăng các nơi về kinh để thực hành Pháp sự. Bạch Am Kim Công tiến cử Sư trước tiên, nhưng chân bị đau nên Sư cáo bệnh trở về.

Một hôm, trời vừa sáng bỗng nhiên Sư báo với đại chúng rằng: “Ta đi đây!” Thị giả thỉnh Sư nói kệ di chúc, Sư lớn giọng nói: “Những điều nói lúc bình thường chẳng phải ư?” Rồi nhắm mắt thị tịch, thọ bảy mươi mốt tuổi, hạ lạp năm mươi tám năm. Khi trà-tỳ thì xương đầu, răng và lưỡi chẳng cháy. Hám Thượng Hồ Thu Bích có ghi chép thần thái và hành nghi của Sư. Người Nhật Bản mua đem về để cúng dường.

Sư có để lại Thiên Châu Ngũ Lục lưu hành ở đời.

Vua tôn Trương Chánh Thường làm Chân nhân, phế bỏ hiệu Thiên sư. Đế nói với quần thần rằng: “Đấng chí tôn là trời rồi, há lại có thầy của trời nữa ư? Nếu lấy đó làm hiệu thì thật là bất kính! Lại đổi Thiên sư ấn thành Chân nhân ấn”.

Tháng giêng năm Kỷ Dậu niên hiệu Hồng Võ thứ hai phong thần Thành Hoàng ở Kinh đô và khắp thiên hạ, đồng thời khiến cúng tế các thần ở năm núi, năm trấn, bốn sông, bốn biển. Đặt định phép tế lễ thần linh, tang phục cho quan và dân.

Đến tháng hai Đế cày Tịch điền, ban chiếu tu chỉnh Nguyên sử, lập bia lăng Hoàng đế, đặt hiệu nhân Tổ Thuần Hoàng Đế lăng.

Vô Tận Thiên sư húy Tổ Trừng, họ Vương, người ở Tứ Minh. Cha là Hiếu Khiêm từng chép kinh Hoa Nghiêm, có xá-lợi năm màu ở đầu bút, Sư còn nhỏ mà đã nói: “Sự linh nghiệm của Bát-nhã đến như thế ư?” Sau Sư xuất gia ở Thiên Ninh tại quận nhà, nương vị Tăng tên Lương Vĩ, lễ trụ trì là Đông Bạch Minh Công làm thầy, kế đó thọ giới Cụ túc nơi ngài Khuê Nguyên Khuê Công, tham học nơi Nhật Khê Băng Công mà phát minh tâm địa. Sư lại tham yết các ngài Trung Phong, Phương Sơn, Vô Kiến, Đẩu Nham và được ấn chứng sở ngộ. Sau Sư đến thăng địa Vân Phong ở Thiên Thai ẩn cư tu tập cho đến cuối đời. Sư cùng với đệ tử luôn khổ hạnh tu trì mùa đông chỉ một áo lông cừu, mùa hạ chỉ một chiếc áo mỏng, ngày một bát cơm, chẳng bao giờ xuống núi. Nhưng người đến cầu hóa độ rất nhiều, do đó rừng gai góc biến thành bảo phủ, cảnh non mây hóa thành Thiên lâm thăng địa.

Sư rất hiếu thảo, phụng dưỡng mẹ là Đồng thị đến cuối đời. Vào

ngày tám tháng hai năm Kỷ Dậu (Hồng Võ thứ hai) Sư thị hiện có chút bệnh, dặn dò đệ tử rằng: “Sắc thân vô thường, nên sớm cầu chứng ngộ. Đến giờ rồi, ta sắp đi đây!” Thị giả xin Sư thuyết kệ. Sư bảo lấy viết rồi ghi rằng:

*Sinh diệt và đến đi
Vốn là Như Lai tạng
Phá nát năm Tu-di
Rỗng rang không nghịch thuận.*

Viết xong Sư ngồi ngay thẳng thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi, năm mươi bảy hạ lạc, trà-tỳ thâu được vô số xá-lợi. Tháp thờ xây ở bên trái Vân Phong.

Về miếu Công thần thì Từ Đạt là đầu tiên, kế đó là Thường Ngộ Xuân, Lý Văn Trung, Đặng Dũ, Thang Hòa, Mộc Anh, Hồ Đại Hải, Phùng Quốc Dụng, Trương Đức Thắng, Ngô Lương, Ngô Trinh, Táo Lương Thần, Khang Mậu Tài, Ngô Phục Mao Thành, Tôn Hưng Tổ... gồm hai mươi một người, nếu ai chết thì tạo tượng thờ ở miếu, nếu còn sống thì để tòa vị trống, tất cả tại Kê Minh sơn.

Lai định các công thần được phụ thờ cúng tại Đại miếu, gồm bảy người đã mất là: Liêu Vĩnh An, Du Thông Hải, Trương Đức Thắng, Tang Thế Kiệt, Đàm Tái Thành, Hồ Đại Hải, Triệu Đức. Sau bỏ Vĩnh An và tự thân Đế thêm vào sáu người là Từ, Thường, Lý, Đặng, Thang, Mộc.

Hư Đường Thiên sư húy Vĩnh Ninh, tự Nhất Nguyên, người ở Thông châu, họ Chu, mẹ là Lý thị. Sư vào chùa Quảng Tuệ, có hiện điềm biết Sư là Thiên sư Chuẩn Hải đời Tống tái thế, nên Tăng lục Ti cấp độ điệp cho xuất gia. Đầu tiên Sư đến tham học nơi Thiên sư Vô Dụng ở Thái Hồ, ngài Vô Dụng dùng nhiều phương tiện mài dũa giúp Sư trở thành một bậc pháp khí. Sư ở lại hầu hạ ba năm, một hôm được thầy trao cho câu: “Ngộ long tức trụ, Ngộ trì tiện cư”. Đầu tiên Sư trụ ở chùa Thật Tướng tại Đại Động, Quảng Đức, thường cùng với Vô Nhất Toàn Công ở Thạch Khê qua lại, người đời gọi là Nhị Cam Lộ Môn. Sau Sư dời đến Long Trì, ở Nghi Hưng, tên đã phù hợp với huyền ký, nên vui mừng hợp ý, bèn xây dựng vài mươi gian nhà đề tên là: “Vũ Môn Hưng Hóa Am”, truyền trao Tam Quy năm giới cho Long thần. Đế Sư ban hiệu là Hoàng Giáo Phổ Tế.

Về sau vua ban chiếu triệu tập một ngàn bảy vị Sa-môn đến Lý sơn thiền tự xem đọc Đại Tạng kinh trong bảy ngày. Sư lại thăng tòa thuyết giảng, trời mưa cam lộ. Sư trụ trì Thiên Ninh Vạn Thọ tự, khiến

ngôi chùa này ngày càng hưng thịnh. Thuận Đế nhà Nguyên ban hiệu chùa là: “Bản Giác Diệu Minh Chân Tịnh Thiền Tự, đồng thời thỉnh trụ Cánh Đức Thiền tự và Đại Hoa Nghiêm tự ở Thiên Đồng, nhưng Sư cáo bệnh chối từ. Sau Sư được chiếu triệu vào kinh, thuyết pháp ở điện Long Quang, vua rất hoan hỷ, ban cho pháp y Kim lan và vòng ngọc và hiệu là Phật Tâm Liễu Ngộ. Đế sư cũng tặng cho y đỏ và mũ lông. Sư phụng chỉ đến Ngũ Đài sơn dâng hương, Đại sĩ Văn-thù hiện năm lần ánh sáng lành. Trấn Nam Vương thỉnh Sư vào cung lễ thọ đại giới, đồng thời phụng cúng bát bạch kim, sai quân hộ vệ tiễn về Long Trì. Sư khuyến mộ hàng vạn thiện tín, lập Vạn Thiện Đồng Quy hội, chôn cất vô số xương cốt của binh lính tử trận. Bấy giờ gặp lúc trời hạn hán nặng Sư theo sự cầu khẩn của dân làng nên lập đàn tụng niệm, trời liền mưa lớn, nhân dân được mùa.

Vào tháng sáu năm Kỷ Dậu này, Sư hiện có chút bệnh, bảo may y vài thô rồi nói rằng: “Ta sắp đi!” Đến ngày mười bảy viết kệ rằng:

*Bảy mươi tám năm xấu vụng
Rõ ràng một đời hư hỏng
Trâu đất trong biển xoay mình
Tháng sáu trời nóng tuyết bay.*

Viết xong Sư nằm nghiêng mà thị tịch. Trà-tỳ có ánh sáng năm màu xuất hiện, răng lười và chuối hạt không cháy, khói lan đến đâu đều biến thành xá-lợi. Tháp được xây dựng ở Tử Vân để tôn trí xá-lợi.

Tháng bảy Thường Ngộ Xuân qua đời, thọ bốn mươi tuổi, truy phong “Tam Đại Giai Vương”, hai người em được phong tước Công, được thờ cúng ở Thái miếu tại tòa vị thứ hai.

Tháng mười ban lệnh cho các quận huyện trong thiên hạ phải xây trường học. Cao lộ (Cam lộ) rơi trong vườn sau cung Càn Thanh.

Cam lộ ở đây gọi là Cao lộ, màu sắc trong như rượu, đông đặc như mỡ, lại trắng như châu phướng, vị ngọt trải cùng khắp, tòng bá đều tỏa hương thơm, hơi bay nơi nơi, tụ kết thành từng giọt, xông đến điện Thái Hòa.

Ngày mười ba tháng này, Cam lộ rơi trên cây tòng xanh tốt, Lý Thiện Trường dẫn quần thần đến chúc mừng. Trong niên hiệu Vĩnh Lạc lại rơi trên cây tòng cây bá ở Hiếu lăng, trải qua bốn ngày; ngưng kết thì thành ngọc chỉ (mỡ đông đặc), nóng chảy thì thành mật ngọt, đẹp như hạt châu, kết liền đều đặn như xếp vỏ ốc. Chỉ dùng để dâng cúng tòng miếu, ban phát cho trăm quan. Thơm ngon vô cùng không gì sánh được. Gần đây có một loại tên là Tước đường màu trắng đục, vị rất ngọt

nhưng hôi như nhựa cây tùng, nếm thì dẻo dính lưỡi, khi đói mà ăn nó thì bị bệnh, ăn nhiều thì chết, lấy đó để nghiệm xét.

Chương Dật có tài văn võ, làm quan ở nơi nào cũng đều lập được công lao. Bản tính ông hiếu thuận, hay an ủi, dạy dỗ mọi người, tất cả đều lấy lòng chân thành làm gốc. Mỗi khi luận đến việc lớn, thì ông chẳng nề sợ quyền thế, mà phải đạt đến triết trung nơi lý.

Ông làm quan đến chức Ngự sử trung thừa. Cho đến khi qua đời, vua ban chỉ dụ cúng tế ông.

Tháng giêng năm Canh Tuất, niên hiệu Hồng Võ thứ ba, Trung phong ngoại Tổ phụ là Dương Vương, lập miếu ở Kinh đô, tự thân Đế đến tế lễ.

Tháng hai Vương Y dạy ở Đại bản đường.

Hạ chiếu miễn thuế lương thực trong năm này ở mười sáu quận trong ba tỉnh.

Biệt Phong Thiền sư húy Đại Đồng, tự Nhất Vân, họ Vương, người ở Thượng Ngu, mẹ là Trần thị. Lúc mới sinh ra Sư, người cha thấy một vị lão tăng lạ chống tích trượng bước vào nhà, ông bèn chấp tay vái chào và hỏi: “Hòa thượng từ đâu đến đây?” Đáp: “Từ núi Côn lân đến!” Nói xong vị tăng nhanh nhẹn bước vào phòng, bỗng chốc thì sinh ra Sư. Nhân đó mà biết Sư là người tái lai của vị Hòa thượng kia.

Đầu tiên Sư vào chùa Sùng Thắng thế phát xuất gia, nghiên cứu Tông chỉ Thanh Lương nơi Pháp sư Xuân Cốc. Học thông Tứ Pháp Giới Quán nơi Cổ Hoài Triệu Công; sau tham kiến Hối Cơ Hi Công mà có chỗ vào; lại nương Thiền Sư Trung Phong tu tập, được trao cho trách nhiệm hoằng dương giáo nghĩa Hiền Thủ, và làm kệ tán thán Thanh Lương Tượng trao cho Sư. Sư vui mừng thưa rằng: “Con nay mới biết vạn pháp vốn chỉ là một pháp, chẳng biết ai là thiên, ai là giáo cả!”

Sư lại được ngài Xuân Cốc phân tòa giảng thuyết kinh Hoa Nghiêm. Trong những năm Diên Hựu Sư trụ ở chùa Tịnh Đô và các chùa Cảnh Đức, Đông Tháp_Bảo Lâm. Nhưng Bảo Lâm là nơi mà Quốc sư Thanh Lương thọ học, nên người đến tham học rất đông. Đầu năm Chí Chánh, Nguyên Đế ban cho Sư hiệu là Phật Tâm Phổ Tế Diệu Biện và ca-sa Kim lan. Gặp năm hạn hán, Sư đốt tỳ hương cầu mưa, có linh nghiệm. Năm Hồng Võ thứ nhất, Sư trụ ở Chung Sơn, được vua triệu kiến ở Vũ Lâu, ban yến tiệc trong cung cấm, vàng bạc và các vật quý giá; vinh dự trở về. Sư trì luật rất nghiêm, ngoài một bát ra thì không có các vật nào khác. Nhưng lại có hơn năm ngàn quyển kinh sử.

Mùa đông năm Hồng Võ thứ hai, Sư hiện có chút bệnh. Qua ngày

mười tháng ba mùa xuân năm Hồng Võ thứ ba, Sư thuyết pháp, từ biệt đại chúng, rồi trở về phương trượng ngồi yên thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi, sáu mươi lăm hạ lạp. Sư có để lại tác phẩm: Thiên Trụ Cảo, Bảo Lâm Loại Biên Lưu hành ở đời.

Bạch Vân Thiền sư húy Trí Độ hiệu Bạch Vân, người ở Lộc Thủy, họ Ngô, mẹ là Diệp thị. Năm mười lăm tuổi Sư lễ ngài Không Trung Giả ở chùa Thiên Trí cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Sư chuyên tu Thiền định, ba năm chẳng hề ngủ nghỉ. Sau Sư lập cự Phúc Lâm viện để an trụ, xem kinh Lăng-nghiêm, Viên Giác. Sư lại tham kiến Linh Nham Chi Công, Đoạn Nhai Nghĩa Công, Vô Kiến Đồ Công, đạt được sâu xa yếu chỉ Thiền tông. Kế đến Sư yết kiến Vô Phương Phổ Công, Tiểu Ấn Đại Công, cơ duyên rất khế hợp, Sư lại trở về Phúc Lâm cùng với các ngài Độc Chung Đàm, Thành Sơn Công sách tấn lẫn nhau tiến tu, sợ rằng lui sụt đạo nghiệp.

Năm Hồng Võ thứ hai vua triệu tập các danh tăng trong thiên hạ về kinh. Sư tham dự xong thì trở về Hồ Bào rồi đến Hoa Đảnh. Tháng hai năm này Sư có chút bệnh nên lại trở về Phúc Lâm. Qua tháng ba, một hôm Sư tắm rửa sạch sẽ, thay y phục, rồi viết kệ rằng:

*Không có thể gian để từ
Không có môn đồ để biệt
Trong hư không rộng lớn
Đâu cần phải đóng cọc.*

Viết xong ném bút mà thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi, năm mươi hai hạ lạp, trà-tỳ xá-lợi thân được năm màu; răng và râu chuôi chẳng cháy.

Tháng bốn, Đế phong vương cho các hoàng tử. Phong hoàng tử thứ hai là Thượng làm Tân Vương, hoàng tử thứ ba là Cang làm Tấn Vương, hoàng tử thứ tư là Tiệp làm Yên Vương, hoàng tử thứ năm là Tiêu làm Châu Vương, hoàng tử thứ sáu là Thực làm Sở Vương, hoàng tử thứ bảy là Phù làm Tề Vương, hoàng tử thứ tám là Tế làm Đàm Vương, hoàng tử thứ chín là Kỷ làm Lỗ Vương, hoàng tử thứ mười là Đan làm Thục Vương. Cháu nội là Thủ Khiêm làm Tỉnh Giang Vương, tất cả đều được trao cho sách bảo.

Định chế độ quan thuộc truyền đời.

Định phương cách thi cử, như vào trường thứ nhất thì mỗi nghĩa kinh một bài, nghĩa Tứ Thư một bài. Trường thứ hai, luận một bài; chiếu, cáo, biểu, tiêu, nội khoa một bài. Vào trường thứ ba, sách một bài. Người trúng thí sau mười ngày phải đến thi năm môn là cưỡi ngựa, bắn cung,

toán số, luật và viết chữ.

Nguy Tố tự Đại Phác người ở Kim Kê, nổi tiếng về văn học. Cuối đời Nguyên, ông làm quan đến chức Học sĩ. Khi Nguyên mất, ông muốn nhảy xuống giếng tự tử, có Tăng Đại Tể đến vớt lên và nói: “Quốc sử mà không có ngài thì chẳng ai biết, ngài chết thì mất cả quốc sử.” Sau ông vẫn làm Học sĩ, nhưng bị đày đến Hòa châu.

Mùa hạ trời nắng hạn đã lâu mà chẳng mưa, Đế đích thân cầu nguyện, Đế mặc áo thô, mang giày cỏ, đi bộ đến Sơn Xuyên đàn, ban ngày phơi mình dưới ánh mặt trời, ban đêm thì nằm trên đất. Hoàng thái tử dâng hiến thức ăn của nhà nông như lúa, mè đậu lên Đế. Trải qua ba ngày như thế thì trời mưa lớn, bốn phương đều nhuần thấm đầy đủ.

Cổ Đình Pháp sư húy Thiện Học, họ Mã, năm mười bảy tuổi đã được độ làm Đại Tăng, theo ngài Bảo Giác Giảng học tập tông chỉ Hoa Nghiêm. Giảng Công nói: “Học thượng nhân có thể cho rằng danh thật khế hợp!” Từ đó danh đức vang xa, mọi người đều ngưỡng vọng. Các vị Biệt Truyền Giáo, Cổ Điền Tư, Vô Ngôn Tuyên đều dùng thượng lễ để tiếp đãi Sư.

Sau Sư trở về Đông Lâm ẩn cư, chuyên tu tịnh nghiệp, hành trì Hoa Nghiêm Sám Pháp, Tu Tịnh Độ Ngũ Hối... để cầu sinh An dưỡng. Nhưng Đại chúng thỉnh Sư trụ trì chùa Đại Từ ở Dương Sơn, Sư nhận lời đến đây hoằng dương giáo Hiền Thủ, tiếp nối huệ mạng Phật. Lúc trời hạn hán, Sư cầu mưa có ứng nghiệm. Ngày hai mươi tháng bốn năm Canh Tuất, vì thất hện thuế của triều đình, nên phải dời đến Trì Dương, rồi thị tịch ở đây, thọ sáu mươi bốn tuổi. Túc nghiệp chẳng thể tránh.

Sở Thạch Thiền sư húy Phạm Kỳ, tự Sở Thạch, họ Chu, người ở Tượng Sơn, Minh châu. Mẹ Sư là Trương thị, một hôm mẩn mộng thấy mặt trời rơi vào bụng mình, mà có thai sinh ra Sư. Lúc Sư còn ở tuổi ẵm bồng, có một vị thần tăng đến xoa đầu và nói: “Đây là mặt trời Phật, ngày sau có thể chiếu phá tối tăm”. Nhân đó mà lập tiểu tự là Đàm Diệu. Năm Sư mới bảy tuổi, đọc sách đã hiểu được ý nghĩa, nên được gọi là kỳ đồng. Năm chín tuổi, Sư lễ Nột Ông ở chùa Vĩnh Tộ xuất gia, lễ Sùng Ân Tuần Công thế phát, rồi đến cầu ngài Chiêu Khánh xin thọ giới Cụ túc. Sư trở về nơi ngài Sùng Ân Tuần quản lý Tạng kinh, nhân xem kinh Lăng-nghiêm mà tỉnh ngộ. Sư đến tham yết ngài Nguyên Tẩu Đoan, và hỏi rằng: “Lời nói phát ra chẳng phải trước thanh sắc, thì chẳng phải là vật, ý nghĩa thế nào?”

Ngài Nguyên Tẩu liền dùng lời của Sư để cật vấn lại, nhưng Sư không khế ngộ. Đến khi vua Anh Tông nhà Nguyên ban chiếu viết Đại

Tặng chữ Vàng, thì Sư được tuyển chọn thỉnh về kinh. Một hôm nghe thấy tiếng trống trên lầu thành vang lên, tự nhiên toàn thân Sư tuôn mồ hôi như tắm, và nói: “Lỗ mũi Kính Sơn, từ nay đã có trong tay ta rồi”. Viết kệ rằng: “Lìa được mảnh tuyết trong lò hồng, lại gặp băng Hoàng hà tháng sáu”. Sư lại trở về tham kiến Nguyên Tẩu Đuan Công. Vừa thấy sư Đuan Công liền nói: “Mật ý của việc Tây lai, chúc mừng ông đã nắm bắt được!” Sư ra khai đường ở Phước Trăn Hải Diêm, kế đó trụ trì Vĩnh Tộ, lập Đại Bảo các, đúc Thánh tượng Thiên Phật, xây tháp bảy tầng cao hai mươi bốn trượng, sắp thành tựu thì tháp bị nghiêng muốn đổ, Sư bèn cầu khẩn, đến đêm trời bỗng mưa to gió lớn, nghe quỷ thần bàn nhau rằng: “Tháp Thiên Ninh bị nghiêng, mau đến cứu giúp!” Đến sáng ra thì thấy tháp thẳng đứng như cũ. Sư lại dời sang chùa Bảo Quốc ở Hàng châu, Bản Giác ở Gia hưng. Sư xây dựng Vạn Phật các thật to lớn và tráng lệ, giống như thiên cung dời xuống trần thế. Để Sư khen ngợi hành nghiệp của Sư, nên ban cho hiệu là Phật Nhật Phổ Chiếu Tuệ Biện, phù hợp với lời sấm ký của Thần Tăng ngày trước. Không bao lâu, Sư theo lời thỉnh trụ chùa Báo Ân, rồi lui về xây dựng Tây Trai để an dưỡng đến cuối đời.

Vào năm Hồng Võ thứ nhất, Sư đến pháp hội ở Tưởng Sơn, thăng tòa thuyết pháp, sang năm Hồng Võ thứ hai Sư được vua mời thọ trai ở Văn lâu, đích thân vua thăm hỏi, ban cho vàng bạc. Đến năm Hồng Võ thứ ba, vào tháng bảy Sư thị hiện có chút bệnh, tắm rửa xong Sư viết kệ rằng:

*Chân tánh thật viên minh
Vốn chẳng sinh chẳng diệt
Ban đêm ngựa gỗ hí
Tây phương mặt trời mọc.*

Sư lại nói với ngài Mộng Đường rằng: “Ta sắp đi đây!” Ngài Mộng Đường hỏi: “Ngài sắp đi đâu?” Đáp: “Đi Tây phương!” Hỏi: “Tây phương có Phật, Đông phương không có Phật sao?”

Sư hét lên một tiếng lớn rồi an nhiên thị tịch. Hôm ấy nhằm ngày hai mươi sáu tháng bảy năm Canh Tuất, thọ bảy mươi lăm tuổi, sáu mươi ba hạ lạp. Khi trà-tỳ xong thu được nhiều xá-lợi như hạt châu, răng, lưỡi và râu chuỗi không cháy. Tháp thờ được xây tại chùa Vĩnh Tộ ở Thiên Ninh.

Sư có các tác phẩm lục Hội Ngũ Lục, Tịnh Độ Thi, Thượng Sinh Kệ, Bắc Du Phụng Sơn Tây Trai Tam Tập, Hòa Thiên Thai Tam Thánh Thi, Vĩnh Minh Thọ Đào Tĩnh Tiết Lâm Hòa Tĩnh; Sư là một vị Đệ nhất

đăng Tông Sư vào thời mới lập triều Minh.

Tháng mười một, Đế phong tước và ban trưởng. Phong tước công gồm sáu vị:

1. Lý Thiện Trường Tuyên Quốc Công được ban hiệu là Khai Quốc Phụ Vận Suy Thành Thủ Chánh Văn Thần, tấn phong Hàn quốc công.

2. Từ Đạt Tín Quốc Công được ban hiệu Khai Quốc Phụ Vận Suy Thành Tuyên Lực Võ Thần tấn phong Ngụy Quốc Công.

3. Phong Thường Ngô Xuân làm Trịnh Quốc Công.

4. Phong Phùng Thắng làm Tống Quốc Công.

5. Phong Lý Văn Trung làm Tào Quốc Công.

6. Phong Đặng Dũ làm Vệ Quốc Công, phong tước hầu cho hai mươi tám vị (không ghi).

Phong Uông Quảng Dương là Trung Cầm Bá, phong Lưu Bá Ôn làm Thành Ý Bá.

Thiết Khoán (Thiết Khế) được làm bằng sắt, hình dáng cong như miếng ngói xưa, bề mặt có khắc cáo văn, bề lưng có khắc số lần được miễn tội, giảm tử. Cao rộng sai biệt có bảy bậc. Mỗi tấm được cắt làm hai ngay giữa, một nửa trao cho công thần, một nửa giữ trong nội phủ. Khi có biến cố cần đến thì lấy ra hợp lại để làm tin.

Đế ban yến tiệc cho công thần xong thì có lời rằng:

Lúc sáng tỏ thì có thể chiếu soi cái chưa thành hình, lúc tối tăm thì lại che mờ cả những cái đã hiển. Sự chưa hình thành thì còn có thể mong cầu, còn họa đã hiện thì thật là vô phương cách.

Phàm người sống trong giàu sang, chẳng thể buông lung lòng dục, buông lung lòng dục thì xa hoa; chẳng thể để tình phóng đảng, tình phóng đảng thì đa dâm. Dâm đến thì sự lo buồn, nguy hại liền theo. Nay ta sợ các khanh lâu ngày quên sót nên mới khuyên răn nhắc nhở!

Kiệt Phong Thiên sư hứu Thế Ngu, hiệu Kiệt Phong, người Tây An, họ Dư; mẹ là Mao Thị, một hôm mộng thấy Đức Quan Âm tiền Đồng tử Thanh Y mà có thai sinh ra Sư. Từ nhỏ Sư đã thích lễ bái tháp Phật, lớn lên cầu ngài Hiển Giáo Cô Nhan thế phát xuất gia, trích máu viết kinh Kim Cang. Kế đến Sư tham yết ngài Cổ Nhai Thuần, Thạnh Môn Cang được nghe chỗ cốt yếu của việc sử dụng khí lực, Sư bèn ngồi im như cây khô. Sau tham yết Bồ Nạp Ứng, Đoạn Nhai, Trung Phong, rồi đến Thiên Sư Chỉ Nham Thành ở Đại Từ sơn ra sức tham cứu mà đại ngộ, bèn làm kệ rằng:

Nửa đêm bỗng nhiên quên nguyệt chỉ

Hư không xuất hiện mặt trời hồng.

Ngài Chỉ Nham Liễu Ẩn Khả, Sư ở lại hầu hạ ba năm. Sau đó về Trùng Hưng Phước Tuệ cổ sát ở Tây An. Để Sư nghe tiếng ban cho hiệu Phật Trí Hoàng Biện. Sư lại đến trụ trì Hưng Long thiền tự ở Thạch Khê, người được Sư giáo hóa rất đông. Sư làm trụ trì đời thứ nhất ở các chùa Liễu Ứng, Cổ Vọng, Long Nhãn, Bảo Cái, Phổ Nhuận. Vào tháng mười hai mùa đông năm Hồng Võ thứ ba, Sư tham dự Thủy lục đại trai hội do Quận thú Hoàng tổ chức, Phật sự vừa xong thì Sư bị bệnh, bèn nhóm chúng khuyên nên tinh tấn tu đạo, Sư lại viết kệ:

Sinh vốn chẳng sinh

Diệt vốn chẳng diệt

Buông tay liền đi

Trăng sáng bầu trời.

Viết xong Sư ném bút mà thị tịch, thọ bảy mươi tuổi, năm mươi hạ lạp, tháp được xây ở Từ Vân viện tại Ô Thạch.

Sư có để lại Ngữ Lục lưu hành ở đời. Đệ tử đặc pháp có mười lăm vị.

Tháng giêng năm Tân Hợi, niên hiệu Hồng Võ thứ tư Lý Thiện xin về hưu, Lưu Bá Ôn cáo lão về quê.

Vua ban cho hoàng Thái tử Ngọc Đồ Thư gọi là Đại Bản Đường Ký và Trung Quan Đồ Thư gọi là Hậu Tải Chi Ký.

Giới Am Thiên sư hứy Phụ Lương, tự Dụng Trinh, người ở huyện Ngô, họ Phạm là cháu mười đời của Văn Chánh Công, cha tên là Bá Hòa, mẹ là Trịnh thị. Thuở nhỏ Sư đã có tướng xuất trần. Đến năm mười lăm tuổi Sư lễ ngài Thọ Di ở viện Nghinh Phước xuất gia, thọ giới Cụ túc. Sư cảm khái nói rằng: “Học Phật là để minh tâm, nếu không có thầy thì tâm làm sao mà minh, suốt ngày ngồi nhìn vách mà được ư?” Sư bèn đến Bắc Thiên Trạch Công tu tập Thiên Thai giáo quán, nhờ Sĩ Chiêm Tiêu Công sách tấn, nên Sư đến ngài Tiểu Ẩn Tố tham cứu yếu chỉ Thiên. Kế đó Sư cùng với Thạch Thất Anh thi triển cơ phong đối đáp qua lại.

Sư khai đường giảng pháp tại chùa Tư Thánh ở Gia Hưng, và xây dựng điện đường. Kế đến Sư dời đến Thiên Chương rồi qua chùa Trung Thiên Trúc, người đến tham học ngày càng đông. Cuối cùng Sư trùng tu Linh Ẩn cổ sát để làm nơi ẩn tu đến cuối đời.

Ngày mười sáu tháng giêng năm này Sư thị tịch, thọ năm mươi lăm tuổi, hạ lạp bốn mươi. Trà-tỳ thu được một thăng xá-lợi, răng vẫn còn cứng và trắng sạch, lưỡi vẫn hồng nhuận không cháy.

Chín chương tấu nhạc do Lãnh Khiêm tạo: Một là Bản Đại Sơ, hai là Nghinh Đại Minh, ba là Dân Sơ Sinh, bốn Phẩm Vật Hưởng, năm là Ngự Lục Long, sáu là Thái Giai Bình, bảy là Quân Đức Thành, tám là Thánh Đức Thành, chín là Nhạc Thanh Ninh.

Vua nói rằng: “Lễ là dùng để dẫn đến sự tôn kính, nhạc là để nêu lên sự khoan hòa, chẳng kính chẳng hòa thì lấy gì làm đối trị?”

Lãnh Khiêm tự là Khải Kính, người Hàng châu, thông âm luật, giỏi đàn, trống, khắc chạm và hội họa. Cuối đời Nguyên vì giặc Hoàng Cân nên ông lên đánh Ngô sơn ẩn cư, tiêu dao hưởng thú yên hà ngoài trần tục. Đến khi Minh triều vừa lập, ông được triệu làm Thái Thường Hiệp Luật Lang. Những nhạc khúc tế lễ miếu mạo, đền đài đều do ông chế định. Ông cũng thường gặp dị nhân trao cho thuật thần tiên, nên ông có thể ẩn mình trong chiếc bình kê thì lên tiếng, đập vỡ bình ra thì mỗi mảnh vỡ cũng đều lên tiếng.

Tháng tám, Đế gửi thơ hỏi Lưu Cơ về thiên tượng, Lưu Cơ theo từng điều mà trả lời. Ông cho rằng sau khi sương tuyết sẽ có ánh nắng xuân. Nay uy thế của quốc gia đã lập, thì cũng nên dùng sự khoan dung mà có một ít cứu giúp. Đế trao thư này cho Sử quán. Hoặc có người cho rằng vận sát trong ba mươi chín năm cũng chưa trừ hết. Lưu Cơ nói rằng: “Dẫu như nước ta nay quét trừ tất cả phong tục xấu xa, thì hai, ba năm sau dùng chánh sách khoan hòa cũng có thể khôi phục”. (Dẹp vận sát cực yên thì khó, mai sau mới dứt trừ).

Giác Nguyên Thiên sư húy Tuệ Đàm, tự Giác Nguyên, người Thiên Thai, họ Dương; mẹ là Cổ thị, một hôm mộng thấy nuốt hạt châu minh nguyệt mà có thai sinh ra Sư. Đầu tiên Sư lễ ngài Đại Quân chùa Pháp Quả cầu xuất gia, đến năm mười sáu tuổi thọ giới Cụ túc; học luật từ ngài Chiêu Khánh Quả, Cao Ly giáo; học Chỉ Quán nơi ngài Thượng Trúc Trưng. Bấy giờ, ngài Tiểu Ấn Tố dạy Thiên ở chùa Trung Thiên Trúc, Sư bèn đến thiết tha cầu đạo. Ngài Tiểu Ấn nói: “Từ bên ngoài đem về thì chẳng phải là của báu trong nhà. Đạo ở tại tự kỷ, đâu thể cầu tìm nơi người?” Sư bèn trở về chuyên tu thiền định, lắng tâm tĩnh tọa trong thời gian lâu. Một hôm ngài Tiểu Ấn nêu công án Dã Hồ của Bá Trượng, Sư hoát nhiên đại ngộ, liền nói rằng: “Phật pháp rơi vào tay ta rồi, chỉ vì quá phân minh, ngược lại làm cho chậm chứng đắc!” Ngài Tiểu Ấn nói: “Ông thấy đạo lý gì, mà dám lớn lối như thế?” Sư liền giang hai tay ra và nói: “Không có giá trị bằng nửa văn tiên!” Tiểu Ấn hứa khả. Sư theo Tiểu Ấn từ chùa Long Tường, đến diện kiến vua Văn Tông nhà Nguyên ở Khuê Chương, thần thái của Sư vẫn điềm nhiên.

Ngài Tiểu Ấn bèn khen rằng: “Thật đúng là sư tử con trong nhà ta!”

Sau Sư khai pháp ở Tổ Sơn đường trên Ngưu Đầu sơn, sửa sang điện các ngày một mới; lại dời đến trụ Quảng Tuệ Thiền tự ở Thanh Lương, cũng trùng hưng như Ngưu Đầu hoang phế. Đế Sư khen ngợi và ban cho Sư hiệu là Tịnh Giác Diệu Biện. Khi Thái Tổ bình định Kiến Nghiệp, Sư đến yết kiến ở Viên môn, vừa thấy, Đế liền khen rằng: “Đây là vị Tăng phước đức!” Bèn ban chiếu cho Sư trụ Thái Bình Hưng Quốc tự ở Tưởng Sơn. Năm sau lại ban chiếu cho Sư trụ chùa Đại Thiên Giới. Mỗi khi tổ chức pháp hội, Sư đều thăng tòa diễn thuyết, mấy lần vua đến ban ân trạch, tự tay vua đề: “Thiên hạ đệ nhất thiền lâm”, treo ở Tam quan.

Năm Hồng Võ thứ nhất lập Thiện Thế viện, phong cho Sư hàm nhị phẩm, hiệu là Diển Phạm Thiện Thế Lợi Quốc Tùng Giáo Đại Thiên Sư, trụ trì chùa Thiên Giới, thống lãnh các việc trong Thích môn toàn quốc, đồng thời ban cáo mệnh phải đắp tử y. Có người đề nghị rằng nếu có Tăng sĩ nào hành phi pháp thì nên nghiêm trị. Sư bèn nói: “Ngạn ngữ có câu: Trong khu rừng lớn ắt có những cây vô dụng có thể chặt bỏ hết ư? Chỉ càng làm xấu thêm Thích môn mà thôi! Việc đã lộ bày chớ nên tha thứ mới được!”

Năm Hồng Võ thứ ba, Sư phụng chiếu đi xứ Tây Vực, đến tháng chín năm Hồng Võ thứ tư, Sư có bệnh, nói với mọi người rằng: “Ta chẳng thể về phục mệnh được!” rồi thị tịch, thọ sáu mươi tám tuổi, năm mươi ba hạ lạc. Quốc vương nước này dùng kim quan gỗ hương tẩm liệm và củi hương để trà-tỳ. Linh cốt chôn cất bên cạnh tháp Bích-chi-phật ở nước này; pháp hữu là Tông Lạc thỉnh pháp y của Sư về thờ ở Vũ Hoa đài, trên Tụ Bảo sơn tại Nam kinh.

Cổ Am Thiên sư húy Hiển Thị, họ Lư; mẹ là Kim thị, một hôm mộng thấy Quan Âm Đại Sĩ hiện trong vầng mây năm sắc mà sinh ra Sư. Năm hai mươi một tuổi, Sư lễ ngài Nhất Sơn Nguyên cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Đầu tiên Sư tham yết Chỉ Kiến Phật Hải ở Thiên Nhai, chuyên học Thiên Thai giáo quán, đồng thời học thông văn nghĩa của Đại Tiểu thừa; có ai hỏi thì luận biện như nước chảy. Sau Sư thân cận các vị Hổ Nham Di, Hiền Tẩu Tư, nên đạo lực ngày càng tăng tiến. Sư khai pháp ở Long Thọ Giáo tự, phát huy phép tắc xưa; rồi sang trùng hưng Hiển Nghiêm Giáo tự đã hoang phế, dẫn dắt người học các nơi, dốc sức truyền trao những điều đã tích lũy từ xưa. Sau Sư ẩn cư nơi núi rừng chuyên tu Tây phương tịnh nghiệp, suốt ngày niệm Phật, từng hiển hiện nhiều việc linh nghiệm. Sư thị tịch vào năm Tân Hợi niên hiệu

Hồng Võ thứ tư.

Năm Nhâm Tý niên hiệu Hồng Võ thứ năm, vì chưa được ấn truyền quốc của nhiều đời, nên vua sai các tướng tìm kiếm.

Tháng ba cấp độ điệp cho Tăng và Đạo sĩ. Cứu giúp những người già, trẻ, nam, nữ, cô bản khốn khổ. Ban chiếu cho các quan cử hành lễ ẩm tửu ở các làng xóm. Mùa xuân Đế đến chùa Tướng Sơn, ban chiếu lập Quảng Tiến Pháp Hội, thỉnh các Sa-môn danh đức bốn phương về hiệu đính Tạng Kinh.

Vua đề tên cho khúc nhạc. Đế lệnh cho Tông Lạc soạn nhạc khúc hiến Phật. Tông lạc soạn xong trình lên Đế đề tên. Đế đề: Một là khúc Thiện Thế, hai là khúc Chiêu Tín, ba là Khúc Diên Từ, bốn là Khúc Pháp Hỷ, năm là Khúc Thiên Duyệt, sáu là Khúc Biến Ứng, bảy là Khúc Diệu Tế, tám là Khúc Thiện Thành.

Đế lại bảo Thái Thường hòa hiệp với tiết tấu của ca múa mà sử dụng. Đây là một định chế nổi tiếng.

Quảng Tiến Pháp Hội:

Bấy giờ đất nước chẳng ưu lo, hợp hòa khương thái, văn võ an vui gió mưa thời thuận. Đế đoan tọa im lặng tư duy đạo màu, lắng tâm tưởng niệm: Vào cuối đời Nguyên binh lửa khởi, thiên hạ tranh hùng, các loài chúng sinh chẳng được chánh mệnh mà chung thân, phát động đến cả vạn ức, khiến linh khí u uất khắp nơi, đầy cả trên dưới, dù tế lễ cũng chẳng thể tan, cô khổ không nơi nương gá; những lúc trời đêm mưa lạnh giá, như nghe những tiếng sầu than thảm thiết, lòng Đế thật đau thương như có bệnh nơi mình. Nay cho rằng trừ dẹp được những u uất khiến cho tất cả được siêu thăng, chỉ có giáo của đấng Đại Hùng mới có thể làm được!

Tống Văn Hiến Công có làm ký và thờ hỗ trợ đầy đủ pháp duyên; Thiên sư Bồ Am đến, lại soạn một Thiên Chung Sơn cao, ghi chép đầy đủ trước sau và các việc lành linh dị trong pháp hội.

Đế lệnh cho Tăng Đạo Lục Ty lập ra Châu Tri Sách, phân phát cho các chùa và đạo quán trong thiên hạ. Phàm gặp Tăng Ni, Đạo sĩ ở bất cứ nơi đâu, thì liền cho gạn hỏi đối chiếu với sách này về cha mẹ, quê quán, ngày tháng xuất gia được độ... nếu trả lời chẳng hợp với sách thì biết là nguy Tăng.

Cô Phong Thiên sư hựu là Minh Đức, người Xương Quốc họ Chu; mẹ là Hoàng thị nằm mộng thấy vị Tăng là Giới Công nâng ngôi sao, bèn có thai và sinh ra Sư. Lúc còn nhỏ Sư đã thích ngôi kiết già, năm mười hai tuổi lễ Tích Công ở Hoàng sơn xin làm đệ tử, lại đến núi Ngũ

Đài thọ giới Cụ túc. Đầu tiên Sư tham yết ngài Trúc Tây Thản, nghe nêu câu chuyện Thế Tôn niêm hoa mà lĩnh ngộ. Kế đó Sư tham yết ngài Hối Cơ Hy, Minh Cực Tuấn, mà tâm không còn chướng ngại. Sau Sư gặp Trúc Điền Lâm Công, được ngài Trúc Điền nêu công án “Trâu đất vào biển” mà hoá nhiên đại ngộ, các mối nghi tức thời tan biến. Sư cùng với ngài Trọng Phương Luân kết am nơi đảo Đào Hoa, hằng ngày sách tấn nhau xem đọc kinh Hoa Nghiêm.

Sư khai pháp ở chùa Đông Thiên, rồi đến chùa Bảo Ninh ở Tập Khánh, dẫn dắt người học, khôi phục lại những cái đã hư hại. Để Sư ban cho Sư hiệu Viên Minh Định Tuệ và pháp y Kim lan. Các quan thời ấy không ai chẳng muốn kết giao với Sư. Ba lần Sư đến đạo tràng ở Hồ châu, lần lượt kiến tạo cho đến hoàn thành. Sư lại đến chùa Tịnh Từ ở Hàng châu, vâng chiếu vào triều cảm tạ ân tứ, rồi trở về am Trúc Lâm ở Đạo tràng.

Một hôm Sư khuyên dạy đệ tử rằng: “Thân ta tuy nhỏ bé nhưng có tánh nhất chân đồng Như Lai. Tướng thế gian khởi diệt không khác gì đập đá, nháy lửa, ánh chớp. Các ông phải ngày đêm siêng năng tu hành, không được sinh tâm lui sụt”. Sư lại viết kệ rồi thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi, sáu mươi hai hạ lạp. Linh cốt an táng ở Đông cương. Sư có để lại Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Bích Phong Thiên sư húy Bảo Ngọc, người Vĩnh Thọ, họ Thạch, cha là Xứng Trưởng giả; mẹ là Trương thị chuyên làm việc thiện không mỗi một, một hôm vị Tăng khát thực trao cho bà một tượng Quán Âm và dặn dò rằng: “Nếu chí thành thờ phụng thì sẽ sinh một đứa con trai trí tuệ!” Không bao lâu sinh ra Sư. Khi sinh thì ánh sáng chiếu sáng ngôi nhà. Năm lên sáu tuổi Sư vào làm đệ tử Pháp sư Vân Tịch cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Sư lại theo học khắp các đạo tràng, thông suốt các học thuyết tánh, tướng, giảng thuyết rất trôi chảy. Một hôm Sư tham yết ngài Như Hải Chân, được chỉ bày yếu chỉ của đạo, thì Sư khởi đại nghi tình, tận lực tham cứu ba năm quên ăn bỏ ngủ mới dẹp được trần lao, lại ba năm tọa thiền mới đạt được Đại định lực. Một hôm nghe âm thanh chặt cây, Sư liền nói: “Việc trước khi sinh, ngày hôm nay ta mới biết được chỗ chân thật”. Sư vội đến Chân Công cầu ấn chứng. Chân Công tận lực cật vấn, đến cả việc vẽ ba mươi tướng tròn để chỉ bày, Sư đều đối đáp đầy đủ. Chân Công nói: “Nay ông mới biết được Phật pháp rộng lớn và thù thắng như thế!”

Sư lại đến núi Ngũ Đài để kiểm chứng đời trước của mình, gặp ngài Văn-thù ứng hiện, Sư bèn lập am Linh Thứu để an trụ, người đến

cúng dường lúa gạo rất nhiều. Vua Thuận Đế nhà Nguyên hạ chiếu thỉnh Sư về Yên kinh ban cho Tăng-già-lê Kim lan. Năm sau lại triệu kiến ở Nghinh Xuân các, lập đàn cầu mưa có ứng nghiệm, vua ban tặng vàng bạc, vải lụa, Sư nhận lấy đem cứu giúp người đói khát. Vua đặc biệt ban cho Sư hiệu là Tịch Chiếu Viên Minh, thỉnh trụ trì Hải Ấn thiền tự, nhưng Sư xin được trở về núi.

Niên hiệu Hồng Võ thứ ba, Thái tổ triệu Sư đến Nam kinh diện kiến ở điện Phụng Thiên, lưu Sư lại chùa Đại Thiên Giới, rồi triệu vào cung hỏi về Phật pháp và tình cảnh của quý thân, Sư tâu trình rất hợp ý vua. Năm Hồng Võ thứ tư vua thiết trai tăng tại chùa Sùng Hy. Ngày rằm tháng giêng năm Hồng Võ thứ năm, vua hành lễ hiến Phật, thỉnh Sư thí Ma già học thực, để cứu giúp chốn u minh. Vua ân sủng ban tặng một tứ thơ mười hai vận trong đó có những lời: “Huyền quan tận ngộ, dĩ thành Chánh giác”.

Ngày mồng bốn tháng sáu năm ấy, Sư tắm rửa xong rồi ngồi yên thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi, năm mươi chín hạ lạc, trà-tỳ thân được xá-lợi năm màu, răng lưỡi, xương chuỗi không cháy.

Sư là một bậc cao Tăng có phong thái kỳ vĩ, đoan nghiêm đầy đủ phước tuệ, đến đâu cũng đều giáo hóa, chính là một vị Phật sống xuất hiện vậy.

Dụng Chuyết Thiên sư húy là Tổ Nhĩ, tự là Nhật Chương, họ Trương, người Thương Thục. Sau khi cạo tóc xuất gia, Sư đến Tây Minh. Bấy giờ ngài Ngã Am Vô Trụ tại Diên Khánh, Thạch Thất Anh trụ tại Dục Vương, đều đối xử với Sư như bạn vong niên. Sau kế thừa dòng pháp của Pháp sư Trúc Ốc Tịnh. Sư khai pháp ở Vĩnh Định Giáo tự, rồi đến Quảng Hiếu ở Côn lân, Tịnh Tín ở Gia Định. Sư làm chủ về giáo ở vùng Ngô hạ suốt năm mươi năm.

Niên hiệu Hồng Võ thứ nhất, Sư được chọn là một trong những vị Tăng có đức hạnh cao trọng, vâng chỉ về kinh đến chùa Đại Thiên Giới thuyết pháp. Vua mấy lần mời Sư vào cung luận đáp, đều hợp ý, nên ban hiệu là Từ Nhẫn Pháp Sư. Sau Sư xin về quê và thị tịch.

Năm Quý Sửu, niên hiệu Hồng Võ thứ sáu, cấp độ điệp cho Tăng Ni trong khắp thiên hạ. Triều trước phần nhiều tính số lượng Tăng mà bán độ điệp, gọi là miễn đình tiền, Đế hạ chiếu trừ bỏ, ấn tứ về triều để giám sát, khiến ngăn việc uống rượu ăn thịt, lại dùng chỉ dụ để khuyến tu tiến đức. Đế rộng thi hành nhân đức trong việc trị chánh.

Thành Kim lăng hoàn thành, Đế cùng với Lưu Cơ đồng đến xem. Đế nói: “Thành cao như thế, chẳng ai có thể nhảy qua được!” Lưu Cơ

nói: Chỉ có chim én (Yến, Yên) mới bay vào được! Sau Yên Vương vào Kim lăng, thật hợp với lời sấm này.

Để tìm cầu người hiền tài trong thiên hạ, Đế hiểu dụ rằng:

“Trên đời có hiền tài là báu vật của quốc gia. Các bậc thánh quân từ xưa đã từng miệt mài cầu hiền. Bởi vì không đủ hiền tài, không thể trọn vẹn trị quốc. Hồng học bay xa là nhờ vào đôi cánh, giao long vẫy vùng bởi do vẫy và vây, còn đấng nhân quân trị nước hay là nhờ có hiền tài phụ tá.”

“Nay các ẩn sĩ chốn sơn lâm, há chẳng có văn nghệ đức hạnh đủ nổi tiếng ư? Các quan nên lễ mời họ về Kinh, sử dụng họ để mưu cầu việc trị quốc!”

Đế trình bày đạo trị quốc cho Quế Ngạn Lương nghe. Ngạn Lương tâu rằng:

“Đạo tại nơi chánh tâm”. Lại nói: “Dùng Đức thì nhân, dùng pháp thì nhọc. Dùng pháp để an dân, thì dân nhọc mà chẳng an; dùng đức để an dân thì dân an nơi đức!”

Đế khen rằng: “Khanh là thầy của Đế Vương!” Đế ban chiếu cật Đế Sư của triều Nguyên là Năm Ca. Ba Tạng Bốc làm Xí Thạnh Phật Bảo Quốc Sư. Từ đó các vị tăng Tây Tạng có người được phong là Quán Đảnh Quốc Sư cho đến tước Tán Thiện Vương, Xiển Hóa Vương, Chánh Giác Đại Thừa Pháp Vương, Như Lai Đại Bảo Pháp Vương và đều được ban cho ấn tín cáo mệnh, lãnh đạo nhân dân nước của mình, hai năm triều cống một lần.

Tháng năm Tỏ Thuận Lục soạn xong, Đế bảo lễ quan xem xét những Đế vương các đời, ai có công trong việc dưỡng dân thì lập miếu tôn thờ.

Đế bảo nên dùng những ngôn ngữ thông tục để chú thích kinh sách, khiến cho mọi người đều thông hiểu được ý chỉ của Thánh hiền. Chú thích hoàn thành dâng lên, vua đặt tên là Quần Kinh Loại Yếu.

Vô Mộng Thiền Sư húy là Linh Khí, tự Vô Mộng, hiệu là Tây Am, người Từ Khê, họ Vương; mẹ là Châu thị. Thuở nhỏ Sư theo Nho học, bỗng nhiên tâm xuất trần bộc phát, Sư bèn lễ ngài Tử Văn Lương thế phát xuất gia, rồi đến Chiêu khánh thọ giới Cụ túc, Sư học tập thông tất cả các giáo Tánh, Tướng. Sau nương ngài Nguyên Tẩu Đoan tham học pháp thiền mà tâm tánh rỗng rang vô ngại. Năm Diên Hựu thứ nhất Sư phụng chiếu lập hội Thủy lục ở Kim sơn. Trong khoảng niên hiệu Chí Nguyên Sư Khai pháp ở chùa Bảo Khánh tại Khánh Nguyên, rồi dời đến Khai Thọ, ba lần đến trụ Quốc Thanh. Đế Sư ban tử y và hiệu. Dù

cho gió biển thổi mạnh am tranh phủ khắp, Sư vẫn an nhiên chẳng lay động. Sư khuyên dạy đồ chúng rằng: “Nếu nghiên cứu không Tông, nên bỏ hình hài, quên ăn ngủ để tiêu trừ tập khí nhiều kiếp, sau đó tâm địa mới sáng tỏ”.

Niên hiệu Hồng Võ thứ hai, Đế ban chiếu triệu tập những vị tăng đạo cao đức trọng, trong đó có Sư, vua ban chiếu thỉnh Sư tạm trụ tại chùa Thiên Giới, sau khi đã cùng vua tâu đáp xong, vì tuổi cao, Sư được Đế thương xót cho phép trở về núi. Tháng hai năm ấy Sư bảo đệ tử rằng: Ba cõi là không hoa, như gió cuốn, khói mây, sáu trần là huyễn ảnh như nước nóng làm tan tuyết. Từ cổ chí kim chỉ một tánh độc tồn. Ta sắp thị tịch, hãy nghe ta nói kệ đây:

*Ta có một vật
Không dầu không mặt
Muốn được rõ ràng
Niết bàn sẽ thấy.*

Nói xong nhắm mắt thị tịch, thọ tám mươi chín tuổi. Tháp thờ xây ở núi Thanh Lương, Thiên Thai.

Thời bấy giờ rất tôn sùng Phật Lão, nên đồ chúng ngày càng đông, Đế ban lệnh cho quận huyện chọn lựa những vị có đầy đủ giới hạnh nhận lãnh Pháp sự.

Nghịch Xuyên Pháp sư húy Trí Thuận, họ Trần, người Thụy An, cha mẹ của Sư chuyên tu tịnh nghiệp đến lúc lâm chung hoa sen hiện nơi cửa.

Mẹ Sư là Lâu thị thờ phụng tượng Đại sư Trí Giả để cầu tự, một hôm mộng thấy vị tăng trên đầu có hào quang đang lướt ngược dòng trên sông, vẫy gọi Lâu thị rằng: “Ta sẽ là con của bà!” Mới sinh Sư đã có đầy đủ khí chất tốt đẹp. Năm bảy tuổi thì xuất gia học kinh Pháp Hoa, ba tháng thì đọc tụng thông thuộc, kế thừa dòng pháp ngài Giác Nguyên Xán ở viện Vô Tướng. Kế đó Sư nương ngài Hoàn Vân Nhạc học tập yếu chỉ Tam Quán Thập Thừa, nhận chức Cương Duy nơi hội của ngài Độc Hải Thanh; khi tham yết ngài Thiết Quan Xu nhận lãnh tâm yếu, thì chân học tích tập từ lâu nay điều cơ bộc phát. Sư lại tham yết ngài Thiên Nham Trường rồi trở về nơi ngài Thiết Quan cầu ấn chứng. Ngài Thiết Quan cật vấn luận biện xong, mới trao lời phó chúc. Đầu tiên Sư trụ trì chùa Báo Ân, kế đến qua thác Hà Sơn, khai sơn chùa Quy Nguyên. Triều đình ban cho tẩm biển đề tên viện, ban cho Sư hiệu là Phật Tánh Viên Biện và Tăng-già-lê Kim lan. Tháp Tịnh Quang ở Ôn thành hư hoại, Sư tận lực trùng tu. Chùa Đông thiền hoang phế Sư

lại đến tu sửa hoàn thành. Tất cả những việc Sư lo liệu đều thành tựu. Mọi người đều nói rằng: “Ví như thầy của ta mà làm Tổng binh thì chẳng có cái lo bại Bắc!”

Thiên Phật viện, Vạn Phật Các đều do Sư sắp đặt, thật quy mô, rực rỡ. Niên hiệu Hồng Võ thứ nhất Sư được mời tham dự pháp hội ở Chung Sơn. Sau đó Sư trụ trì chùa Tịnh Từ. Khi triều đình triệu những trụ trì ở ngôi chùa nổi tiếng về kinh để ham hỏi, Sư bèn đến Nam kinh, trải qua bốn tháng, một hôm Sư viết kệ để lại rồi thị tịch. Bấy giờ là ngày hai mươi tháng tám. Trà-tỳ thân được rất nhiều xá-lợi; linh cốt an táng lại Tụ bảo sơn. Sư để lại Ngữ Lục và Thiện Tài kệ lưu hành ở đời.

Đại Thiên Thiền sư húy Tuệ Chiếu, họ Ma, người Vĩnh Gia, mẹ là Hoàng thị. Cha mẹ quý Sư như châu ngọc. Năm mười lăm tuổi Sư lễ Lãng Công cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc. Đầu tiên tham yết ngài Hối Cơ Hi, Đông Tự Hải, Thạch Lâm cũng để nghiên cứu sự lý nhân tình và giáo thừa. Sau tham kiến Tuyên Công tại chùa Tịnh Từ ở Hàng châu. Sư khai pháp ở Minh Khánh, dạy đồ chúng rằng: “Muốn được Phật pháp hiện tiền thì chẳng nên giữ tri giải. Một vật cũng chẳng chấp, tự tại đi đứng!” Người nghe đều hoan hỷ. Sư dời sang chùa Bảo đà ở Tứ Minh, luôn dùng đức dày để tiếp độ người học, mọi người đều phục sự giáo hóa của Sư. Sư thường dùng Tam quan để kiểm nghiệm người học. Sau Sư lập một ngôi thất, đặt tên là Mộng Am, tự lấy hiệu là Mộng Thế Tẩu. Sư đóng thất tịnh tu, bụi bám đầy chiếu chẳng quan tâm. Ngày mồng một tháng mười năm này, Sư nhóm đệ tử lại bảo rằng: “Ta sắp đi Tây phương!” rồi an nhiên thị tịch, thọ tám mươi lăm tuổi, hạ lap bảy mươi. Trà-tỳ có xá-lợi năm màu, răng, lưỡi và râu chuôi chẳng cháy; linh cốt an táng sau Mộng am. Sư có để lại Ngữ Lục ở đời.

Năm Giáp Dần, niên hiệu Hồng Võ thứ bảy, Tống Liêm tu chỉnh hoàn thành lịch Đại Minh gồm một trăm quyển. Lại chọn những ngôn hạnh to lớn làm Hoàng Minh Bảo Huấn năm quyển.

Đế nói với Tống Liêm rằng: “Trẫm làm vua, trên thì sợ đất trời, dưới thì sợ muôn dân, lo lắng canh cánh trong lòng, chẳng dám an nhàn!”

Tống Liêm tâu: “Tấm lòng này của Bệ hạ cũng chính là tấm lòng của các bậc Đế vương xưa, thận trọng trước sau như một, thiên hạ thật may mắn vậy!”

Thái Tổ hạ chiếu rằng: “Trước kia, nhân thiên hạ đại loạn mà người chết không thể tính kể, người sống thì nếm đủ gian nan cay đắng trải qua nhiều năm. Trẫm từ áo vải khởi binh đánh dẹp quần hùng, yên

định được loạn lạc, cải niên hiệu là Hồng Võ, đến nay đã bảy năm. Nhưng với tài sơ đức mỏng, ngày đêm lo nghĩ Thượng đế trách phạt. Suy nghĩ kỹ càng chỉ có những kẻ bị khổ đau sau binh loạn Trẫm chưa an ủi vỗ cứu giúp. Đó là những quân sĩ vì Trẫm mà khai mở cương thổ, anh dũng quên thân, chết nơi chiến trường, thân xác không đem về được cố hương, hồn phách không nơi nương gá; cha mẹ già nua, vợ lại cô bần, con còn nhỏ dại. Bỗng chốc buông bỏ lìa xa đến nay chẳng thể sinh tồn, đó là lỗi của Trẫm vậy. Lại nhân dân nhiều năm tránh nạn, cha ở phương Nam, con tại đất Bắc, cho đến hôm nay cũng chưa thể sum họp, phụng dưỡng; có như thế cũng là lỗi của Trẫm. Nói đến đây thật đáng xót thương.

Nay ban chiếu cho các quan trong thiên hạ, mỗi mỗi ghi chép đầy đủ tên tuổi, để Trẫm sẽ lo việc vỗ về phụng dưỡng, chớ để sai sót.”

Nhật Bản Thiền sư húy Ấn Nguyên, tự Cổ Nguyên, họ Đằng người Tương châu. Khi sinh Sư có hiện điềm linh dị. Thuở nhỏ Sư đã có chí hướng đặc biệt, tám tuổi đã quy y ngài Đào Quang Ngô, mười ba tuổi thế phát xuất gia rồi thọ giới Cụ túc. Sau đó Sư phấn khởi về Nam, đầu tiên tham vấn ngài Vô Kiến Đỗ, Trung Phong Bản, Sư ở lại đây hầu hạ. Một hôm Sư trình kiến giải của mình, ngài Trung Phong trách rằng: “Cẩn thận chằng đoạn như trời buộc, sao lại hư vọng nơi trần lao? Tất cả chằng phải là việc cứu cánh”. Do đó Sư dốc sức tham cứu, trải qua thời gian lâu Sư có tỉnh ngộ, cảnh vật trước mắt hiện trắng xóa đến cùng tận, Sư lại nhập thất ấn chứng kiến giải siêu việt này, ngài Trung Phong dặn dò nên tự giữ gìn. Bấy giờ ngài Hư Cốc Linh, Cổ Lâm Mậu, Đông Tự Hải, Nguyệt Giang Ấn, Sư đều có đến tham yết, gọi Sư là Sư tử trong tông lâm.

Sau Sư cùng với ngài Tịnh Chuyết Trừng sang Nhật Bản kiến lập pháp tràng giáo hóa khắp nơi, công lao rất lớn. Đầu tiên Sư khai pháp ở chùa Tuệ Lâm, nhận hương kế thừa dòng pháp ngài Trung Phong, kế đến trụ trì Đẳng Trì Giáo tự, Chân Như, Vạn Thọ, Tịnh Trí, Phổ Ứng, viện Trường Thọ, Viên Giác, Kiến Tường. Về già Sư lui về ẩn cư ở chùa Trường Thọ. Tháng giêng năm này Sư thị hiện có bệnh, đến ngày hai mươi ba, Sư gọi đệ tử lại dặn dò rằng: “Các ông cần phải vâng giữ những điều ta dạy hằng ngày, làm cho pháp luân thường chuyển mới được. Sư viết hai chữ “Tâm ấn” thật lớn để đặt trên tháp. Sư thọ tám mươi tuổi, sáu mươi hạ lap.

Nguyên Chứng tự là Đại Do, họ Lý, người Cô Tô, mẹ là Đào Thị, cầu khẩn Quan Âm Đại Sĩ mà sinh Sư. Thuở nhỏ Sư đã dĩnh ngộ

lạ thường, học Phật ở chùa Đốn Giác, sau đó xuất gia thọ giới Cụ túc, từng cùng với ngài Pháp Tú du học khắp nơi, kết bạn rất nhiều. Sư từng tham yết Tịnh Giác Pháp sư ở Nam kinh. Ngài Tịnh Giác nói: “Tài của ông rất sắc bén, nên để tâm đến văn học, kỳ vọng rằng mai sau ông lập tông phò giáo!” Từ đó Sư nghiên cứu học tập tất cả sách vở cổ kim. Văn chương Sư soạn ra lời lẽ thật nghiêm trang mà có khí chất lạ thường. Sư khai pháp ở chùa Vĩnh Tây rồi dời đến Đạo tràng ở Ngô Hưng. Sau lui về ẩn cư trong núi Võ Khương. Sư soạn Quán Huyền Tử Nội Ngoại Thiên để dung hợp chỗ ảo diệu của Nho Thích về một mối, hơn hẳn người xưa. Tài hoa của Sư chẳng thể che giấu. Sư lại đến chùa Đại Thiên Giới gặp Thái Tổ; Thái Tổ hỏi về vị tăng tài này nơi Tống Liêm, Tống Liêm tường trình rõ. Đế lại xem tác phẩm của Sư và khen rằng: “Luận nghị thật cao vời, đúng là vàng ròng trong đồng sắt”. Vua liền triệu kiến ở điện Cẩn Thân, thăm hỏi chí thiết, rồi sai lại bộ viết chiếu phong cho Sư chức hàn lâm.

Tháng hai năm này Sư bị bệnh mà thị tịch, thọ ba mươi bảy tuổi. Đế hỏi về các Nho sĩ học rộng nơi Tống Liêm, Tống Liêm tường trình: “Ở Cối kê có Quách Truyền tuy gởi thân chốn không môn mà thật là bậc kỳ tài trong thiên hạ đời nay”.

Đế gặt đầu. Tống Liêm dâng lên Đế các bài văn của Quách Truyền. Vua xem xong liền triệu kiến, giữ lại trong cung hằng ngày gần gũi để tiện việc tham hỏi. Ông chỉ có một lòng thanh bạch, phàm có việc gì nên lấy bỏ, ông đều trình bày, không ẩn dấu. Đầu tiên Đế phong ông làm Hàn lâm Ứng Cử rồi thăng khởi Cư Chú đến Khảo Công Thừa.

Lưu Cơ soạn Cam Lộ Tụng để xưng tán:

Tháng mười niên hiệu Hồng Võ thứ tư, Cam Lộ rơi ở Chung sơn thắm nhuần cây cỏ, trắng trong như mỡ đông kết. Tháng mười một niên hiệu Hồng Võ thứ năm lại rơi tiếp; mùa xuân và tháng mười một năm này vẫn rơi như lúc đầu. Như thế thì biết đức của vua rất lớn, nên điềm lành ứng hiện.

Tây Bạch Pháp sư húy Lực Kim, họ Dao, người ở quận Ngô. Mẹ Sư là Châu thị một hôm mộng thấy một vị lão Tăng bước vào cửa nhà mà có thai sinh ra Sư, lúc vừa sinh thì mùi hương lạ xông đầy phòng; dung mạo Sư tuấn tú, mặt tròn sáng và trắng như viên ngọc đã mài dũa khéo léo, ai thấy cũng yêu thích. Đến năm bảy tuổi thì thông minh đĩnh ngộ lạ thường, phàm sách gì hễ một lần đọc qua thì liền nhớ. Khi thấy tượng Phật thì lễ bái. Sư xin phép cha mẹ được xuất gia; Sư liền đến

lễ ngài Đạo Nguyên Diễn cầu xuất gia và thọ giới Cụ túc, đồng thời nghiên cứu yếu chỉ Tam Quán Thập Thừa. Khi ngài Đạo Nguyên trụ trì chùa Đức Tạng ở Tú châu, Sư đi theo và nhận chức Cương Duy. Kế đó Sư tham yết ngài Cổ Đĩnh Minh ở Kính sơn, vừa tiếp cơ thì khế ngộ. Khoảng niên hiệu Chí Chánh, Sư ra khai pháp ở chùa Thụy Quang tại Tô châu, trùng tu chùa Thiên Ninh ở Gia hưng. Đế Sư nghe Sư là bậc hiền đức liền ban cho hiệu là Viên Thông Phổ Tế.

Sư đã xây dựng am Cô Vân để phụng dưỡng mẹ già, bắt chước theo ý của ngài Mục Châu Trần Tôn Túc đời Đường. Năm Hồng Võ thứ nhất, có chỉ dụ mời Sư trụ trì chùa Đại Thiên Giới. Sư về kinh yết kiến Thái Tổ ngoài triều. Đế chúc mừng, ân sủng ban cho Ngự soạn (cơm chay vua ban), đồng thời triệu vào cung cấm, tâu đáp thật hợp ý chỉ. Sư lâu thông nội ngoại kinh điển, luận đàm với các quan, lời lẽ thao thao như nhả ngọc, vì thế ai cũng thích giao du.

Mùa xuân niên hiệu Hồng Võ thứ tư, vua hạ chiếu lập Quảng Tiến Pháp Hội, Sư được mời chủ trì chung Pháp sự này. Đến mùa đông niên hiệu Hồng Võ thứ năm, lại tổ chức hội này; Đế thân hành đến dự, thỉnh Sư giảng thuyết Đệ Nhất Nghĩa Đế, hàng Công, Hầu, Khánh tướng và mọi người đều kính phục.

Ngày hai mươi bốn tháng mười hai năm này, Sư hiện có chút bệnh mà thị tịch.

Tháng giêng năm Ất Mão, niên hiệu Hồng Võ thứ tám, Thái Tổ bảo Trung Thư Tĩnh hạ chiếu cho các quận huyện trong thiên hạ, tìm hỏi những cùng dân, nếu ai nghèo khổ thì cấp cho áo quần lương thực, ai không nơi nương gá thì cấp cho nhà cửa. Đế ban chỉ dụ rằng:

Thiên hạ đã một nhà, nhân dân là một thể. Nếu những ai chẳng đạt được những điều cần yếu, thì nên nghĩ đến mà thương yêu cấp dưỡng cho họ. Khi xưa ta còn là một người dân thường, tận mắt thấy được nỗi khổ ấy. Những kẻ góa vợ, góa chồng, cô độc, đói khát, bần hàn, khốn khổ thường hay chán sống, hận sao chẳng được chết ngay. Những kẻ như thế lẫn quẩn nơi bờ ao, hốc núi, ngồi đó mà chờ đợi. Vào thời loạn ly, ta gặp những cảnh này, lòng ta càng thêm trắc ẩn. Cho nên thân thống lãnh quân binh, thể định yên bốn biển, để cùng với ta yên ổn một nhà.

Đến nay ta thay trời chăn dắt muôn dân đã hơn mười năm rồi, như nhân dân trong thiên hạ, còn những người phân ly, không nhà cửa, thì không chỉ mất đi chí nguyện khi xưa của Trẫm, mà công lao thay trời cũng chẳng thể trọn vẹn! Các khanh là phụ tướng của Trẫm phải nên

thuận theo bản hoài của Trẫm, chẳng nên để cho một người dân nào không đạt được.

Tháng ba Đế sai người soạn Quốc Tử sinh, phân ra giáo hóa phương Bắc. Đế dụ rằng: Trị nước giỏi là do sửa đổi làm cho phong tục tốt, phong tục tốt đẹp là do nơi giáo hóa; giáo hóa mà thi hành thì có thể khiến người bình thường thành quân tử; giáo hóa mà phế bỏ thì khiến cho bậc trung lưu rơi làm kẻ tiểu nhân.

Chiếu ghi rằng: “Nông nghiệp là gốc của y thực, trường học là nguồn của đạo lý. Trẫm thường đặt quan coi sóc ban cấp điều chương, khiến phải đôn đốc việc dạy dỗ. Mong sao cho nhân dân cơm no áo ấm, đạo lý xương minh vậy...”

Tháng tư, Thành Ý Bá là Lưu Công qua đời, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Trước khi qua đời, ông đã trao sách về Thiên văn cho con là Liễn dâng trình lên Thái Tổ và dặn dò rằng: “Chớ nên để cho người sau học theo!” Đế thường gọi ông là lão Tiên sinh và cho là Tử Phòng của mình. Đến tháng chín, vua ban chiếu xây dựng cung điện trong đại nội, ông nói với quần thần rằng: Vào thời Đường Ngu cung thất quá đơn sơ, đến đời sau thì quá xa hoa tráng lệ, quen chuộng hoa mỹ mà bỏ mất nếp cổ xưa. Trẫm nay xây dựng cốt chỉ muốn bền chắc, không thích tráng lệ, phàm điêu khắc tô vẽ tinh xảo công phu, nhất thiết không nên. Chỉ cần đơn giản kiên cố có thể lưu truyền vạn thế, khiến cho con cháu của ta đời sau lấy đó làm phép tắc. Đến như làm đài, tạ, vườn cảnh để du ngoạn vui chơi hưởng lạc mà nhọc sức dân, hao tiền của, thì nhất quyết Trẫm chẳng làm. Nay sắc lệnh cho quan chủ quản biết được ý Trẫm”.

Luận Cam Lộ: “Tháng mười một Cam lộ rơi trên cây tùng xanh ở Viên Khâu, giọt đọng treo trên dưới đều có, giống như hạt minh châu. Hứng lấy mà dùng thì vị ngọt như đường. Các Nho thần đều dâng thi ca, tán tụng ân đức của Đế. Đế nói rằng: Chỗ thường tình của con người là thích điều lành ghét điều xấu. Nhưng đạo trời sâu kín huyền diệu khôn lường. Nếu ỷ vào điềm lành mà không tự răn, thì điềm lành chưa hẳn đã tốt. Thấy điềm xấu mà hay tự răn bảo thì điềm xấu chưa hẳn là hung. Bởi vì nghe đến tai họa mà sợ thì hoặc là được phước lộc; thấy điềm lành mà vui, thì hoặc là dẫn đến việc xấu. Vì sao? Vì phàm phu khi tâm lo sợ thì tự răn mình, còn tâm vui thú thì hoang đãng, tâm dễ buông lung. Đức của Trẫm chẳng bằng ai, chỉ mong luôn luôn lĩnh xét tu sửa, chứ đâu giám lấy điềm này để đặt vào mình?” Nhân đây mà soạn Cam Lộ Luận để chỉ thị cho quần thần.

Đức Ấn Thiên sư húy là Phổ Nhân, tự là Đức Ấn, họ Triệu, người

ở Lan Khê, mẹ là Dương thị. Lúc còn nhỏ Sư đã có chí xuất trần. Năm lên mười tuổi Sư lễ ngài Thu Đàm Nguyệt cầu xuất gia, học tập các kinh điển Nho và Thích. Sư có năng lực lãnh hội nghĩa thú của cả hai nhà. Năm lên mười bốn tuổi được cạo tóc và sau đó thọ giới Cụ túc. Năm hai mươi tuổi Sư đến tham yết ngài Liễu Nhiên Nghĩa, cơ phong bén nhạy, rồi đến Đạo tràng ở Hồ châu tham kiến Đông Dương Huy, đến Vũ Lâm Song Kính tham kiến Nam Sở Thuyết, Vân Ngoại Tụ; Sư cùng với các ngài không ngừng luận biện đến chỗ u vi. Kế đó lại cùng với ngài Giác Ấn Giới, Tiểu Ấn Tố thân mật luận đàm, ngôn ngữ không bao giờ dứt. Sau Sư ra khai pháp ở Tịnh Độ thiền tự tại Kim Hoa.

Năm Hồng Võ triều Đại Minh, Đế ban chiếu cho Sư trụ ở Nam Hoa, Chiếu châu, Trung Thiên Trúc ở Hàng châu, nhưng Sư từ chối chẳng đi. Sau Sư trụ chùa Tịnh Từ, khai đường thuyết pháp. Sư luôn trùng hưng những cái đã bị hư hoại, dựng lập lại những nơi đã phế bỏ, nhưng rốt cuộc bị người vu cáo. Một hôm Sư có chút bệnh mà thị tịch, nhằm ngày mồng tám tháng tám, hưởng thọ sáu mươi bốn tuổi, hạ lạp năm mười.

Sư có tác phẩm: Sơn Cư Thi, Ngũ Lục lưu hành ở đời.

Mộng Song Thiên sư húy là Trí Nhu, người ở Thế châu, Nhật Bản, mẹ Sư cầu Đại sĩ Phổ Môn, đêm mộng thấy nuốt luồng ánh sáng màu vàng rờng mà có thai sinh ra Sư. Lúc sinh có ánh sáng lành chiếu khắp phòng. Năm chín tuổi Sư xuất gia, mười tám tuổi lễ Luật sư Từ Quán thọ giới Cụ túc, tu học hai giáo hiển mật. Một hôm Sư mộng thấy đi dạo các danh sơn ở Trung Quốc, được một vị lão Tăng trao cho tượng Tổ Đạt-ma. Khi thức dậy Sư cảm thán rằng: “Làm rộng suốt bản tâm ta chỉ có thiền quán ư?” Do đó Sư đến tham yết ngài Vô Ấn Phạm, Nhất Sơn Ninh, ngài Nhất Sơn nói: “Tông ta không có ngôn ngữ, cũng không có một pháp để trao cho người, xưa nay rỗng rang thanh tịnh, từ bi phương tiện cũng không có!” Từ đó Sư ra sức tham cứu đến nỗi mắt chẳng nhắm. Sư lại đến tham yết Cao Phong Nhật, ngay một lời liền có tỉnh, một chiều kia Sư hoá nhiên đại ngộ, làm kệ có câu: “An nhàn đập nát cả hư không”. Ngài Cao Phong liền ấn khả và phó chúc rằng: “Mật ý của việc Tây lai, nay ông cũng đã được, nên khéo tự giữ gìn”.

Sau Sư vào núi Ngũ Đài lập am Hấp Giang, am Bạc Thuyền, am Thoái Canh, có ý muốn ở trọn đời nơi hoang dã, nhưng bất đắc dĩ phải tùy thế mà an trụ các danh sát như Nam Thiên, Thiệu Ứng, Tịnh Trí, Viên Giác, Thụy Tuyên, Tuệ Lâm, Thụy Quang, Lâm Xuyên, Đâu-sất, Tây Phương, Tư Thánh, Phổ Đà, Thiên Long; Sư được vua ban các

hiệu Chánh Giác, Tâm Tông, Phổ Tế. Sắc của vua có câu: “Đạo sáng cả ba triều, danh vang khắp bốn biển, chư giảng tòa long tượng, tái xoay chuyển pháp luân, nắm giữ quyền Phật tổ, bao phen dẹp ma binh, hiển vinh cho đất nước...”

Vào ngày ba mươi tháng chín năm này Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi, hạ lạp sáu mươi. Lúc thị tịch có một luồng bạch khí xuyên qua thất của Sư, ngưng đọng cả ngày mới tan. Khi trà-tỳ móng, tóc đều thành xá-lợi.

Hưu Am Pháp sư húy Khả Chỉ, tự Vô Chỉ, hiệu Hưu Am, họ Lý, người Lâm Hải. Sư xuất gia năm mười hai tuổi, mười chín tuổi được độ làm Tăng. Đầu tiên Sư tham yết ngài Phổ Giác Minh, Bạch Nham Chân, được mời ở bậc thượng tòa, giúp đỡ việc giáo hóa. Trong niên hiệu Chí Nguyên, Sư ra khai pháp ở viện An Thánh, kế thừa Phổ Giác rồi chuyển đến Long Ân, lại bỏ về Bạch Nham chốn cũ. Lại được tuyển chọn trụ trì chùa Long Hoa. Sư trùng hưng những nơi hoang phế. Vì thế sơn môn thay đổi cảnh quan. Bốn lần ngồi đạo tràng, người học các nơi đều kính trọng và nương học. Sư lập Hưu Am, hằng ngày tu niệm Phật Tam-muội. Sư nói rằng: Đây là công phu thiền định, há có thể phân đồng dị ư?”

Niên hiệu Hồng Võ thứ sáu, đại chúng ở chùa Trung Thiên Trúc thỉnh Sư, nhưng toàn chúng ở Tịnh Từ đón đường nghinh Sư về trụ trì. Ngày mười một tháng tám năm này Sư nói với môn đồ rằng: “Ta sắp đi đây!” Đại chúng xin Sư viết kệ để lại, Sư nói: “Tông Ta vốn không có ngôn thuyết!” rồi chấp tay niệm Phật mà thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, hạ lạp năm mươi. Trà-tỳ thâu được rất nhiều xá-lợi, trong sáng như vàng bạc thủy tinh, đồng thời răng và râu chuôi không cháy, tất cả đều được nhập vào Long tháp.

Trúc Am Pháp sư húy là Hoại Vi, tự Thanh Viễn, hiệu Trúc Am, họ Ngụy, người Nam Xương, là cháu gọi ngài Quảng Trí Toàn Ngộ bằng cậu, cũng là người nối pháp ngài Toàn Ngộ. Khi sinh ra Sư bỗng nhiên có linh chi mọc bên cây hộc trước sân, thầy tướng đoán rằng đó là điềm lành linh khí ngưng kết.

Ngài Toàn Ngộ dẫn về làm đệ tử nuôi dạy thành tài và vui mừng nói rằng: “Đây là thiên lý câu trong tông ta!” Những quan thần danh sĩ thời ấy cùng nhau đến giao du và hâm mộ Sư. Họ đều nói: “Thật là văn như rồng mà nghĩa như hổ”. Sau Sư ra khai pháp ở chùa Bảo Tướng, Cối Kê, chùa Báo Quốc ở Hàng châu, chùa Đạo Tràng ở Hồ châu, luôn vì pháp cứu người, không hề mỗi mệ.

Năm Hồng Võ thứ nhất, bốn chúng thỉnh Sư trụ trì chùa Tịnh Từ. Đến khi lập pháp hội Vô già ở Chung sơn, Sư cũng vâng chiếu đến tham dự. Sau Sư lui về ẩn cư ở Lương Chử, là nơi chôn móng và tóc của ngài Toàn Ngộ. Ngày mười sáu tháng mười hai năm này, Sư im lặng mà thị tịch, thọ năm mươi chín tuổi, hạ lạc bốn mươi, xá-lợi an táng một bên tháp móng và răng.

Sư có để lại: Ngữ Lục, Thi Văn Ngoại Tập lưu hành ở đời. Những bản chữ thảo và lệ do Sư viết rất tinh xảo và đẹp, ngài Cổ Phán nói: “Đây đều là nơi để gửi trí Bát-nhã!”

Quảng Tuệ Thiên sư húy là Trí Cập, tự Dĩ Trung, hiệu Quảng Tuệ, họ Cố, người ở huyện Ngô, mẹ là Châu thị. Đầu tiên Sư vào viện Hải Vân thế phát xuất gia rồi thọ giới Cụ túc, Sư nghe giảng kinh Hoa Nghiêm, thấu triệt được yếu nghĩa. Kế đến Sư tham kiến ngài Quảng Trí Tố ở chùa Long Tường, được ngài Long Tường khen ngợi, lại cùng với Bào Tụ Thượng Nhân khuyến phát tham cứu, không bao lâu thì có tỉnh.

Sư lại đến Song Kính tham yết ngài Tịch Chiếu Đoan, hầu hạ thân cận để tiện thưa hỏi, sau đó Sư được chuyển quản thủ Tạng Kinh, ngày đêm nghiên cứu giáo lý.

Sư ra khai đường, thăng tòa thuyết pháp, làm hưng long tổ giáo, tất cả mọi người đều kính phục. Sau Sư trụ ở chùa Tịnh Từ, Hàng châu, lại bổ về Tịch Chiếu ở Song Kính chốn xưa. Niên hiệu Hồng Võ thứ sáu, Đế ban chiếu cho mười trụ trì các ngôi chùa nổi tiếng có phép tắc trong thiên hạ về chùa Thiên Giới ở Kinh đô, Sư là Thủ Tòa trong số đó. Nhưng vì thân bệnh nên được phép trở về.

Tháng chín năm này, Sư viết kệ để lại rồi an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi tám tuổi.

Tháng sáu năm Bính Thìn, niên hiệu Hồng Võ thứ chín, vua phong Tống Liêm làm học sĩ thừa chỉ. Chỉ dụ rằng: “Trẫm từ áo vải mà làm Thiên tử, khanh cũng đã từ thảo dân mà nay liệt vào hàng đầu của văn thần khai quốc, khiến cho đời đời thần và quốc gia đồng lợi lạc.”

Bấy giờ Khâm Thiên Giám tâu rằng có năm ngôi sao chuyển dịch rối loạn, mặt trời mặt trăng đối nhau. Vua hạ chiếu cầu hiền, có một người tên là Ngô Ấn làm Tăng ở chùa Chung sơn, có tài văn học, Đế đích thân tuyển chọn, ban chiếu bảo để tước làm quan, trực tiếp trao cho chức vụ quan trọng, lại vô cùng sủng ái, lời nói của Ngô Ấn được nhiều người tin theo.

Tháng mười, sửa đổi lại Thái Miếu, theo quy cách “Đồng đường

dị thất” (một ngôi nhà mà phân chia nhiều phòng khác nhau). Lúc mới lập quốc thì có bốn miếu cho Tôn thân: Đức Tổ Huyền hoàng đế ở giữa, Ý Tổ là đệ nhất ở phía Đông, Hi Tổ là đệ nhất ở phía Tây, Nhân Tổ là đệ nhị ở phía Đông. Nay định đặt như sau: Trước là chánh điện, sau là chín gian tẩm điện, mỗi gian là một phòng dùng để phụng thờ thần vương các miếu. Đến kỳ cúng tế thì đặt áo, mũ của đế vương, hoàng hậu các triều lên tòa thần mà lễ tế.

Lại Mục Thiên sư tên là Trạm Giác, tự là Mộng Am, họ Trương, người Trường An. Sư lễ ngài Nguyệt Không cầu xuất gia, sau tham kiến ngài Tánh Không mà đắc pháp. Sư kết am tranh ở bên trái Vũ Hoa để tu tập.

Sư có soạn Tòng Sào Nội Ngoại Tập lưu hành ở đời.

Năm Đinh Ty, niên hiệu Hồng Võ thứ mười, Đế ban chiếu cho các Sa-môn trong thiên hạ giảng ba bộ kinh là Tâm Kinh, Kim Cang và Lăng-già; lại mời ngài Tông Lạc, Như Phi... chú thích ba bộ kinh này rồi ban hành trong thiên hạ.

Đế luận về tên tự Phi Thái Phác của trụ trì chùa Diên Phật.

Đế luận rằng: “Tăng thì hầu hết bỏ tục, chỉ lấy tự làm tên, vì sao vậy? Vì pháp ấy khác với giáo của bậc nhân chủ. Gần đây có vị Tăng dùng ba chữ Phi Thái Phác làm tên; Phi là một loại ngọc tinh khiết nhất trong loại ngọc, Thái tức là lớn vô thượng, Phác tức là thật mà chẳng hư dối, lẫn lộn mà chưa phân biệt. Dùng ba chữ trên, thật ý nghĩa như vậy sao? Nếu thế thì bậc trí nhân thể hội được. Nhưng vì sao lại chẳng thế? Vì nay làm Tăng mà dùng ba chữ này thì đạo lý quá sâu xa, người có căn cơ cạn mỏng thì chẳng thể đạt đến nghĩa thú. Nếu gặp người thợ khéo, ắt phải nhờ họ gọt dũa thì mới thấy được hình dáng của nó. Khi xưa Đức Như Lai vì thái hư còn nguyên vẹn, đại địa chưa phân khai, cho nên hỏi rằng nơi chưa phân khai ấy ai đã gọt dũa khiến cho thanh tịnh, hiển bày vô lượng hình tượng nơi đất trời, mà thất diệu vận hành trong đó; trái non biển nơi càn khôn mà một trăm sông đều dồn về? Đó là do quá thuần phác mà đạt đến chỗ cực diệu, nếu lý thật như thế, thì đều do khí chất biến hóa vậy. Ta nghe nói hỗn độn an tĩnh đã lâu, hôm nay Tăng xả việc tục mà nhận lấy sự thuần phác chân thật ắt hẳn là sự tự nhiên của Thích giáo ư?”

Tháng hai, quan học sĩ thừa chỉ Tống Liêm về quê ở Kim hoa quý ẩn; Văn Hiến Công là một nhà Nho lớn của triều Minh lúc mới lập quốc; tương truyền ông là hậu thân của ngài Vĩnh Minh. Ông không chỉ vì quốc gia phô diễn văn chương, mà còn ghi chép truyện ký của các đại

Thiên sư đã kể trên nữa.

Ngày ba tháng ba, Lễ bộ Thượng thư Trương Đăng ở Phụng Thiên môn tấu chuẩn, phụng thánh chỉ đã phê, nay sắp xếp cho Lễ bộ thông báo đến tất cả Tăng, Đạo trên hai miền Nam Bắc, không luận là bậc Đầu-đà, hay người thiện có đạo, chỉ cần có quy y Tam bảo, thọ năm giới, mười giới thì phải ăn chay, không uống rượu, học tập kinh điển để minh tâm kiến tánh. Tăng, tục, người thiện phải ăn chay giữ giới, độ điệp phải tùy thân để tiện chấp chiếu.

Không luận là ở núi rừng, thành ấp, làng xóm... bất kỳ nơi đâu cần phải lập đàn làm tòa cao gom nhóm Tăng tục, ban ngày thì giảng kinh thuyết pháp giáo hóa một vùng, ban đêm tĩnh tu tâm trí. Tất cả phải tuân phụng theo đây!

Đế nói với quan hầu cận rằng: “Triều trước toàn là hôn quân, ám chúa, ai cũng đều lấy lý do an nhàn vô sự mà buông lung, hoang dâm, chẳng lo chính sự. Ai biết trị thiên hạ thì không an nhàn mà sau mới được an nhàn. Trẫm lên ngôi đã nhiều năm, thường tự khuyên nhắc nên siêng năng, đợi sáng liền lâm triều, sau bữa ăn mới về cung. Ban đêm thì ngủ chẳng an giấc, thường dậy mặc áo ra xem Thiên tượng, thấy một ngôi sao rơi thì lo âu, hoặc toan tính việc dân, điều gì nên cần làm gấp thì lấy bút ghi chép thứ tự, đợi đến sáng sẽ sai phái hành sự. Chẳng phải Trẫm không muốn an nhàn, nhưng chỉ sợ mệnh trời, nên chẳng dám mà thôi. Trẫm nói đến điều này, vì e rằng quần thần cho rằng Thiên hạ vô sự, mà muốn an nhàn lạc thú; quần thần đã biếng nhác, Nguyên thủ lại hoang loạn, thì nhân dân nương cậy vào đâu? Kinh Thư có câu: “Công cao chỉ do nơi chí, nghiệp lớn chỉ do siêng năng”. Các quan nên lấy lời này mà tự răn, thì Trẫm không có gì phải lo âu!”

Bảo sáo (Tiền giấy): Lúc đầu Đế sai làm bảo sáo (tiền giấy) không thành, một đêm mộng thấy một vị thần bảo rằng: “Nếu chẳng dùng tim gan của Sĩ tử thì chẳng được!” Đế lo buồn nói với Mã thái hậu, thái hậu nói: “Điều này thật dễ dàng! Hãy dùng bài văn của Quốc học để đạt tiền giấy, ắt sẽ thành tựu!” Đế hỏi vì sao? Mã Hậu nói: “Các Sĩ tử dốc hết tâm can để làm bài văn, há chẳng phải như thế ư?”

Đế nghe theo, thì bạc giấy liền thành tựu.

Chánh Vận Hồng Võ: Đế cho rằng âm vận xưa khởi nguyên ở Giang tả, phần nhiều lạc mất chánh âm, bèn sai Học sĩ Nhạc Thiều dùng nhã âm của Trung nguyên để hiệu chỉnh lại, viết thành sách ban hành trong thiên hạ.

Tháng mười một Hoàng Tôn Duẩn Văn ra đời, nhưng đầu hơi lệch

về một bên. Thái Tổ an ủi rằng: “Bán Biên Nguyệt Nhi tự biết nó chẳng được trọn vẹn!” Đến khi hơi lớn thì đọc sách rất thông tuệ, từng Vịnh Tân Nguyệt Thi rằng:

*Ai cầm ngọc trong tay
Rạch phá bầu trời xanh
Ánh rơi xuống sông hồ
Giao long chẳng dám nuốt.*

Thái Tổ chẳng vui, cho đó chẳng phải là điềm lành.

Tháng giêng năm Mậu Ngọ, niên hiệu Hồng Võ mười một, cấp nha bài (thẻ ngà) cho tất cả các quan tham dự triều chánh, mọi người đều đeo bên mình để ra vào cung, đề phòng gian tế.

Lễ bộ lang trung Viên Tử Văn kiến nghị cho độ Tăng, Đế chấp thuận.

Phác Ân Thiên sư húy Nguyên Tĩnh, tự Thiên Cảnh, hiệu Phác Ân, họ Nghê, người Cối Kê, mẹ là Nghiêm thị. Đầu tiên Sư lễ ngài Hoàng Giáo Lập cầu xuất gia sau đó lễ Luật sư Chiêu Khánh Nhu thọ giới Cụ túc. Sư đến Tập Khánh học yếu nghĩa Thập Thừa chỉ quán và tánh cụ tam thiên nơi ngài Thiên Ngạn Tế; tham yết Thiên Sư Nguyên Tẩu Đoan ở Kính Sơn, thấu được đạo đơn truyền trực chỉ. Đoan Công khen là “Người trong Bát-nhã”. Thời gian lâu sau Sư đến chùa Đại Long Tường nương học ngài Quảng Trí Tố, lâu thông học thuyết Thích và Nho. Đầu tiên Sư ra trụ chùa Trường Khánh, dời đến Vạn Thọ thiền tự.

Năm Hồng Võ thứ nhất, Đế triệu Sư cùng với ngài Đông Minh Nhật, Bích Phong Kim vào triều hỏi đạo, và ban cho trai soạn mà trở về. Sư lại trụ trì chùa Linh Ẩn. Sau đó bị người vu cáo nên bị đày đi xa. Vào ngày mười chín tháng giêng năm Mậu Ngọ Sư thị tịch.

Phù Tông Thiên sư húy Tông Dụ, tự Ước Chi, họ Trần, người ở Tỳ Lăng; mẹ Sư một hôm mộng thấy một lão Tăng đến gõ cửa, có điềm muốn nương gá mà có thai sinh ra Sư. Lúc còn nhỏ, mỗi lần thấy Thánh tượng, Sư đều lễ bái. Đầu tiên Sư thờ ngài Đông Lâm Hiếu làm thầy, sau tham yết ngài Kính Sơn Đoan tham cứu việc lớn. Đoan Công khen rằng: “Thật có khí độ long tượng!” Sư lại tham kiến các ngài Đoan Nhai Nghĩa... rồi theo ngài Quảng Trí đến chùa Long tường hầu hạ hơn mười năm, được ngài Quảng Trí vô cùng khen ngợi. Đầu tiên Sư ra trụ tại Quang Hiếu thiền tự, kế thừa ngài Quảng Trí, được Đế Sư ban cho hiệu trên, sau Sư chuyển đến Sùng Thắng thiền tự. Năm Hồng Võ thứ chín, Sư trụ trì chùa Dục Vương Quảng Lợi thiền tự. Sư là một trong mười vị

Đại tăng được tuyển chọn tham dự Quảng Tiến Pháp Hội ở Chung sơn. Sư làm kệ trình lên Đế xem, Đế rất vui, mời Sư viết tấm biển Thiên Giới Tự, được dự trai tiệc trước Đế. Đế khen rằng: “Thật là một bậc Thiện tri thức!”

Những điềm lành của Sư lúc sinh tiền rất nhiều, đúng là một bậc cổ đức tái lai, không kịp ghi chép hết. Sư thị tịch vào năm Mậu Ngọ niên hiệu Hồng Võ mười một, tháp thờ xây ở chân ngọn Thạch Nhĩ, thọ bảy mươi lăm tuổi, có bộ Ngũ Lục lưu hành ở đời.

Tháng bốn Đế sai tạo Hoàng đường tại khu lăng tẩm, tự soạn Hoàng Lăng Bi Ký để chỉ bày cho đời sau. Lúc Đế còn hàn vi, có một người cùng làng là Lưu kế Tổ đã giúp cho một mảnh đất tốt để an táng cha, mẹ. Cho nên hôm nay ở Hoàng lăng, truy phong là Nghĩa Tuệ Hầu, Đế tự soạn cáo văn, sai quan tế tự.

Ngày hai mươi bốn tháng năm, ban sắc cho Phi Thái Phác làm Tả Giảng Kinh. Vua soạn cáo văn rằng: “Trong kinh thì rõ tướng nhân ngã, ngoài giáo thì quên thừa Đại, Tiểu; nếu chẳng phải là bậc Sa-môn ở Cổ Sát thì cũng là hàng Đức sĩ ở Đông Lâm, tài học cao hơn pháp lữ, danh vang chấn động một thời.

Tăng Phi Thái Phác dưỡng tánh thành tựu, nên giảng kinh không mỗi mệ; nghiêm trì thân giới, nên hành sự cẩn trọng. Do đó phong làm Tăng quan để giúp ích cho pháp luật của triều đình, thường giáo hóa Thích tử, chẳng lười mỗi giảng kinh; còn phải dùng sự giác ngộ của Phật để giác ngộ người, dùng sự nghiệp của thầy để thành tựu sự nghiệp cho mình; khiến cho hàng Tăng ni biết rõ hiến chương, ngõ hầu chẳng phụ bản ý lập Tăng quan của Trẫm.

Nay đặc biệt trao cho khanh chức Tăng Lục Ti Tả Giảng kinh, khanh nên gắng sức!”

Vua soạn văn trao chức Tăng Lục Ti cho Liễu Đạt, Đức Tuyên, Phổ Hiệp, dụ ghi: “Thuyết pháp ở Tây Thiên đến Đông độ diễn thành vô lượng diệu nghĩa, như nói đó là Bất nhị pháp môn vậy. Đạo này vốn đạt khổ không rỗng lặng, người theo đạo này quả thật như vậy, thì nên như vậy ư? Gần đây Tăng Lục Ti thiếu các vị Tăng đứng đầu; triệu kiến người đảm nhận, han hỏi những người này, thì biết các Tăng đứng đầu đã vâng mệnh trở về. Vài ngày sau có người đến tâu rằng: “Thần là Hoàng Đạo cùng với nhiều người, vâng sắc hỏi han cao Tăng ở các danh sơn, tham khảo ý đại chúng các tông lâm, tất cả đều cho rằng chỉ Phổ Hiệp, vị Tăng ở chùa Thượng Thiên Trúc vùng Triết Tả, Đức Tuyên, vị Tăng ở chùa Kê Minh ở Kinh sư, Liễu Đạt, vị Tăng ở chùa

Năng Nhân, thông thạo sách vở của Đông Thổ, thấu đạt ý nghĩa Tây Lai. Nếu bổ ba vị này vào Tăng Lục Ti thì thật là thích hợp”.

Than ôi! Người xưa từng nói rằng: “Đời chẳng hết Thánh nhân, nước chẳng hết Hiền tài”, gần đây Tăng Lục Ti thiếu người đảm nhận, Trẫm cho là không còn người, đến khi hỏi ra thì mới biết vẫn còn. Nay nhân danh của Trẫm mướn mộ đạo Thanh tịnh, nhưng những người muốn ra khỏi ba cõi thì chỉ có danh mà không có thực chất. Những người tầm thường có không dưới bảy vạn. Các khanh ba người, nay chẳng ở dưới năm bảy vạn người này mà vượt trên năm bảy vạn ấy, đáng gọi là người chí khí, là bậc có đạo vậy! Nhưng khi xưa Như Lai đắc đạo ở Tuyết sơn, trở về xiển dương nơi năm Trúc, diệu âm vô lượng, thông thấu khắp dưới trên, trời người đều nghe hiểu. Diễn nói như thế chỉ bốn mươi chín năm, trải qua hơn năm trăm năm sau mới truyền sang Đông thổ; chín đi tám man vừa nghe đạo này đều tôn kính đánh lễ, hà huống gì Trung Quốc là quốc gia văn vật lễ nhạc, nhân tâm từ thiện dễ giáo hóa? Nếu Tăng Liễu đạt được ý Tổ, diễn Đại Thừa để giác ngộ bậc thông minh, luận nhân duyên để khai phát người ngu độn. Khải phát người trí kẻ ngu trở thành bậc thiện nhân trong khoảng lật bàn tay; thế thì tuy có phép nước mà đâu cần ban hành, hình cụ xích xiềng mà đâu cần dùng đến? Như thế há chẳng hợp với lời của Liễu Sinh ư? Âm thầm giúp đỡ cho Vương pháp, há là nhỏ bé ư?

Nay các khanh là Tăng Liễu Đạt, Đức Tuyên, Phổ Hiệp đã đạt được ý Tổ, tuân theo lời Trẫm thì pháp luân thường chuyển, Phật nhật tăng huy, danh tăng vào thời ta ắt sẽ nhiều! Khâm thử!

Năm Kỷ Tỵ niên hiệu Hồng Võ mười hai Đế ban chiếu rằng: Vì Bắc Bình đã lâu chẳng có mưa, nên năm nay được miễn thuế lương thực.

Tháng mười chế định lễ nghi cho việc quan lại nghỉ hưu, về quê an dưỡng.

Đế soạn dụ văn trao cho Trọng Hy chức Xiển Giáo. Dụ ghi: “Nhập định nơi chùa Đại Thiên Giới, luận kinh nơi Bát Nhị Môn, giải thoát về không, rộng lặng thành tánh. Từ lâu đã để tâm nơi lời Phật, ẩn nấu chốn thiên môn, lấy bỏ chỉ một, thị phi chẳng nhiễm. Trọng Hy tăng là bậc Thiên Bá chốn Sơn Môn, là Đại thi nhân khi đối nguyệt, giữ lòng từ bi mà chẳng mất, vui cảnh thanh tịnh thật vô cùng. Vì thế nay trao cho chức xiển giáo, để phụ giúp Tăng Lục Ti; lại còn phải nghiên cứu sâu xa kinh điển, thấu suốt giáo thiền, phân biệt bản末 chia chẻ trước sau, làm cho chư Tăng ngộ được thiền trong tỉnh, mà chẳng mất chỉ thú

giáo ngoại.

Nay đặc biệt trao cho chức Tăng Lục Ty hữu xiển giáo. Khanh nên đến khâm mạng lời này, gắng sức gia công”.

Để soạn dụ văn trao cho Thanh Tuấn chức Tả giác nghĩa. Cáo văn ghi: “Phàm làm Tăng thì lập thân vượt tục để giáo hóa mọi người, không một mảy may nào phiền về quan tước. Nhưng lập chùa am để trụ, hợp chúng mà uống ăn, thì gạo tiền có xuất nhập, sổ sách có chép ghi. Nếu chẳng có nơi quản lý thì lấy gì để điều hành. Do đó các triều đại đều có lập Tăng quan mà chẳng thể phế bỏ. Ngày nay bổ nhiệm cho Khanh là Tăng thanh tuấn làm Tăng Lục Ti Tả Giác Nghĩa, Khanh nên thận trọng với chức vụ này, chớ nên biếng trễ, riêng tư; khiến cho người học đạo ở được yên, ăn được no mà không giải đãi việc tiến tu. Như thế mới hợp ý Trẫm hưng long Phật giáo. Khâm tái”.

Đông Minh Pháp sư húy Tuệ Nhật, hiệu Đông Minh, họ Cổ, người ở Thiên Thai. Đầu tiên Sư lễ ngài Bình Sơn Đẳng cầu xuất gia, kế đó đến ngài Tử Đình Tố học về Thai Hành (Thiên Văn), được ngài Tử Đình phân tích đến chỗ uyên áo cùng tận. Sư lại đến chùa Thượng Thiên Trúc lễ ngài Trúc Ốc Tịnh, làm kệ tụng luôn luôn vượt hơn bạn đồng môn, nên ngài Trúc Ốc khen rằng: “Như cây tùng cao ngất, vút thẳng lên giữa đám rừng trăm gai góc, chính là ông vậy”.

Sau Sư làm Thủ chúng ở hội ngài Việt Khê, làm nghi biểu cho bốn chúng. Sư khai sáng Linh Sơn Giáo tự ở Hạ Thiên Trúc, trùng tu Quan Âm Giáo viện ở Thượng Thiên Trúc. Đế Sư khen ngợi hành nghiệp của Sư, ban cho pháp y Kim lan và hiệu là Diệu Ứng Phổ Tế.

Niên hiệu Hồng Võ thứ nhất, Sư được triệu về chùa Thiên Giới, thăng tòa thuyết pháp, mọi người đều đến dự nghe, đệ tử được độ rất nhiều. Vì lông mày của Sư dài hơn một tấc (3 cm) trắng hơn tuyết nên mọi người gọi là Bạch My Hòa Thượng. Tháng bảy năm ấy, Sư mộng thấy hoa sen xanh trong sạch thơm ngát đến bên mình. Sư nói rằng: “Đó là điềm lành ta sinh về Tây Phương!”

Sư thọ tám mươi chín tuổi, an táng ở Diệu Ứng Tháp viện.

Tháng mười hai, phong các vương: Bá làm Tương Vương, Quế làm Dự Vương, Anh làm Hán vương, Thực làm Vệ vương.

Tháng giêng năm Canh Dần, niên hiệu Hồng Võ mười ba, thừa tướng Hồ Duy Dung mưu phản, bị tru lục. Do đó bãi bỏ các chức Thừa Tướng, thăng sáu bộ phân chia xử lý các việc trong thiên hạ. Đổi chức Đại Đô Đốc thành năm đô đốc: tiền, hậu, tả, hữu, trung đô đốc.

Tống Liêm qua đời vào năm bảy mươi hai tuổi. Ông là người bác

lãm quần thư, danh vang thiên hạ. Văn của ông truyền khắp bốn di (bốn phương), kinh điển Phật Lão cũng nghiên cứu sâu xa. Ông có các tác phẩm: Tiềm Khê Tập, Chi Viên Tập, Long Môn Tử, Vô Tướng Đăng Ngữ lưu hành ở đời.

Tháng bốn lệnh cho quần thần, mỗi mỗi hay nêu lên chỗ hiểu biết của mình để tiện bổ dụng.

Tháng năm, sét đánh ở điện Cẩn Thân, vua đại xá thiên hạ. Chiếu ghi:

“Trẫm chẳng có đức mà gá trên vạn dân, tuân phụng Hoàng thiên chần dân đến nay đã mười ba năm rồi vậy. Chẳng ngờ Tế phụ mất chức, bốn gian thần chuyên quyền, khiến người hiền kẻ ngu rơi vào vòng bất nghĩa. Trẫm nghĩ rằng sáng lập sự nghiệp đã gian nan, giữ vững sự thành công ấy cũng chẳng dễ. Dẹp trừ gian ác, diệt tận gốc rễ, chặt hết ngọn ngành, cho đến dư đảng. Nhưng việc cho hành hình tru lục, chẳng phải là không có lỗi, thậm chí còn trái với đức hiếu sinh của Hoàng thiên, nên giờ Thân, mồng bốn tháng này sét đánh xuống điện Cẩn Thân, làm Trẫm rất kinh sợ. Do đó nay ân xá các tội nhân trong thiên hạ. Trừ tội thập ác không được, còn tất cả đã hoặc chưa phát giác kết tội, không luận lớn nhỏ đều ân xá”.

Tháng sáu, Đế ban chiếu rằng: “Trẫm được sự phò trì, ủng hộ của Hoàng Thiên làm chủ Hoa, Di đã mười ba năm, kho lẫm đều đầy đủ, đó đều do dân ta cung cấp. Nay dân chưa đủ sống, nên ban chiếu miễn trừ thuế vụ Thu năm Hồng Võ mười ba.

Ban dụ trao chức Tăng quan tại Kiến Xương. Dụ ghi: Đạo lớn trong thiên hạ chỉ có Thiện là vô thượng. Người mà đạt các Thiện vô thượng ấy chính là Đức Thích-ca. Ngài đã củng cố chí đại Từ nhân, lập tâm đại Bi nguyện, hành không gì chẳng đạt đến, hóa không đâu chẳng bao trùm. Luận về tánh thì truy cứu đến tình bản, về tâm thì đến cùng diệu lý. Trong sạch sáu trần không cấu nhiễm, tịnh sáu căn chẳng bị che mờ; dẹp các ma làm trong sạch pháp giới, phá ngoại đạo làm lợi lạc nhân thiên. Hạnh như thế! Tu như thế! Đã trải qua vô lượng kiếp, từ Đâu-suất giáng hạ Phạm cung, bỏ vị Kim luân mà vào Tuyết sơn khổ hạnh, nửa đêm thành đạo, tâm minh kế hợp.

Trẫm thấy Như Lai dùng Đại Giác của tự thân, muốn giác ngộ tất cả chúng sinh trong pháp giới, lòng từ ấy rất to lớn, lòng bi ấy thật sâu xa, có thể cho là đáng vô thượng!

Người đời, những ai đã có thiện căn đời trước thì đều mến mộ Phật lực, người tu tập trong trời đất lại rất nhiều. Nay có Tăng ấy ở

tại Kiến Xương rộng tu Phật đạo, khéo thống lãnh Tăng ni và sĩ dân phương ấy, mong Tăng hãy khéo tu đạo, cảm hóa nhân dân, khiến được thuần hậu.

Đã có sự chấp thuận của nội phủ, thì nên trao cho chức Tăng Cang Ty ở Phủ Kiến Xương.

Năm Tân Dậu niên hiệu Hồng Võ mười bốn, biên tập Phú Dịch Hoàng sách; Dư Đới gọi là Ki Linh sách, ban Ngũ Kinh Bác Sĩ cho các trường học ở phương Bắc. Đầu tiên định quan chế cho Hàn Lâm Viện là Chánh Ngũ Phẩm Nha môn. Đế nói với triều thần rằng: “Phàm đạo chẳng sáng tỏ là do giác chẳng được hành trì; Năm kinh là chiếc xe để chở đạo của Thánh nhân. Ví như lúa thóc, vãi vóc thì mọi nhà cần phải có; con người mà không có lúa thóc vãi vóc thì không biết lấy gì để ăn, mặc. Nếu chẳng có năm kinh thì không biết từ đâu để rõ đạo lý? Nay ban phát Năm kinh để mọi người học tập. Quân tử có học thì đạo lý hưng khởi, tiểu nhân có học thì thế tục tốt đẹp. Cái học đời sau, chưa hẳn không lấy đây làm gốc.

Tuyết Song Thiên sư hứ là Ngô Quang, tự Công Thật, người Thành đô, họ Dương. Sư nhờ sức tu Tam-muội mà vào được biển trí tuệ. Đầu tiên Sư thuyết pháp ở chùa Bạch Mã, kế đến trụ ở chùa Dục vương, Thiên Đồng khai bốn hội thuyết pháp. Ngu Văn Thanh Công khen là: Phật quả một cảnh, lông phụng vậy lân.

Niên hiệu Hồng Võ mười bốn, Nam Đường Thiên sư hứ Thanh Dục, tự Liễu Am, họ Chu, người Lâm Hải, Thái châu. Sư trụ các chùa Khai Phước, Bản Giác, Linh Ẩn.

Có tác phẩm Tam Hội Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Duyệt Đường Thiên sư hứ là Nhan, đích tôn của Đông Tự. Sư trụ ở chùa Đông Thiên, Côn sơn rồi dời đến Vạn Thọ ở Ngô môn, sau trụ tại Nam Bình ở Hồ Lâm và Song Kính. Có để lại Tứ Hội Ngữ lục lưu hành ở đời.

Cổ Đĩnh Thiên sư hứ là Minh, cháu mười lăm đời của dòng Lâm Tế. Bốn phen ngồi đạo tràng. Lúc sắp thị tịch Sư nói với môn đồ rằng: “Đức Quan Thế Âm cầm hoa sen đến đó!” rồi ngồi yên thị tịch. Trà-tỳ thâu được xá-lợi năm màu rất nhiều, răng lười và râu chuỗi chẳng chấy. Quốc sử Ngụy Tiên sinh soạn văn bia nơi tháp. Sư có để lại Tứ Hội Ngữ Lục lưu hành ở đời.

Theo lời tấu của Tăng Trọng Hi, trụ trì chùa Tượng Sơn: Dời chùa Tượng sơn và tháp Bảo công sang sườn núi phía Đông, đổi hiệu chùa là Linh Cốc tự, bên ngoài Tam quan đề là: Đệ Nhất Thiếu Lâm, lại bảo độ

một ngàn vị Tăng, đều được cấp độ điệp, ban cho rất nhiều tăng điền.

Ngày mười bốn tháng sáu, Bộ Lễ vì việc Hoàng thượng phê chuẩn thiết lập Tăng Đạo Nha Môn, nên nghiên cứu biết rằng: Hai giáo Thích và Đạo lưu truyền đã lâu; xưa nay đều có đặt chức quan để thống lãnh. Lại chùa, quán của Tăng ni, Đạo sĩ trong thiên hạ cũng rất nhiều, mà chưa có cơ quan tổng quản, nên nay xét theo phép nhà Tống, lập Tăng Đạo Nha Môn để quản lý việc ấy, mong cầu ở chỗ kính giữ giới luật để sáng tỏ giáo pháp. Các sự việc, phép tắc phải làm được liệt kê dưới đây: “Ở Kinh đô lập Tăng Lục Ty, Đạo Lục Ty, thống lãnh tất cả Tăng Ni, Đạo sĩ trong thiên hạ. Tuyển chọn những vị lâu thông kinh điển, giới hạnh đoan nghiêm thanh tịnh đảm trách. Còn tại Bố Chánh phủ, châu, huyện thì mỗi nơi đều lập Tăng Cang, Tăng Chánh, Tăng Hội, Đạo Kỳ... quản lý nha môn phân chia, lo liệu các việc.”

Tăng Lục Ty quản lý các việc của Tăng Ni trong thiên hạ, gồm hai vị Thiện Thế là Tả Thiện Thế và Hữu Thiện Thế, phong hàm Chánh Lục Phẩm.

Hai vị Xiển Giáo là Tả và Hữu, hàm Tông Lục Phẩm.

Hai vị Giảng Kinh là Tả và Hữu, hàm Chánh Bát Phẩm.

Hai vị Giác Nghĩa là Tả và Hữu, hàm Tông Bát Phẩm.

Đạo Lục Ty quản lý các việc về đạo giáo trong thiên hạ: gồm hai vị Chánh Nhất là Tả Chánh Nhất và Hữu Chánh Nhất, hàm Chánh Lục Phẩm.

Hai vị Diễn Pháp là Tả và Hữu, hàm Tông Lục Phẩm.

Hai vị Chí Linh là Tả và Hữu, hàm Chánh Bát Phẩm.

Hai vị Huyền Nghĩa là Tả và Hữu, hàm Tông Bát Phẩm.

Tăng Cương Ty các phủ quản lý việc Tăng Giáo trong phủ của mình: Gồm một vị Đô Cương hàm Tông Cửu Phẩm, một viên phó Đô cương.

Đạo Kỳ ở các phủ quản lý việc Đạo giáo ở phủ của mình: Gồm một vị Đô Kỳ hàm Tông Cửu Phẩm và một vị phó Đô Kỳ.

Ở các châu thì có Tăng Chánh Ty, gồm một vị Tăng Chánh, Đạo Chánh Ty có một vị Đạo Chánh, quản lý việc về Tăng, Đạo trong châu của mình.

Ở các huyện thì đặt Tăng Hội Ty có một vị Tăng Hội, Đạo Hội Ty có một vị Đạo Hội, mỗi mỗi quản lý các việc về Tăng, Đạo trong huyện của mình.

Chùa, quán của Tăng, Đạo ở các phủ, châu, huyện đều phải về Tăng Lục Ty nhận khám trí văn sách để Tăng, Đạo khai tên họ, năm

sinh, Bồ chánh nào, phủ nào, châu, huyện nào, xuất gia ở chùa nào, năm nào, bốn Sư là ai; đầu tiên làm Hành đồng mấy năm, đến năm nào, thí chủ nào cạo tóc đội mũ, được cấp độ điệp vào năm nào, tất cả đều phải khai báo.

Báo trình tất cả những chùa, quán có bảng hiệu ở khắp nơi: cần kê khai rõ bản tự, bản quán được vị Tăng nào xây dựng, vào triều nào, do Đạo sĩ nào sáng lập, hoặc do thiện nhân nào cúng dường.

- Tăng Đạo Lục Ty Nha Môn hoàn toàn y theo phép tắc đời Tống, quan không chu cấp bổng lộc, các viên chức nhỏ và các lính canh hợp thành nhân số sử dụng. Đồng thời lấy Tăng Ni, Đạo sĩ, các người làm ruộng, nô bộc làm việc.

- Thể thống của Tăng Đạo Lục Ty tương đồng với Khâm Thiên Giám. Khi ra vào triều đình cho phép dùng tàn lọng của phẩm hàm mình, nếu gặp quan cao hơn thì phải xếp lại.

- Trụ trì các chùa, Đạo quán các nơi, phải do Nha Môn của Tăng, Đạo nơi ấy tiến cử bảo đảm. Chọn những vị có đầy đủ giới hạnh, tinh thông kinh điển đưa đến nha môn quản hạt, kể đến chuyển lên Tăng Lục Ty, hoặc Đạo Lục Ty khảo thí, nếu trúng tuyển sẽ chuyển sang Bộ lễ soạn tấu văn.

- Những Tăng Ni, Đạo sĩ nào ở các phủ, châu, huyện chưa có độ điệp, cho phép Tăng Đạo nha môn quản lý nơi ấy ghi chép danh sách và dẫn lên Tăng Canh Ty, Đạo Kỷ Ty, sau chuyển đến Tăng Lục Ty, Đạo Lục Ty khảo thí, nếu người nào thông kinh điển thì chuyển sang Bộ lễ trình tấu văn xuất cấp.

- Tăng Đạo Nha Môn ở Kinh đô hay các nơi khác, cần phải chuyên nhất ước thúc Tăng Ni, Đạo sĩ. Yêu cầu cần thiết là mỗi mỗi phải kính giữ giới luật, Xiển dương giáo pháp. Như có người vi phạm thanh quy, chẳng giữ giới luật, tranh giành, kiện tụng, thì cho phép theo luật trị phạt, quan lại không được can dự. Nếu phạm gian dâm, trộm cướp, phá hoại phép tắc kỷ cương, mà dính dáng đến quân dân, nếu ở Kinh đô thì giao cho Bộ lễ liệu định, theo tình thẩm xét, nếu nặng thì tống giam để tra hỏi. Còn ở các nơi thì cho phép quan ở địa phương đó phân xử.

Năm Nhâm Tuất niên hiệu Hồng Võ mười lăm, tiền Thái tử Chánh Tự Tấn phủ Trưởng Sử Quế Nhan Lương vào triều dâng “Vạn Thế Thái Bình Trị Yếu Thập Tam Sự”, Đế vui mừng nhận lấy.

Ngày sáu tháng ba, Tào Quốc Công khâm phụng thánh chỉ ban lệnh rằng: Ruộng đất của Tăng, Đạo trong thiên hạ theo quốc pháp thì không được mua. Tăng nghèo thì chùa sẽ nghèo, ruộng đất của thường

trụ theo phép không được bán. Nếu có người như thế thì sẽ tịch biên toàn gia sản. Khâm thử!

Ngày hai mươi hai tháng bốn chuẩn y theo sự tấu trình của Bộ lại, tấu trình tấn phong của Tăng Đạo Lục Ty, Bản Bộ thông tri cho Tăng Lục Ty biết nay vị Tăng tên Giới Tư làm Tả Thiện Thế, Tông Lạc làm Hữu Thiện Thế, Trí Huy làm Tả Xiển Giáo, Trọng Hy làm Hữu Xiển Giáo, Phi Thái Phác làm Tả Giảng Kinh, Nhân Nhất Sơ làm Hữu Giảng Kinh, Lai Phục làm Tả Giác Nghĩa, Tông Sưởng làm Hữu Giác Nghĩa.

Ngày hai mươi lăm tháng tư, Bộ lễ vì việc Hoàng thượng phê chuẩn việc thiết lập Tăng Đạo Nha Môn, nên nay chế định những sự lý mà các quan viên Bản Ty chấp chưởng. Liệt khai ra mong rằng ngày sau y chiếu theo đây mà tuân phụng thi hành:

- Giới Tư chủ quản sử dụng ấn, Tông Lạc niêm văn kiện đóng dấu, phàm có hành sự gì, chư Tăng cần phải mời tất cả Tăng quan nơi ấy đến ghi tên, ký vào rồi đồng đóng dấu, nếu thiếu một người thì cũng không được dùng dấu. Việc tha người không nằm trong điều này.

- Giới Tư đôn đốc chúng tăng tọa thiền, tham cứu công án, quản lãnh việc trong giáo môn.

- Trí Huy, Trọng Hy cũng đôn đốc người tu tọa thiền. Như Phi và Thủ Nhân tiếp nhận vật cúng của thí chủ ở các nơi, đồng thời phát minh kinh giáo.

- Lai Phục, Tông Sưởng lo việc ước thúc giới hạnh của Tăng Ni các chùa. Những người chẳng hành theo Thanh quy thì theo pháp mà kiểm chế. Lại quản lý lương thực, tiền tài, sản nghiệp của chùa Đại Thiên Giới và những tài vật mà tín thí các nơi cúng dường. Tất cả đều phải ghi chép rõ ràng vào sổ sách. Còn các việc mà các Tăng quan khác nắm giữ, thì Tông Sưởng cũng đều phải kiểm xử lý. Còn việc khảo thí Tăng nhân trong thiên hạ có khả năng hay không, thì tất cả đồng nhau nghị bàn, rồi ghi chép đầy đủ chân thật vào tấu văn.

Ngày hai mươi mốt tháng năm, Bộ lễ xét biết được sự thiết lập chùa Phật gồm ba cấp là Thiên, Giảng và Giáo. Thiên thì chẳng lập văn tự, thấy được tâm tánh mới là bản Tông. Giảng thì mong được rõ nghĩa các kinh. Giáo thì diễn bày pháp cứu tế lợi sinh của Phật, làm tiêu trừ tất cả các nghiệp tạo ở hiện đời, rửa sạch tất cả oan khiên đời trước cho người chết, để giáo huấn người đời.

Ngày hai mươi tháng này quan viên Bản viện khâm phụng thánh chỉ phong Tăng là Hành Quả làm Tả Xiển Giáo, Như Cẩm làm Hữu Giác Nghĩa, đến chùa Năng Nhân lập đạo tràng Ứng cúng. Phàm Tăng

sĩ các chùa Viện Ứng phó lớn nhỏ, trong ngoài kinh thành được phép về chùa Năng Nhân, cùng nhau xem kinh, làm tất cả các Phật sự. Nếu chẳng theo đây mà khởi tham danh sắc, riêng làm Phật sự, thì nhờ Tăng quan ở chùa Năng Nhân hỏi tội. Nếu là Tăng ở phương xa vân du đến xem kinh, mộ hóa và được bá tánh tự nguyện cung cấp thì không bị lệ thuộc vào quy định này. Tuân phụng chiếu này, nêu ra một hiểu dụ phụ khác khiến chư tăng tại các tự viện ứng phó vâng mệnh thi hành.

Dụ cho chư Tăng ở chùa Chung sơn. Sắc ghi: “Giáo của Phật là thiện, nghĩa ấy rất lớn bao trùm cả sinh tử. Trọng Ni nói rằng: “Phương Tây có bậc Đại Thánh, chẳng nói mà giáo hóa, chẳng trị mà chẳng loạn. Đáng là bậc Năng Nhân vậy!” Vì sao gọi là Đại Giác Kim Tiên? Lại được khen là Năng Nhân? Vì ngài chẳng trói buộc kẻ ngu mà kẻ ngu tự hóa, khen tặng người thiện mà người thiện sáng tỏ; ngài hành khổ mà chẳng khổ, tâm trong sạch mà chẳng sạch, tuy chỉ là ngọn đèn lẻ loi trên tuyết lạnh mà tựa như độc ảnh giữa trời quang. Mắt thấy sao mai liền kiến tánh, siêu xuất thế trần, mà lại đến cõi trời người bốn mươi chín năm thuyết pháp. Diệu thuyết ấy được ghi chép đủ trong Đại tạng kinh, mà chưa từng có kẻ trốn tránh triều đình, giải oan khiên nơi nước lửa, hà huống gì khi xưa ở Kỳ thọ, một ngàn hai trăm năm mươi vị, cũng chưa nghe nói có người là kẻ lưu vong! Trọng Ni nói rằng: “Đạo của nước vạn cổ xe thì kính mà tin, tiết kiệm mà thương người”. Nay có vị Tăng làm ruộng vườn mà bỏ trốn, do chưa biết tiết kiệm mà dẫn đến như thế ư? Hay thương người mà có như thế? Nếu chẳng phải thế mà có như thế thì nên phủ dụ vị Tăng ấy rằng: “Nên tự mình đến, nếu luận theo luật pháp thì tổn thương Phật tánh!”

Nên như sắc chỉ phụng hành!

Dụ Tăng tên là Thuần Nhất rằng: “Xưa Đức Thích-ca vì đạo mà sống một mình nơi núi tuyết, không can dự đến thế tục; đến khi thành đạo thì hai bên khéo đủ, trên dưới linh thông, khiến quỷ thần hộ vệ mà cảm đức độ. Vì thế người lành ngày càng nhiều, kẻ ác ngày dần ít. Sở dĩ bậc nhân chủ mỗi lần giảm hình pháp thì thiên hạ thanh trị, vì đó chẳng phải là vua giảm hình pháp, mà do Phật giáo hóa cùng khắp cảm được như thế. Cho nên Liễu Tử Hậu nói rằng: “Âm thầm bảo vệ vương pháp.

Khanh Sa-môn Thuần Nhất, đã lìa bỏ cha mẹ để làm Tăng, nên vào núi sâu kết am tranh tĩnh tu tâm tánh, để trên thì thần đạo chơi nơi ba cõi, dưới thì cứu khổ chốn mình đồ. Khiến người sống mền mộ, kẻ chết hoài mong, đồng thời mở rộng lưới giáo của Phật, há chẳng phải

là điều nên làm của người tu hành ư? Do đó người đời cùng nhau học tập theo, dù không ở một mình nơi vắng vẻ, thì cũng ở tại gia mà hành thiện, chứ đâu được hưởng sự an thái khác với thế tục? Nhân đó là chỗ đến của Khanh, mà Khanh đã chẳng thể được như thế, lại ra vào triều đình, muốn dốc sức phò trì, ý muốn xây dựng chùa viện to lớn nguy nga, gom chứa tiền tài để bồi dưỡng thân mình; ai chẳng biết tiền tài đã tích chứa thì dâm dục nổi lên, hưởng gì Đức Thế Tôn khi xưa bỏ cung điện khổ hạnh sáu năm, đại ngộ, tâm thông, đến hôm nay mới có Tôn tượng uy nghiêm, lâu đài chất ngất, vàng ngọc rực rỡ huy hoàng, Trung Quốc và bốn phương nơi nơi đều có. Có phải là Đức Thích-ca cảm nên như vậy chăng? Hay là gom góp tiền bạc mà làm nên vậy? Khanh chẳng biết, nên chẳng tu tập bên trong mà tu bên ngoài, do đó không thể đáp ứng được nhiệm vụ đặc biệt. Nay cho phép Khanh đi, lệnh cho quan chủ quản cấp tiền lộ phí, để tìm các bậc danh đức tu học, hầu giác ngộ cái thiện nơi đạo của mình để giúp người cũng được thiện được thế thì ngày sau đạo ắt sáng tỏ nơi hoàn vũ; như vậy há chẳng thể sánh được với đạo của Phật ư?”

Tháng sáu, ngày Bính Tuất, Mã hoàng hậu băng hà. Hoàng hậu tánh cần kiệm, áo quần vải vóc không chi phí nhiều. Bà từng nói với các Vương phi công chúa rằng: “Sinh trưởng nơi giàu sang, nên biết đến sự khó khăn của nghề dệt vải, vì trời đất mà thương tiếc muôn vật!” Để dùng uy vũ để trị thiên hạ, còn hậu thì thường giúp đỡ để tỏ lòng nhân. Khi băng hà, bà mới năm mươi một tuổi, Đế tiếc thương nên đến cuối đời vẫn không lập thêm hậu.

Đến tháng chín thì an táng Hoàng hậu tại Hiếu lăng ở Chung sơn, thụy là Hiếu Từ hoàng hậu (niên hiệu Vĩnh Lạc gia phong thụy là Hiếu Từ Chiêu Hiến Chí Nhân Văn Đức Thừa Thiên Thuận Thánh Cao). Đế ban chiếu tuyền cao Tăng phân chia phụ giúp các Vương. Lệnh cho vị Tăng tên là Đạo Diễn trụ trì chùa Khánh Thiên ở phủ Yên vương.

Sư Đạo Diễn tức là Dao Quảng Hiếu, người Cô Tô, xuất gia làm Tăng từ thuở nhỏ, thích đọc sách, giỏi thơ văn. Sư từng gặp dị nhân truyền dạy có thể biết được điều tốt xấu của người. Ông lại rất giỏi về thuật số. Lúc Thái tổ chọn danh Tăng để phụ giúp các Vương, lúc ấy Văn Hoàng đế còn là Yên Vương, Quảng Hiếu tự đến nói với Yên Vương rằng: Nếu Điện hạ dùng thân, thân nguyện sẽ trao cho Đại Vương đội chiếc mũ trắng. Do đó Yên Vương đến xin Quảng Hiếu về mình, Thái Tổ chấp thuận. Vì chữ vương thêm chữ bạch ở trên thì thành chữ hoàng, tức lúc ấy Quảng Hiếu đã biết Yên Vương về sau sẽ có thiên hạ, lên

ngôi Hoàng đế.

Các năm cuối của niên hiệu Hồng Võ có quân Tĩnh nạn khởi lên, đều do mưu của Quảng Hiếu.

Đầu năm Vĩnh Lạc ông được thăng làm Thái tử Thiếu sư phụ tá cho Đông Cung, lấy lại tục Oanh, nhưng chẳng để tóc và cưới vợ cho đến cuối đời, sau khi qua đời được phong là Vinh Quốc Công, thụy là Cung Tĩnh, được cúng tế ở Thái miếu.

Xét việc Dao Quảng Hiếu gặp Văn Hoàng đế, cũng giống như Lưu Cơ gặp Thái Tổ, đều là gởi mệnh nơi cõi trời chứ chẳng phải ngẫu nhiên. Khi Quảng Hiếu phụ giúp Văn Hoàng đế tại Yên phủ, một hôm trời lạnh, Yên Vương ra vế đối rằng:

“Thiên hàn địa đông, thủy vô nhất điểm bất thành băng.”

Ông đối lại: “Quốc loạn dân sầu, Vương bất xuất đầu thù tát chủ.”

Văn Hoàng đế rất vui. Về sau ông chọn ngày cử binh, đến lúc ấy trời mưa to gió lớn, Văn hoàng đế nói: “Xuất binh mà gặp mưa to gió lớn là điều cấm kỵ của binh gia”; Quảng Hiếu nói: “Điện hạ là một con rồng, cần phải có mưa to gió lớn hỗ trợ mới được thế ban đầu vùng khởi!” Quả nhiên ứng nghiệm.

Năm Quý Hợi niên hiệu Hồng Võ mười sáu, Ngô Thắm... dâng Tinh Tấn Lục. Đầu tiên đế nói với Thắm... rằng, Trẫm xem các Thánh hiền từ xưa dạy dỗ, lập giáo không ngoài ba điều quan trọng là: Tôn kính trời, trung với vua, hiếu với cha mẹ. Vua tôn kính trời, thần trung với vua, con có hiếu với cha mẹ, thì nhân đạo được lập. Nhưng những lời này chỉ thấy rải rác trong các kinh truyện, không dễ gì nhận ra được điều cốt yếu đó. Nay các ông phân loại ba việc này để biên tập lại thành sách mà dâng lên vậy Trẫm đề tên là Tinh Thành Lục.

Sáng sớm ngày hai mươi một tháng năm, các Tăng quan của Tăng Lục ty khâm phụng thánh chỉ đến Phụng Thiên Môn khảo đính và hoàn bị nghi thức pháp sự Du-già Bí mật cùng các chân ngôn mật chú, thành một pháp quy nhất định, hành trì trong các tu viện khắp thiên hạ, vĩnh viễn tuân thủ. Đó là đạo con hiếu cháu thuận, tận xót cư tang cha mẹ, tận kính tế lễ tổ tiên. Nhân dân khắp châu huyện khi có cúng tế cầu nguyện đều thỉnh về sử dụng.

Tăng Lục Ty lập văn thư báo cho trụ trì các tự viện và tăng quan các nơi biết rõ, mỗi mỗi đều sai người về kinh, đến cổng nội phủ lãnh nghi thức pháp sự trở về học tập, sau ba năm những vị Tăng trì Du già giáo, khi đến kinh khảo thí, nếu người nào thông thạo được nghi thức

chế định hôm nay thì mới được làm Tăng. Nếu người nào chưa hiểu, tụng niệm chưa thông thuộc, thì cho phép đến kỳ sau thi lại. Nếu vị nào giỏi ghi nhớ tụng thuộc mà chưa có độ điệp, thì sau khi thi xong, đến quan cấp phát. Nếu người nào chẳng đỗ thì trở về làm dân. Khâm thử!

Văn dụ các Thiện Thế ở chùa Thiên Giới:

Ta từng nghe giáo của Thích-ca cốt đạt được an tĩnh, không ồn náo, luôn luôn tẩy tâm, rửa sạch tư duy, trừ bỏ ma năm dục, thanh tịnh gốc sáu căn. Tuy chưa đạt đến quả viên giác lục thông, nhưng tương lai ắt đạt được. Vì thế người tu hành cần phải gắng sức; hành tức thực hành, công tức là tạo lập gom chứa. Phàm người tu hành trước nên gát qua sự chứng nghiệm, không nên quá gấp, lại chẳng mong cầu như thế mà được như thế! Người học ngày nay mong cầu chứng nghiệm, muốn cho nhanh chóng, mờ mịt lâu ngày, tâm không nhẫn nại được, suy nghĩ chẳng rời trần tục, cho rằng các vật trên đời này đều tồn tại. Do đó mà mất đạo mê tông; oan khiên nặng cao như núi. Tin rằng gần đây Tả Thiện Thế, Hữu Thiện Thế, Tả Giác Nghĩa dục chẳng đoạn thì sự phát sinh, dẫn đến có gián sử của Già-lam phạm phải hiến chương, việc này chẳng phải do người khác gian cáo, cũng đâu phải là Trầm nói không đúng; nhưng tự tạo ra định nghiệp, thì cho là dục khó trừ, thật không dễ giải phân. Đó là hạnh gì vậy? Tất cả đều chẳng cầu an tĩnh, mà lại thích ồn náo, việc sinh thì tự chuốc lấy. Người tu hành nên biết rõ!

Mùa xuân năm Giáp Tý niên hiệu Hồng Võ mười bảy, ban hành thể lệ thi cử, ba năm một kỳ Đại Khoa. Từ đây đã thành định thế. Tìm cầu người có đức hạnh nổi tiếng ở các châu huyện, kiểm xét tuổi tác tướng mạo trình lên triều đình.

Văn dụ cho ba vị Tăng phạm Luật ở chùa Thiên Giới tên là Giới, Lạc, Phục. Dụ rằng: “Chí là để tôn trọng thanh danh, lập tiết nghĩa, dẹp cái xấu xa; hàng trượng phu mà cử dương điều này, ắt là muốn siêu quần bạt tụy, khác với kẻ hẹp lậu. Trí là dùng để biết, biết không gì chẳng biết; lấy đó để giác, giác mà không đâu không siêu tuyệt. Như vậy há có điều quá khứ mờ mịt mà không truy cứu ư? Chí và trí này ở trong trời đất, người sinh ra mà biết thì khéo sử dụng, dạy mà biết thì khéo giữ gìn. Nếu sinh mà chẳng biết, dạy dỗ mà chẳng thành thì chẳng khác gì cầm thú, sao lại tầm thường hỏi về nguyên nhân của nó? Giới, Lạc, Phục các người, đất mà các người ở là Đạo tràng của Phật cao tột, giáo mà các người tu tập chính là đạo xuất thế, cho đến hôm nay các người sống nơi thế tục mà đồ kỹ, ác độc như loài rắn rết; khinh nhờn đối với Phật chẳng khác cầm thú; đã vậy mà còn lên chánh điện, nhiều

trước Phật, việc ấy quả thật là đánh lễ đó ư? Lúc bấy giờ trí và chí đều mất. Sinh tử đã không biết, tử sinh cũng chẳng hay, trước kia ta ban sắc cho trụ trì thật đã có như vậy ư? Ta từng nghe sinh tử, tử sinh! Đó là thế nào? Vì sinh chẳng phải tử, tử chẳng phải sinh, bỗng nhiên lại có giác ngộ ư? Nay mờ mịt chẳng biết nguyên nhân của nó. Vả lại tội báo hôm nay, người thân đều giận dữ, bởi vì các người tích chứa tiền bạc vãi vóc, tạo thành thị phi, cầu hư danh chứ chẳng lập thật học, kham làm loài bướm tìm hương, làm ong hút nhụy; như loài kiến càng say hưởng chất tanh hôi nơi vết bánh xe, dấu chân ngựa mà chẳng lo đến cái họa lười màng, bánh xe. Các người vốn là hàng đại trượng phu, như con ve xanh cất đôi cánh trên bầu trời cao rộng, hưởng luồng gió lộng, uống giọt sương trên hư không, mà nay lại bay dưới thấp cướp hoa tàn để hút nhụy rữa, kham làm loài ong, bướm, kiến càng ư? Tội của các người hôm nay, trong tấu văn cử tội và trong thư nặc danh cử tội đều nêu là luôn vui giận, thích nhan sắc, trộm vật dụng của chúng tăng, nhất là lừa dối Trẫm để che dấu điều sai trái của mình, thì thân ấy có ngày sẽ mất. Nhưng chết tuy có ngày, mà chưa thi hành nơi pháp ti”.

Tháng hai năm Ất Sửu, niên hiệu Hồng Võ mười tám, Ngụy Quốc Công Từ Đạt qua đời thọ năm mươi bốn tuổi, truy phong Trung Sơn Vương, thụy là Võ Ninh ban ân chiếu mai táng ở Chung sơn. Đế tự soạn văn tế, và Thần đạo bia ký, được cúng tế ở Đại miếu.

Đế sai xây dựng chùa Kê Minh và tháp năm tầng, đền thờ Bảo Công, hằng năm sai quan đến cúng tế. Đầu tiên có vị Tăng Tây Tạng là Tinh Cát làm Giám Tạng Trụ ở núi này, đến lúc lập viện thì hạ chiếu làm Tả Giác Nghĩa ở Tăng Lục Ty.

Ngày 18 tháng 3, Quan viên bản bộ nơi điện Võ Anh khâm phụng Thánh chỉ, bố cáo Tả Giác Nghĩa Tăng Lục Ty là Như Cẩm bị bệnh qua đời, vậy bộ lễ bày biện lễ vật để cúng tế. Khâm thử! Lại khiến Bộ Từ chuẩn bị tế tự, xuất kho mua sắm vật tế để tế tự.

Chiếu ghi: “Ô hô! Tội mang đầy mình, một nước mà hại dân! Trẫm vì dân mà lập quan, vì dân mà tạo phước. Muốn trừ gian mà gian lại sinh, nhiều loạn hại dân lành của ta, thật là do Trẫm bất tài mà ra! Nay ban chiếu đến khắp Thiên hạ rằng: Phàm dân lành hãy thương xót Trẫm chẳng sáng suốt mà ở ngôi vương! Kinh Thư có câu: “Ngôi trời thật khổ thay!” Vì ăn ngủ chẳng yên để lo cho dân khương thái. Ngưỡng cầu Hoàng thiên cúi thương cứu giúp, trị kẻ gian ngày càng nhiều. Nhân tâm như thế phải làm thế nào? Từ khi có chiếu này về sau, nếu kẻ nào phạm tội nhiều dân lành thì dù có đại xá cũng chẳng tha.”

Tháng bảy Đế ban chiếu rằng: “Than ôi! Ngôi trời thật gian khổ thay! Từ khi lên ngôi đến nay đã mười tám năm, Trẫm chẳng gấp kịp để vỗ về bá tánh, một số tội thân trong ngoài triều đình hành động không chánh đáng; đó là lỗi do một mình Trẫm gây ra. Trời cao đã khuyến cáo, giáng tai họa lụt lội, hạn hán. Như hôm nay nghe ở Sơn Đông, Bắc Bình bị nạn lụt lội, nông dân trông tía khó khăn, mùa màng tổn thất. Hôm nay ban chiếu thư miễn thuế cho tất cả vụ thu năm này, quan lại như lệnh mà thi hành, không được nhiều loạn nhân dân.”

Tháng chín hạ chiếu rằng: “Nông tang là gốc của y thực, nhưng lại bỏ gốc mà theo ngọn, ít có người cứu điều tệ hại này. Vào thời vua cha ta còn sống, thì tất cả ruộng đồng đều có người canh tác, nhà nhà đều có người nữ dệt vải, mưa nắng thuận hòa, đói rét chẳng hiện...”

Tháng chín, Đế ban chiếu cho Thục Vương về Kinh đô để duyệt võ. Vương là con trai thứ mười của Thái Tổ, húy là Xuân, là người rất hiền đức, thông thạo kinh thư, kỹ nghệ và sách Phật. Đế thương yêu mà gọi là Thục Tú Tài. Vương đến Trung Đô, đầu tiên sống ở Tây đường, đọc sách tự vui; ngoài thời gian duyệt võ ra, lúc rảnh rỗi, vương triệu các nho thần như Lý Thúc, Kinh Tô, Bá Hành và Danh Tăng Lai Phục đến để cùng luận đạo bàn văn, đến không còn một ngày luống uổng. Vương lại lập Bảo huấn đường để tôn phụng sự giáo huấn của Tổ tông và kinh sách của các bậc Đế vương các đời trước. Xây xong thỉnh ngài Lai Phục viết lời ký, soạn bốn bài châm là Chánh Tâm, Quán Đạo, Sùng Bản và Kích Hiền để tự cảnh tỉnh.

Ngài Lai Phục tự là Kiến Tâm, người Dự Chương, lâu thông Nho thuật rất giỏi thơ văn, các danh sĩ đương thời đều có giao du với Sư. Nổi danh đồng với vị Tăng nhà văn là Tông Lạc. Vua nghe danh nên triệu kiến. Sau vì làm thơ phú nghịch ý vua mà bị gia hại. Sư có tác phẩm Bồ Am Tập lưu hành ở đời.

Ngày mười tám tháng mười một, Bản Bộ quan ở Tây Thái Bảo khâm phụng thánh chỉ rằng: “Tả Giảng Kinh Tăng Lục Ty là Tăng Như Phi bị bệnh qua đời, khiến bộ lễ lo tế tự, khâm thử! Từ Bộ lo liệu tế tự, xuất kho chi phí, bày biện đầy đủ lễ vật”.

Ngày hai mươi một tháng mười một, Bản bộ quan ở Phụng Thiên môn, khâm phụng thánh chỉ thông báo: “Ngày hôm nay an táng Tả Giảng Kinh Như Phi, quan viên bộ lễ hãy đến lo việc tế lễ, khâm thử! Lại sai Lễ bộ thị lang Chương Tường đến tế.”

Đế đích thân soạn văn tế rằng: “Than ôi! Biển nghiệp mênh mêng, ít người vượt qua được. Như Phi Tăng cưới con thuyền Bát-nhã, bạt mái

chèo Lãng nghiêm, dựng cột buồm Viên giác, rồi nương luồng gió Hoa nghiêm mà trương cánh buồm Đại tập. Sáng tối bạt rộng mái chèo, căng cánh buồm lộng gió, mà vượt đến bờ kia. Ôi! Thật là giỏi lèo lái con thuyền! Như Phi Tăng mạo hiểm nơi sóng gió mà được như thế ư?

Nay con thuyền và mái chèo mà Khanh đã vượt qua biển nghiệp đó vẫn còn, nhưng có ai khéo lái con thuyền ấy ngạo nghễ với gió trên biển nghiệp đây? Vượt qua bờ kia như thế, thì không bao lâu sẽ thành tựu. Cưỡi con thuyền ấy, có bờ bến này, nhưng chẳng phải chỉ độc nhất, mà còn cứu vớt được nhiều người.”

Trẫm xem, tạo con thuyền Bát-nhã, ban đạo Phổ Độ, há lống uổng sao? Nay cũng mong rằng ngay nơi không tướng mà tuyệt tích, đến đi đều có mỹ vị, cầu xin hưởng thọ!

Phụ ghi Phi Thái Phác Vận:

*Hoa gặp đêm mưa, sáng tươi xanh
Cánh nhụy úa tàn, bạc vắng tanh
Thử hỏi Thiền nhân, nơi thâm đượ
Nói rằng ngoài vật có thiên thanh.*

Tục Nguyên Giáo Luận, Hàn lâm thị chiếu Thẩm Sĩ Vinh Soạn, quyển thượng gồm bảy thiên: Nguyên Giáo Luận, Quán Tâm Giải, Nội Giáo Ngoại Giáo Biện, Chấp Tích Nho Giải, Tham Thiền Biện, Luận Thiền Biện, Tác Dụng Thị Tánh Giải. Quyển hạ cũng có bảy thiên: Danh Nho Hiếu Phật Giải, Tự Tư Biện, Trang Lão Dị Đồng Biện, Thế Thuyết Chư Kinh Giải, Giáo Thị Phi Đắc Thất Biện, Tam Giáo Luận, Chư Sự, Nhân Vật Hùng Vĩ Luận.

Lời tựa ghi: Phàm tình và trí trái nhau, rồi sau mới có giáo; thức và nơi thú hưởng trái nhau, sau đó mới có luận biện. Cho nên để phân biệt thị phi mới lập giáo; chẳng luận biện thì lấy gì để lập lý đây? Người xưa muốn lý sáng tỏ mà lập biện, tuy dùng hỏi đáp, nhưng cũng khiến cho người xem hiểu rõ không nghi ngờ. Nay nhà Nho nghi nan Phật vì thế cần phải luận biện, lập giáo để rõ được lý.

Khi xưa Phật còn tại thế, các Đại Bồ-tát hóa làm ngoại đạo, mỗi vị chấp một dị thuyết gạn hỏi Phật. Như Lai vì phá các tà chấp ấy bèn lập nghĩa Như Thị, thuyết kinh Như Thị; thế thì các giáo đều do nơi luận biện mà khởi. Như các đạo Nho thời Đường, Tống mỗi mỗi chấp kiến giải của mình mà gạn hỏi về Phật, khen chê bài xích, có lúc thái quá. Cũng có khi Bồ-tát hóa thành Nho gia, cố làm cho trái nghịch, khiến có người đứng ra luận biện hầu làm sáng tỏ nghĩa lý. Quả thật nếu chưa đạt được cảnh giới Phật thì cũng còn chỗ nghi. Từ đó đến nay đã mấy trăm

năm những người mang danh là Nho đối với Phật giáo hoặc vì kính tín, hoặc vì bài xích mà khen chê bất đồng, thị phi khó biết, làm cho chí đạo chẳng sáng tỏ, thật đáng buồn thay!

Sĩ Vinh tôi tự biết mình ngu tối, sức học chẳng bằng một phần vạn của các bậc tiên Nho, lại chưa ngộ được môn mà Phật đã chứng nhập; nhưng cú nghĩ hai giáo trái nghịch nhau đã từ lâu, người trí lại im lặng chẳng luận biện, ngồi xem người cầu học nghe theo lối cũ, mà hoặc là sinh phỉ báng, làm mất gia bảo của nội học, tổn thương đến cái gốc của danh giáo. Do đó tôi chẳng tự lượng tài hèn, tạm đặt lời bài xích ở trước, rồi biện giải ở sau. Trong đó luận gồm ba thiên, giải gồm năm thiên và biện có sáu thiên, tổng cộng mười bốn thiên. Suy cứu chỗ dị đồng thì gọi là luận, giải thích nghi hoặc gọi là giải, làm sáng tỏ thị phi gọi là biện. Mong được các bậc quân tử lý học quyết trạch mà thêm bớt, ngõ hầu chẳng trệ ngại cái học của thánh hiền.

Ngày Thượng huyền (mồng bảy, mồng tám) tháng quý hạ (tháng sáu) năm Ất Sửu, niên hiệu Hồng Võ, Kiến An Thấm Sĩ Vinh Kính ghi lời tựa.

Đế soạn văn dụ Hàn lâm thị chiếu Thấm Sĩ Vinh:

Bậc trí thời xưa, có người vì thân mà tu thân, ta chẳng biết người tu là ai? Hoặc nói thân vì thần mà tu, hoặc nói thần vì thân mà tu. Nhân đó mà luận biện thì đã hoặc lại càng thêm mê hoặc. Dùng thân tu thần ư? Ưc chế thần để tu thân ư? Ta chẳng biết Đạo nhị tu này nhưng thấy được dấu tích của cổ nhân, học theo ba tông Nho, Thích, Đạo mà muốn đạt đến để tự kỷ vi diệu được linh thông. Than ôi! Thật hay thay bậc quân tử! Tuy chưa đến được chỗ kỳ diệu của ba tông, nhưng đã có tâm như thế, há chẳng thể không gọi là đã học đầy đủ rồi ư? Lão Tử từng nói: “Sống nơi đất lành, tâm tánh sâu thẳm”. Người đời nay, quyết định khéo chấp nhận ba tông này, thì đó há chẳng hoàn toàn vì sự linh thông của tự kỷ kỳ diệu ư? Ấy tức là người trí vậy.

Hộ trì Đóa Nhĩ Tư Ô Tư Tạng, chiếu ghi:

To lớn thay, Đấng Đại Giác Kim Tiên! Lâu xa thay; vượt vô lượng, trải qua tăng-kỳ, từ Đâu-suất giáng Phạm cung! Kỳ lạ thay, tu nơi Tuyết sơn! Vượt trên cả người đời! Số kiếp trải qua ở cõi trời cõi người đã rộng thì nhần nhục càng nhiều, mới thành Phật đạo. Thiện trùm cả thế nhân, pháp trường khắp hoàn vũ. Người nào theo học đạo này thì trời soi xét, thân phò trì, thân sau đồng dạo chơi nơi cảnh Phật. Nếu ai trái nghịch đạo này thì trời soi xét, thân biết hay, giam hãm vào địa ngục đồng ở với loài quỷ, chờ đến lúc phát đá mòn, kiếp tận mới được sinh,

thật lo sợ thay! Khổ thay! Một niệm đồng với Phật thì trăm họa tiêu tan hóa làm các phước.

Nay Đóa Nhĩ Tư Ô Tư Tặng Lương Nha địa phương chư viện Thượng Sư đạt đến tận Đại giáo của Như Lai, thông suốt kinh sách của Ngũ Ân, một đời vì xiển dương giáo hóa kẻ hung ngu theo về thiện, khai phát nhân tâm để tẩy sạch oan khiên. Trẫm cho rằng Phật vì chúng sinh mà như thế, nay chư Sư ở các viện cũng vì Phật mà như thế, trẫm giúp đỡ vương pháp, ban cho dân nhiều phước; như thế ai dám chẳng tôn kính Phật giáo, ngạo mạn các Sư thì dẫn về Đô chỉ huy Ti ở bản xứ, như luật pháp thi hành không khoan thứ!

Năm Bính Dần, niên hiệu Hồng Võ mười chín, vua ban chiếu cho các tự viện có ruộng đất trong cả nước phải lập Châm Cơ Đạo Nhân, tất cả các sai dịch đều chẳng cho Tăng làm.

Tháng sáu ban chiếu cho thiên hạ thi hành chánh sách dưỡng lão. Dụ ghi: Chuộng người lớn tuổi, nên mới dạy về kính; phụng sự bậc trưởng thượng, nên mới dạy về thuận...

Ngày mồng tám tháng tám lập tấu văn, y cứ vào việc tăng Tánh Hải... xin cấp văn bằng hộ trì sơn môn. Khâm phụng thánh chỉ xuất cấp bằng văn cho các Tự viện treo lên, cấm tất cả mọi người, không được khinh mạn Phật giáo, mắng chửi Tăng Ni, không theo phép tắc, quấy rối chùa viện. Ai vi phạm, quan ty bản sứ sẽ nghiêm trị.

Khâm thủ!

Khâm phụng xuất cấp bằng văn, ban hành cho các tự viện trong thiên hạ, niệm yết những điều cấm chế.

Ngày mười sáu tháng tám, Bản bộ quan khâm phụng thánh chỉ báo rằng vị Tăng Vân Nam là Tánh Hải nay trở về, cấp cho một chiếc thuyền. Khâm thủ! Thông báo cho Binh Bộ tuân phụng thi hành!

Văn dụ vị Tăng ở Vân Nam du phương: Giáo của đấng Kim Tiên thì chuyên tâm nơi rộng lặng vì thành tựu chỉ ở nơi khổ không. Người tu đạo, phần nhiều sống ở hốc núi gốc cây, phách lạc nơi suối rừng, ngắm ánh trăng nơi trời đất, vịnh gió mát nơi cội tùng, lập thân ngoài vật, bỏ thế sự như hư không. Nếu như thế mới là tu, mới thông suốt. Vân Nam tăng khanh, tu tập chẳng sợ đường xa vạn dặm, muốn giác ngộ mười hai nhân duyên, nếu chỉ ở Kinh đô và trụ nơi Vân Nam, thì đâu biết cảnh trí Thiên Thai, vẻ đẹp vùng Lương Triết, cùng sự uyên bác của các cao tăng.

Nay đặc biệt sắc ban cho khanh Vân Du, để xem các danh sơn, mở rộng tâm trí, sáng tỏ thần linh của ông. Mai kia trở về diễn lời hay nơi

Kim Mã, luận phong cảnh ở Bích Khê. Bảy giờ mũ đạo đã điểm xanh, thần linh du nơi Bát cực, thật thích thú thay!

Tháng mười hai vua soạn thành ba thiên Đại Cáo, ban hành khắp thiên hạ.

Thứ Trung Thiên sư húy là Vô Ôn, biệt hiệu Không Thất, người ở Lâm Hải, họ Trần, mẹ là Lâm thị. Đầu tiên Sư lễ Thiên sư Nguyên Tẩu Doan ở Kính Sơn cầu thế phát xuất gia, thọ giới Cụ túc ở Chiêu Khánh Luật tự; kế đến Sư tham yết ngài Linh Nham Chi, Nhất Nguyên Linh, mỗi mỗi đều thiết tha thưa hỏi. Sư lại trở về Kính Sơn trụ ở Trạch Mộc liêu. Sau lại đến tham kiến ngài Đại Bạch Chỉ, Trúc Nguyên Đạo, khán câu thoại đầu: “Con chó không có Phật tánh” mà đại ngộ. Sư làm kệ rằng:

*Con chó không Phật tánh
Xuân sắc nhuận hoàng thành
Triệu châu nơi Đông viện
Trên vách chiếu hồ lô.*

Sư lại nói: “Việc này như con cá uống nước, ấm lạnh tự biết, nhất quyết không thể ở nơi ngôn ngữ văn tự”.

Sư thích nơi vắng lặng, tuy hai lần trụ danh sơn, nhưng vừa được ba năm thì xin từ chức. Sau vua Nhật Bản dùng xôi chuỗi thủy tinh, nghiên đá ở Nga Sơn làm lễ vật, xin phép Thái Tổ, cầu Sư sang giáo hóa. Nhưng Sư vì già bệnh nên chối từ. Đệ tử là Cư Đảnh thỉnh Sư đến trụ tại Thúy sơn ở Huyện Ngâm. Từ đó người bốn phương đến tham học vô số, xin kệ cũng rất nhiều. Vào ngày mười tháng bảy năm Bính Dần, Sư viết kệ rằng:

*Bảy mươi tám năm qua
Không có pháp để nói
Cuối cùng chỉ một câu
“Lộ trụ” cũng nhiều lời.*

Quát một tiếng, rồi ngồi yên thị tịch, đến ngày mười lăm tháng mười hai an táng ở vùng Đường Áo.

Sư có các tác phẩm: Nhị Hội Ngữ Lục, Niêm Tuyết Đậu Niêm Cổ, Tục Đại Tuệ Trúc Sơn Tụng, Cổ Sơn Am Tạp Lục, Tịnh Độ Thi Kệ Tụng lưu hành ở đời.

Huyền Ẩn Thiên sư húy Tuệ Minh, tự Tánh Nguyên, cha tên Hạng, mẹ là Trần thị. Năm lên bảy tuổi, Sư bị bệnh ung thư, bỗng nhiên mất khỏi nơi ở của mình, người nhà tìm được thì nói: “Có bốn đồng tử dẫn tôi đến đây!” Người biết thì biết rằng Sư được thiên thần giúp đỡ. Sau Sư

tham yết ngài Trúc Nguyên Đạo ở núi Tử Trạch, Tiên Cư, kế đó tham yết ngài Nguyên Tẩu Đoan ở Kính sơn. Ngài Nguyên Tẩu hỏi:

- Từ Đông lãnh đến hay từ Tây lãnh đến?

Sư chỉ đôi giày cỏ của mình và nói:

- Ba văn tiền mua được cái này!

Ngài Nguyên Tẩu nói:

- Chưa được, nói lại đi!

Sư thưa:

- Con chỉ được như thế, còn Hòa thượng thì thế nào?

- Nghĩ tình ông từ phương xa đến đây, cho nên mới tha ba mươi gậy.

Sư liền ngộ được yếu chỉ.

Qua thời gian lâu sau, mới tiêu sạch những tích chứa nơi tâm. Sư bèn nói: “Vừa khởi tư duy thì đều là pháp thừa!”

Năm ấy (Bính dần) Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi tám hạ lạc.

Mộc Am Thiên sư - Giác Sơ Thiên sư - Vô Dật Thiên sư.

Năm Đinh Sửu, niên hiệu Hồng Võ hai mươi, vua soạn thành bộ Thượng Thư Hồng Phạm, sai Tán Thiện Lưu Tam Ngô viết bài bạt.

Bố Chánh Triết Giang và phủ Tô châu biên soạn xong bộ Điền Thổ Phương Viên Tứ Chí Ngô Lân Đổ Sách.

Tháng hai, Đế cày tịch điền. Sai các quan tế lễ tổ tiên nghề nông. Lễ xong đế ban yến tiệc đãi quần thần ngay nơi đàn tế. Đế dụ rằng:

Tịch điền là lễ xưa, một là để dâng cúng gạo nếp, hai là để khuyến cáo lấy nông vụ làm gốc.

Ngày mười một tháng bốn Lễ Bộ Thượng Thư Thôi..., tuân phụng thánh chỉ ban hành giới điệp trong thiên hạ, lại đưa ra một hiểu dụ cho Thiện Thế Thiên sư Bản Đích Đạt rằng:

Thiên sư từ Tây thiên đến Đông độ, sớm tốt tu đạo, mong cầu cứu vật lợi sinh. Trẫm xem Thiên sư lập chí, nỗ lực kiên cố, trải qua thág năm hành trì thật đạt đến chỗ rất sâu xa. Vì thế các nơi đến cúng dường, người thiện thì đánh lễ, kẻ ác thì vui mừng. Trước Thiên Sư từ Đông vượt biển xanh đến lễ bái ở Phổ Đà, kế đó quay lại Tiên Đường mà lễ Thiên Mục, rồi đến Lô sơn, tất cả danh sơn của Trung Quốc. Ý Thiên sư đã đạt, lại đến Kinh đô trụ tích ở phía Nam Chung sơn, ngày ngày tọa thiền trong hang động. Thiên sư thật đã ở trong huyền, Ngưỡng mong cúi xét. Chí lập ở tại nơi thần đạo đi nơi Bát cực; cầu trời chiếu giám!

Năm Mậu Thìn, niên hiệu Hồng Võ hai mươi một, đời Tăng Lục

Ty đến chùa Thiên Hy. Thi Kinh độ tăng cấp độ điệp. Ngày mười bốn tháng ba Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế Hoàng Đạo... ở Trung Hữu Môn khâm phụng thánh chỉ, Tăng Lục Ty soạn văn thư đưa đến Tăng Ty các nơi. Chỉ viết độ điệp cho Tăng từ hai mươi tư tuổi trở lên, cấp phát đến các vùng Ô Môn, Khúc Tĩnh... cách ba mươi dặm lập một am, Tăng cư trú tự cày ruộng sinh sống, giáo hóa nhân dân trong vùng. Khâm thử!

Ngày hai mươi sáu tháng bốn Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế Hoàng Đạo... khâm phụng thánh chỉ ở Phụng Thiên môn: Chùa Linh Cốc, Thiên Giới, Năng Nhân, Kê Minh là các ngôi chùa lớn ở Kinh đô, hiện nay khuyết chức Đại trụ trì, yêu cầu các tông lâm trong thiên hạ tuyển chọn những vị Tăng đầy đủ đức hạnh, nếu qua khảo thí thông suốt được nội giáo, thì cho phép trụ trì. Không được lạm dụng tiến cử. Khâm thử!

Tháng năm năm Ất Dậu, có mây năm màu hiện. Lưu Tam Ngô tâu rằng: “Mây là điềm lành trong các vật, biểu trưng cho việc trị thế. Vào thời Thuấn thì thi ca hưng thịnh. Đây là do đức của vua cảm nên”.

Đế bảo: Người xưa nói rằng: “Trời giáng tai họa hay hiện điềm lành, là đều do nơi đức thành, ví như đức của ta chẳng xấu thì tai họa cũng hết”. Vả lại làm sáng tỏ cái đức ấy, tuy có lành mà không ứng, sự an lành của quốc gia không chỉ ở nơi đây!

Dùng Thứ Cát Sĩ Giải Tấn làm Giám sát ngự sử. Tấn người Cát Thủy, thiên tánh thông minh đỉnh ngộ, mới bảy tuổi mà đã biết làm thơ phú, mỗi ngày có thể ghi nhớ cả ngàn lời. Năm mười tám tuổi ông đỗ đầu thi Hương, rồi tiếp tục đỗ Tiến sĩ. Mỗi lần thảo sắc phong thì gồm cả vạn lời dâng Đế. Không bao lâu ông trở về quê.

Mùa xuân năm Kỷ Ty, niên hiệu Hồng Võ hai mươi hai, vì thiên hạ vô sự, Đế thương xót các tướng đã già nua, muốn bảo toàn họ, nên cho phép các vị tước Công Hầu đều được về quê an dưỡng; khi đến bộ kiến từ tạ thì mỗi mỗi được ban thưởng.

Ngày ba tháng bảy Bản bộ quan, nơi điện Hoa Cái tuân phụng thánh chỉ: Lão Tăng quan chùa Kê Minh từ Thiểm Tây thỉnh về các vị Tăng Tây Tạng, Hán. Giao trách nhiệm cho hai Bộ cấp cho Tăng y vải lụa. Tuân phụng chiếu chỉ này, chuyển lệnh cho hai Bộ may ba mươi sáu phần Tăng y, mỗi phần gồm một bộ, mỗi bộ gồm ba chiếc, tổng cộng một trăm lẻ tám chiếc, tất cả đều giao cho nội phủ cấp phát.

Tháng tám lập thêm Tăng Ty. Tuyển chọn các vị Tăng thông hiểu Phật pháp đưa về kinh khảo thí, phong cho quan tước. Khâm thử!

Ngày mười bảy tháng tám Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế Hoàng

Đạo, ở Phụng Thiên môn, khâm phụng thánh chỉ rằng: Chùa Thiên Giới chỉ lấy Thiện Thế làm biển. Khâm thử!

Chiếu trao chức Thiện Thế Thiên sư: “Phật giáo hưng khởi ở Tây thiên, lưu truyền khắp Trung Hoa và bốn Di, khéo cứu đời hung ngu, giúp Vương pháp mà chăm lo cho đạo. Cổ kim đều tôn sùng chiêm ngưỡng, đó là do tâm từ và nguyện nặng. Vì thế ra khỏi ba cõi thoát trầm luân, vĩnh viễn rõ ràng mà chẳng diệt. Khanh đã nhọc tâm với nguyện rộng, nay đặc biệt gia phong Thiện Thế Thiên sư, dùng đạo chí thiện này mà thống nhiếp Tăng Ni trong thiên hạ, buộc kẻ ngu, chế kẻ ác, vui giúp Vương pháp chăm lo cho đạo.

Nguyện lực rộng sâu, thế hội được hạnh này, thì chẳng đến chẳng về, thật là cùng tốt thay! Cùng tốt thay!”

Thiên Uyên Thiên sư - Quý Phương Thiên sư.

Vạn Phong Thiên sư, húy Thời Ủy, người Vĩnh Gia, họ Kim. Mẹ Sư một hôm mộng thấy một luồng khí trắng xông thấu trời mà có thai sinh ra Sư. Lúc mới sinh ánh sáng chiếu đầy nhà. Lúc Sư còn ở tuổi ẵm bồng khi thấy Tăng đã mỉm cười chấp tay. Năm lên bảy tuổi, Sư lễ Thăng Công ở chùa Diển Khánh cầu xuất gia, mười sáu tuổi cầu thế độ, mười chín tuổi thọ giới Cụ túc. Đầu tiên Sư tham yết ngài Chỉ Nham ở Hồ Bào hỏi đạo, lại đến Thiên Thai tham kiến ngài Vô Kiến Đổ. Sau trở về Chỉ Nham quyết trạch tâm yếu. Ở đây Sư làm Đệ nhất tòa; được ngài Chỉ Nham trao cho pháp y, phát tử, đánh tướng và kê phó chức. Ba lần xây dựng tinh xá, đều là Thánh Ân. Trải qua ba mươi năm, đạo phong ngày càng lan rộng. Sư dạy các môn đồ đặc pháp rằng:

*Từ bi vô niệm, hoa nở quả chín.
Nhân địa rõ ràng, tuệ bảo chiếu soi
Cội nguồn trong suốt chỉ một dòng
Vạn cổ đến nay hằng tương tục.*

Sư lại nói: “Như ngày nay đúng vào thời mạt pháp trầm luân, cần phải ở bến nước, trong rừng, để tiếp dẫn một người, nửa người, xiển dương đạo ta để báo ân Phật. Không nên xu phụ người quyền quý, khinh miệt kẻ hạ lưu, theo vọng cầu danh, mê chân mờ đạo. Cần phải thiết tha, cẩn thận”.

Nói xong, Sư ngồi kiết già thuyết kệ rằng:

*Bảy mươi chín năm qua
Chỉ một vị hư giả
Vực thăm lại buông tay
Trời cao xanh lồng lộng.*

Thuyết kệ xong Sư im lặng thị tịch.

Năm Canh Ngọ, niên hiệu Hồng Võ hai mươi ba, Đế ban chiếu cầu Tiên nhân Trương Tam Phong, nhưng rốt cuộc không thể tìm được, bèn triệu đệ tử là Khưu Huyền Thanh đến cùng vua đối đáp, hợp ý, Đế ban cho quan tước và nhà cửa nhưng không nhận tước vị.

Năm Tân Mùi, niên hiệu Hồng Võ hai mươi bốn, chế định áo mũ cho học sinh quốc học và châu huyện như sau: Áo trắng (Thiên sam) may bằng vải, lụa màu xanh lam, tay áo rộng, viền đen; mũ mềm có dây thông xuống. Vì áo mũ của sĩ tử như thế, nên có dáng đắp cổ phong.

Đế soạn Phật giáo bằng sách.

Mồng một tháng sáu, khâm phụng thánh chỉ rằng: Phật giáo khởi đầu ở Trung Quốc từ khi Minh Đế đời Đông Hán mộng thấy người vàng, sau đó thì pháp từ Tây truyền đến. Minh Đế hạ chiếu cho phép mọi người tự nguyện sùng kính. Từ đó thần dân tin theo ngày càng nhiều; triều đình xây dựng chùa Phật, là một việc tốt ở thời bấy giờ. Lúc pháp mới truyền vào có người cạo tóc, bỏ tục xuất gia; có cha mẹ cho con trẻ xuất gia. Việc tu hành vốn là khổ không rộng rãi, dứt bỏ các tướng dục, ắt muốn tinh thuần cái anh linh của tự kỷ. Lúc bấy giờ Phật giáo rất rục rờ; tuy người tu hành chưa đạt đến Viên giác rốt ráo, nhưng thật đang trong giai đoạn thứ tự tu hành; đâu có lẫn lộn với thế tục, không khác người thường ư? Nay các chùa Tăng trong Thiên hạ, lấy những ngôi chùa xưa mà bậc Thánh tước tục kế thừa để xét biết, thì Phật giáo là dị giáo của Trung Quốc; ví như vào thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang nếu gặp xiển dương giáo này, chưa thể biết là cho lưu truyền hay cấm chỉ?

Phật pháp truyền nhập Trung Quốc từ thời Đông Hán, đến nay đã trải qua một ngàn ba trăm ba mươi năm, chứ chẳng phải vì một triều đại mà có được, sở dĩ chẳng bị diệt vong là vì sao? Vì đạo ấy chỉ mong cứu sống chứ chẳng phải hành giết hại. Gia phong chính là ở nơi “khổ không rộng rãi”. Nhưng chư Tăng trong thiên hạ hiện nay phần nhiều hỗn tạp với thế tục. Nhất là có nhiều người chẳng bằng thế tục. Đó là giáo bằng mà hạnh kém. Theo lý phải làm trong sạch sự tướng để thành tựu tông phong. Khiến người thuộc thiên thì tu thiên, thuộc giáng thì giáng diễn, thuộc Du-già thì hành Du-già. Mỗi mỗi nương tông phái của mình, gom chúng lập chùa. Người có gia đình muốn hoàn tục thì cho phép, nguyện xa lìa thì cũng cho phép. Tăng Lục Ty nhất nhất theo lệnh Trẫm ban hành đến các tự viện trong thiên hạ, chấn chỉnh Phật pháp để thiện thế kéo dài mãi mãi về sau!”

Sau binh loạn, Tăng không có nơi thống lĩnh. Nay phủ châu cùng khiến Tăng Cang Ty, Tăng Chánh Ty kiểm xét những khu vực ngoài huyện; Tăng Hội Ty kiểm xét Tăng nhân trong huyện. Những Tăng nhân sống lẫn lộn trong dân gian phải được kiểm kê thật số, nơi nào có chùa Phật thì tụ chúng để lập thành tông lâm, định thanh quy để tu thiền. Người tu thiền phải tuân theo công án của tông mình, quán tâm xét thân để chứng quả thiện. Người diễn giảng thì tuân theo Đức Thích Tôn dùng diệu âm diễn thuyết bốn mươi chín năm, để dẫn dắt kẻ ngu muội. Người tu Du già, thấy nơi nào có chùa Phật cũng phải tụ chúng chỉ dạy thuần thực giáo Hiển Mật. Còn ứng cúng là phương tiện để hiểu tử thuận tôn, báo ân cứu dục cù lao của cha mẹ. Nói về mặt thế tục, giáo này có thể tùy thuận thế gian. Nói về mặt quốc gia, Phật giáo có thể âm thầm phò trợ vương pháp.

Sau khi ban chiếu, người nào còn dám chẳng vào tông lâm, vẫn ở riêng có quyền thuộc như trước, lẫn trốn trong dân gian, bị người tố cáo đến quan thì hoặc giao quan phủ tầm nã bắt về chém đầu thị chúng. Còn người ẩn nấu trong hang hốc thì lưu đầy ba ngàn dặm.

- Khoa nghi quỹ phạm của Hiển mật thì tuân theo cách thức đã ban hành vào năm Hồng Võ mười sáu. Những từ ngữ dùng để xưng tụng, trừ các chân ngôn của nội ngoại bộ khó dùng tự thích, còn tất cả vẫn y theo tiếng Tây tạng. Trong đó, từ tối mật, là lý do để gọi là mật, còn các kinh đã phiên dịch và những từ ngữ như tiếp tục, từ tình, khẩn thiết, giao chương trong đạo tràng mà trời, người, quỷ thần đều nghe hiểu, nên đó gọi là nguyên do để gọi là Hiển. Lễ của khoa nghi này, minh thì có thể thông đạt được người, u thì có thể thông đạt quỷ thần; không kể trước khi chưa biên tập, Tăng tục trí ngu, vọng dùng trăm điều làm sai lạc quy củ, cười đùa người trí, quỷ thần chẳng dung, một khi lệnh này đã ban hành, thì mong nhất nhất tuân thủ, không được thêm bớt, làm từ ngữ sai lầm rối loạn. Nếu ai dám vi phạm thì tội đến vị Tăng chủ trì và người theo học.

Khi lệnh này ban hành, nếu vị nào có thể nhẫn nhục, chẳng muốn trụ nơi đông người, chẳng muốn lẫn lộn với thế tục, vào nơi núi sâu, dùng đao khai phá, đốt nương làm rẫy, bóng hình là bạn, đèn dầu là người thân, cam chịu khổ, không, vắng lặng nơi suối rừng, mong cầu anh linh xuất ly ba cõi, thì được phép.

Các tăng Du-già, đã vào chùa Phật đã tập hợp thành chúng, khi có ứng phó thế tục, những tài vật được thù đáp tính theo ngày theo Tăng, mỗi một ngày một vị Tăng là năm trăm văn tiền. Chủ muốn viết số

thỉnh ba vị chấp sự thì mỗi vị Tăng một ngàn văn tiền.

Các phẩm kinh chú tụng niệm trong đạo tràng thì vẫn y theo lệ cũ.

Các mục trang trí tượng Phật, hương đèn cúng cấp, xà lê... tiền lao dịch là một ngàn văn tiền.

Phàm Tăng dự trai của nhà thế tục, văn thư hợp dùng chỉ nên y theo pháp Tu trai, thực hành đến các thể thức. Trừ một biểu, ba thân, ba điệp, ba thiếp, ba số, ba bảng ra, còn không cho phép viết văn rườm rà, lập riêng danh sắc để uống phí giấy tờ, hao tổn tiền bạc của dân.

Từ nay về sau những nơi cách xa Tăng Cang Tăng Chánh Tăng Hội, những ngôi chùa nằm rải rác khi ứng phó dân gian, thì cho phép theo hai bên Tăng và dân, có người thỉnh thí nguyện đến ứng phó, Tăng Cường Tăng Chánh Tăng Hội không được cậy là thượng ti, xuất thiếp kèm chế phi pháp, mượn danh nghĩa này mà vọng lấy những vật mà dân đã cúng cho các chùa đơn lẻ. Đối với những vị tăng có duyên, người có đạo hạnh cao sâu, hoặc người tinh thông yếu chỉ kinh điển, được Đàn-việt kính mộ, dâng trai lễ cúng dường thì không bị phép này câu thúc.

Giáo Du-già là pháp Hiển mật cần phải thanh tịnh trì tụng, văn tự không lầm lẫn, khi hô triệu thì tất cả chúng sinh cõi u minh, ngạ quỷ, đều nghe biết, tức thời đến dự hội. Chẳng phải là thân ô uế của thế tục thọ trì được! Trước kia dân gian thế tục có người thường phổng theo Tăng Du-già, gọi là Thiện Hữu, làm cho Phật pháp chẳng thanh tịnh, Hiển mật chẳng linh, bị cấu uế làm ô nhiễm, nên như thế. Nay về sau chỉ cho phép Tăng hành sự. Ai dám làm giống như trước thì giáng tội làm kẻ ăn xin.

Ngày một tháng bảy, Bản bộ quan nơi Phụng Thiên môn khâm phụng thánh chỉ rằng: Lệnh cho Bộ lễ xuất cấp, giao cho Tăng Lục Ty sai Tăng nhân mang Bảng văn đi, làm trong sạch tất cả tự viện khắp thiên hạ, không cho phép Tăng nhân sống lẫn lộn trong dân gian.

Ngày mười tám tháng tám, Đế sắc cho các Tăng quan ở ba chùa Thiện Thế, Thiên Hy và Năng Nhân là Tông Lại... sáng sớm ngày mai nếu trời mưa thì không cần đến, nếu trời quang mưa tạnh thì đến Phụng Thiên môn. Khâm thử!

Phục Nguyên Thiên sư tên là Phước Bảo, tự Phục Nguyên người ở Ninh Hải; Thái châu, họ Phương, mẹ là Trương thị.

Sư xuất gia tại chùa Sùng Phước, nhưng lễ ngài Thạch Hồ Mỹ cầu cạo tóc, kế đó đến tham yết ngài Kính Sơn Tẩu mà đạt được yếu chỉ. Sư khai pháp ở Lô Sơn, Từ Khê, rồi chuyển đến Trí Môn ở Tứ Minh. Năm

Hồng Võ thứ nhất, Đế triệu kiến các bậc Sa-môn có đạo hạnh, Sư cùng với Dĩ Trung, Nhật Chương đến Kinh đô trụ tại chùa Thiên Giới. Từng vào nội đình ứng đáp, hợp ý chỉ của Đế, nên lưu lại ba năm rồi cho phép trở về, bổ xứ tại Kính sơn.

Sư Thượng dường dạy rằng: “Như đại địa nâng ngọn núi, chẳng biết núi cao chót vót, như đá chứa ngọc quý, chẳng biết ngọc quý không tỳ vết”. Đến ngày thị tịch, Sư bỗng nhiên nói: “Ha! Ha! Ha! Đại chúng làm sao thấy được!” rồi thoát hóa. Thọ tám mươi bốn tuổi, tháp xây ở sườn núi bên phải tháp Tịch Chiếu. Kỵ vào ngày bốn tháng sáu.

Đạm Cư Thiên sư húy Chí Nhân, tự Hành Trung, hiệu Đạm Cư, Hi Di Tẩu, người Thẩm Dương, họ Ngô. Sư lễ ngài Châu Mục Thuần chùa Báo Ân cầu thế độ xuất gia. Từ nhỏ Sư đã có sự hiểu biết cao vời. Được chỉ không Thượng Nhân tán thán rằng: “Bậc thầy của trời người tái thế!” rồi khiến đến tham yết ngài Nguyên Tẩu, ở lại làm Thị Hương, lo ghi chép việc bên ngoài. Ngài Nguyên Tẩu nói rằng: Nhân Thư ký là Hổ có cánh”. Sau Sư khai pháp trụ các chùa Đức Chương, Sùng Báo, Vạn Thọ. Tống học sĩ khen rằng: “Hổ Khâu Tôn giả là Phật-đà, thấy tánh sáng chói như ma-ni”.

Năm Hồng Võ thứ nhất, Hoàng thượng hỏi về lý quỷ thần, Sư dùng yếu chỉ Phật đà để đối đáp, vua vui mừng. Lúc lâm chung, Sư lấy giấy viết kệ rồi thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi, mười chín tháng ba là ngày kỵ.

Toàn Thất Thiên sư húy Tông Lạc, tự Lý Đàm, hiệu Toàn Thất, người Lâm Hải, Thái châu, họ Châu, cha là Cát Phủ, mẹ là Cát thị. Thuở nhỏ Sư đã thích tọa già phu, năm lên tám tuổi theo ngài Tiểu Ấn Tố học tập, mười bốn tuổi được cạo tóc xuất gia, hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Ngài Tiểu Ấn khai sơn chùa Long Tường, Sư luôn theo hầu. Sư rất giỏi văn chương, ý hay lời đẹp, tinh thông chữ lệ cổ. Sau Sư tham yết ngài Nguyên Tẩu ở Kính sơn, giữ chức Ký Thất (giống như thư ký riêng). Sư ra khai pháp ở Thủy Tây, rồi đến Trung Thiên Trúc, qua trụ trì đời năm mươi lăm ở Song Kính. Đế hạ chiếu cho Sư cùng với Diễn Phước Pháp sư Thái Phác Phi Công lược giải thích Tâm kinh, Lăng già và Kim Cang; kiểm duyệt Tạng Kinh, chế nhạc khúc hiến Phật, sang Tây Vực cầu pháp, thỉnh được các kinh như Trang Nghiêm Bảo Vương, Văn-thù... được triều đình trao cho chức Tăng Lục Ty Thiện Thế, thống lãnh Tăng chúng trong thiên hạ, lập am Viên Thông ở Tra Phong, Phương Dương, dựng ngôi thất đề là Tông Hạ Cư. Lại được trao trụ trì chùa Thiên Giới, vua đề thơ ban tặng rằng:

*Lạc Ông đi rồi, hỏi ai thiền
Sáng tối lại nghĩ tại mục tiền.*

Sau Đế ban sắc cho Sư trở về Tra Phong, khi đi Đế tặng thơ rằng:

*Rõng lặng xem trăng sáng,
Tiêu dao cùng mây trắng.*

Và nói rằng: Đó là nơi khanh đến vậy!

Khi qua sông Sư bị bệnh, bèn gọi đệ tử đến nói rằng: “Sự sinh diệt của con người cũng giống như bọt trên biển, bọt sinh bọt diệt đều trở về với nước. Nơi nào chẳng phải là cảnh giới vắng lặng?”

Nói xong, Sư gọi thị giả và nói rằng: “Ồ! Cái giả này!” Thị giả mở mịt chẳng hiểu. Sư nói: “Khổ!”, rồi an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, bảy giờ là ngày mười bốn tháng chín. Trà-tỳ thu được nhiều xá-lợi, xây tháp thờ bên phải tháp của Tổ Công ở chùa Thiên Giới.

Cao hoàng đế viết cho Sư bài “Miễn Quan Thuyết” (ghi trong Hoàng Minh Hộ Pháp Lục).

Sư để lại tác phẩm Ngự Hòa Thi một trăm bốn mươi lăm bài, xưng là Lạc Ông. Thành Tổ có soạn Tượng Tán và ban hiệu là Trung Thuận Đại Phu.

Đệ tử đắc pháp của Sư có: Trạm Nhiên, Tánh Nhất, Tông Khâm.

Cổ Chuyết Thiền sư hiệu là Tổ Đình, người Tông Lăng, mẹ Sư là người trì giới thanh tịnh, mới sinh ra chẳng biết ăn mặn. Thuở nhỏ rất thích kinh Pháp Hoa, năm lên mười tuổi ngày có thể tụng một bộ. Năm mười ba tuổi Sư vào chùa Nhật Trù xin xuất gia, thọ giới Cụ túc. Đầu tiên tham yết ngài Thạch Ốc, rồi về Nam tham yết Cổ Mai lão nhân; phát nguyện đốt ba ngón tay, chín năm miệt mài tham cứu, tâm địa rộng rang triệt ngộ. Sau đó Sư đến hội ngài Bạch Vân làm thủ chứng. Cuối cùng ẩn cư nơi núi rừng hang động hơn ba mươi năm. Sư từng nói:

*Bình sinh rất thích chốn núi rừng.
Hai mươi năm qua biếng đón đưa*

Lương Dẫn tự Mạnh Kính, người Lâm Giang, nhà nghèo, nhưng học rất giỏi, danh sĩ bảy giờ phần nhiều đều có giao du với ông. Để tìm các danh Nho trong thiên hạ để tu sửa, soạn thuật lễ nhạc, ông cũng có tham dự, nhưng vì lão bệnh, từ chức mà trở về lập am ở Thạch Môn sơn, gọi là Lương Ngũ Kinh. Ông qua đời năm tám mươi hai tuổi.

Năm Nhâm Thân, niên hiệu Hồng Võ hai mươi lăm, chư Tăng thi kinh cấp độ điệt. Đầu tiên lệnh cho Tăng Lục Ty ban hành đến khắp các Tăng Ty trong nước, lập sổ danh bạ Tăng, khắc in và phân phát

khấp tự viện, để cùng nhau biết rõ, gọi là Châu Tri Bảng Sách.

Ngày hai mươi lăm tháng tư, hoàng Thái tử băng hà, thụy là Ý Văn, tháng chín lập cháu nội đích tôn là Duẩn Văn làm hoàng Thái tử, lấy Phương Hiếu Nhụ làm giáo thọ. Hiếu Nhụ người ở Ninh Hải, Thái châu, thông minh đỉnh ngộ tuyệt luân, hai mắt sáng như điện chớp, khi đọc sách chỉ một cái nhìn là đọc qua mười hàng, người cùng làng gọi ông là Tiểu Hàn Tử. Tống Liêm nói rằng: “Văn của ông chẳng phải là văn của đời này”. Thái Tổ nói với hoàng Thái tử rằng: “Đó là Trang Tử!” là “Dị Nhân!” Sau vào cuối niên hiệu kiến văn ông chết vì trung nghĩa.

Mùa đông Đế bị bệnh nhiệt nguy cấp, các ngự y dâng thuốc đều vô hiệu. Bồng có một xích cước Tăng đến nội cung nói rằng: “Thiên Nhân tôn giả và Châu Điền Tăng sai tôi đến đây dâng thuốc!” Xem thuốc thì thấy có hai loại là Ôn Lương dược và Ôn Lương thạch, mỗi loại một bánh. Phương thuốc này công dụng thanh hơn Thạch ma dược; hòa vào chén trầm hương mà uống. Đế uống vào giờ mùi đến lúc lên đèn thì toàn thân thư giãn, đó là công hiệu của thuốc. Vị và mùi của thuốc này giống như Xương bồ, dưới đáy chén còn đọng lại một chất màu đỏ rất lạ. Đêm ấy Đế hết bệnh, tinh thần ngày càng phấn chấn.

Mồng sáu tháng mười hai Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế Di Giãn... ở Phụng Thiên môn khâm phụng thánh chỉ rằng: Những nơi nào có cao Tăng thông đạt lý tánh Phật pháp, tìm hỏi được mấy vị, mời về trụ ở chùa Thiện Thế. Khâm thử!

Ngày hai mươi mốt tháng mười hai, Đế chuẩn y khắc Quan Lãn Thanh Giáo Lục một trăm bốn mươi lăm bản, phát hành đến các Tăng Cường Ty khắp nơi, căn cứ theo bản gốc để khắc in, ban phát cho Tăng sĩ trong các chùa viện sở thuộc.

Lưu Cầu nằm ở phía Nam Hải Đông, từ Mai Hoa ở Phước Kiến khởi hành, thuận buồm bảy ngày mới đến được nơi ấy. Phong tục nước này lấy nước sông đầy vơi định về tháng dư thiếu, lấy cỏ cây khô tươi làm Đông, Hạ. Mọi người đều cạo râu, xăm vào tay, đội mũ lông, mặc áo lông thú, không có lễ tiết, thích cướp bóc. Đến ngày nay thì đã cho con em đi học, vì thế tập tục dần dần hơi có biến đổi. Phụng thánh chỉ vào ngày mồng một tháng giêng thiết lập quan chức, đầy đủ áo mũ cân đai, trình tấu biểu chương, trứ tác biên chép, giống với phong tục của Trung Hoa.

Nhật Bản tức là nước Da Nô ngày xưa, nằm trong biển, là một nước lớn nhất trong các Di. Phía Tây Nam kéo dài đến phía Bắc Hải

đông. Đại Sơn Quốc chủ đời đời đều lấy vương làm họ. Toàn lãnh thổ phân làm năm kỳ ba đảo, đồng thời có hơn một trăm đảo nhỏ, trong đó đảo Câu Da Hàn là lớn nhất. Vào đầu đời Đường đổi quốc hiệu là Nhật Bản. Phong tục nước này, nam thì đầu để trần cắt tóc ngắn, thân xăm các hình vẽ, nét mặt lạnh lợi. Phụ nữ thì xõa tóc, đi chân không, có lúc đi giày, thích trộm cướp; xem nhẹ mạng sống, thích giết chóc, đó đều là thiên tánh. Sản vật gồm có vàng bạc, hổ phách, thủy tinh, lưu hoàng, thủy ngân, tiền đồng, bạch ngân, ngọc xanh, tô mộc, hồ tiêu, lụa, bông vải, vỏ ốc, vật dụng sơn, quạt, tê giác, voi, đao, kiếm, giáp, ngựa, giao thương buôn bán với người Hoa, rất thích đổi được bé gái, tơ lụa, đá nam châm. Bấy giờ nạt cống không thành thật.

Bành Hưởng là một hải đảo ở Đông nam, có núi và bình nguyên, ít cầm thú, cây cối tốt tươi, đất đai màu mỡ thích hợp với ngũ cốc, rau quả rất nhiều. Phong tục thì trên dưới thân thiết, không trộm cướp. Nam nữ đều búi tóc, thích tụng kinh Phật. Phơi nước biển để lấy muối, lên men nước dứa để làm rượu. Sản vật gồm có phiến thảo, các loại hương hoa, các vật bằng thiết. Đã sai sứ dâng kim điệp biểu văn về triều.

Bách Hoa là một hòn đảo trong biển, nhiều núi non, có nhiều hoa đẹp, gỗ quý, nhân dân giàu có, ưa chuộng đạo Phật. Sản vật gồm có: Vượn đỏ, mãnh ý (một loại ếch), đồi mồi, khổng tước, chim treo ngược, hồ tiêu; quốc vương nước này bấy giờ có đến triều cống.

Bốc Yên Thiếp Mộc Nhi, là một bộ tộc riêng của bộ tộc Thát Đát, cách Cam Túc một ngàn năm trăm dặm. Đất đai rộng hàng ngàn dặm, không có thành quách, dùng da thú may màn làm lều trại. Sản vật gồm có: La, ngựa, bò, dê; đến nay mới vào triều cống.

Dương Duy Trinh hiệu là Thiết Nham, đội mũ vuông vào triều kiến Thái Tổ. Thái Tổ hỏi: “Mũ này tên là gì?”

“Mũ này tên là Tứ phương bình định!”

Đế rất vui lòng.

Bành Hữu Tín sang cống nạp đến Kinh thành, gặp lúc Đế vi hành, Tín đọc bài Hồng Nghê thi rằng:

Ai đem dải lụa xanh hồng.

Cùng mây cùng nước buộc nơi lưng trời.

Đế bảo đọc tiếp, Hữu Tín liền buộc miệng đọc rằng:

Đêm qua Ngạc Đế đã rời.

Trường không vạn dặm dưng loan Ngọc Kiêu.

Đế rất vui, hỏi quê quán, bảo sáng ngày mai đợi tại Thăng kiều để đồng vào triều. Y hẹn Hữu Tín đợi rất lâu nhưng Đế chẳng đến, Tín

bền vào triều. Đế triệu Tín lên điện hỏi chuyện, Tín tâu trình sự thật. Đế phong làm Bắc Bình Bố Chánh Sử.

Năm Quý Dậu, niên hiệu Hồng Võ hai mươi sáu, Nghiêm Chấn Trục, Thuật Phổ Giang Trịnh Tế và hai nhà đồng hương là Vương và Huân nhiều đời sống gần nhau. Gia thế có thân quen với Đế, nên đặc biệt hạ chiếu khen thưởng, phong cho Nghiêm và Trịnh làm Tả, Hữu Xuân Phòng Thứ Tử.

Ngày ba tháng giêng, trụ trì chùa Đại Long Hưng là Tổ Thôi... lên kinh chúc mừng vua; đến lúc từ biệt trở về, Giám quan Ti lễ là Lỗ Thê truyền thánh chỉ rằng: “Tăng trụ trì được thưởng năm nén, những vị Tăng tháp tùng mỗi vị hai nén. Giao cho Bộ lễ danh sách phân bố. Khâm thử!

Chiếu ban cho Tây Phiên Quốc sư:

Phật giáo hưng khởi từ Tây Trúc, nhân thiện lan rộng đến khắp Hoa, Di. Tuy không dùng luật pháp để trói buộc kẻ hung ngu, mà chỉ dùng lòng nhân làm phép tắc. Thật là lớn lao thay! Diệu giác khó cùng! Thuở xưa, người theo đạo này đốn ngộ Tam không, thoát trần ai ra khỏi chốn khổ, vĩnh viễn lìa cõi tối tăm; khiến cho người sống hoài mong kẻ chết mền mộ, đó há chẳng phải là bậc thánh ư?

Gần đây, những người từ Tây phiên vào triều cống có vị Tăng Công Ca Giám Tạng Dĩ Tang Bốc, là hậu nhân của Đế Sư triều Nguyên Bát Tư Ba, đã theo học đạo của thầy, thông đạt kinh điển sâu mầu, chí chuyên mà bền vững, giáo hóa kẻ ngu ác trở về thiện, dùng lòng nhân mà rửa sạch oan khiên. Tuy mới nghe danh, Ta cũng đặc phong cho Sư hiệu là Viên Trí Diệu Giác Hoằng Giáo Đại Quốc Sư, thống lãnh các Tăng. Xứng danh là Thiện nhân đương thời, vĩnh viễn là thượng thủ trong bản giáo. Nơi Sơn phòng rộng lặng an vui, đốt ngọn đèn xanh mà đọc tụng, ngắm trăng sáng, ngâm vịnh gió mây, già phu trên đá, mặc thảo y, ăn rau trái, mới khế hợp thiện tâm.

Tượng Nguyên Thiên sư húi là Thúc, người Thai châu, trụ trì Kính Sơn, ngày mười bốn tháng sáu bước vào cửa liền rằng: “Chết đến rồi! Chết đến rồi! Làm sao mà trốn!”, nói xong liền ngồi yên thị tịch.

Năm Giáp Tuất, niên hiệu Hồng Võ hai mươi bảy, ban lệnh cho Tăng Lục Ty ban hành đến mười ba Bố Chánh Ty, tuyển Tăng bổ làm quan. Bấy giờ các vị Cư Đảnh, Đạo Thành, Tịnh Giới... theo lời triệu kiến được sách phong.

Tháng giêng, Đế nói với Lưu Tam Ngô rằng: Trẫm lên ngôi đã bao năm nay, điều mà ta lo sợ hơn cả là sợ tâm trị quốc biếng trễ, tâm

biếng trễ vừa sinh, thì trăm việc phứt bỏ, nhân dân vui buồn phó mặc vậy! Cho nên một ngày thì cẩn thận một ngày, chỉ sợ rằng chẳng kịp. Trị quốc như thế mà còn chưa tốt; việc trị chánh thật khó quá!” Tam Ngô đập đầu lay mà nói rằng: Bệ hạ nói như thế thật là phước cho trời đất thân, nhân.

Để dụ rằng: Thường tình của con người là hễ sống an ổn thì sao nhãng, như no thì quên đói, ấm thì quên lạnh, chẳng nghĩ đến sự chuẩn bị, một mai bỗng tai họa ập đến thì mờ mịt không biết làm gì. Ta biết rõ sự gian khổ của vạn dân tính trăm kế để khuyên răn, đôn đốc khiến cho ai cũng được no ấm.

Mồng tám tháng giêng, khâm phụng thánh chỉ rằng: Phật Thích-ca phát tâm Đại bi nguyện, trải qua vô lượng kiếp đến khi thành đạo, thuyết pháp độ người, tất cả sự việc đều ghi trong Đại Tạng, người ngu đâu thể biết nghĩa, bậc trí chưa thể nhìn tận mắt; từ khi có Phật đến nay, người bắt chước theo Phật mà tu tập nhiều vô lượng, phàm nói gì thì trời, người đều nghe. Người ngu tuy không biết, nhưng bù lại lúc bấy giờ người trí rất nhiều. Sau khi Phật nhập diệt, chư Tổ hành theo đạo của Phật, an trụ nơi vắng vẻ, chẳng bước ra khỏi nơi ở để thấu rõ yếu chỉ của Phật, cho nên xưa nay nhân dân xu hướng về nhiều như thế. Người học theo Phật mà tuyên dương là bậc trí vậy, do đó Phật đạo vĩnh viễn sáng tỏ, pháp luân thường hằng lưu chuyển.

Những năm gần đây, người bước trên con đường Phật, chưa thấy có bậc trí, dẫn đến bị khinh bạc, kẻ tiểu nhân hủy nhục mắng chửi, làm hư hoại Phật môn. Nay lệnh cho Bộ lễ lập những điều lệ cho việc đi, trụ của Tăng nhân, ghi lên bảng để niêm yết.

- Tăng nhân đi chung, không được đi vào thôn xóm với lý do là hóa duyên, khiến cho kẻ vô lại hủy nhục, làm tổn thương Phật giáo. Nếu có như thế, bắt về quan trị theo tội làm bại hoại tổ phong.

- Những chùa, viện, am, cốc đã có châm cơ đạo nhân, thì tất cả những phiền nạn cần ứng đối với quan phủ, đều do người này đảm nhận. Là Tăng thì không được mặc Tăng phục vào công đường quí bái. Ví như bản thân vị Tăng có phạm tội, cần phải dự tính cởi bỏ Tăng phục để chịu bắt giam.

- Ân tứ hoàn toàn miễn thuế ruộng đất. Ruộng đất của thường trụ tuy có thuế, nhưng miễn sai dịch và làm các việc khác.

- Phạm trụ trì hoặc các Tăng nhân nếu dám giao du với quan phủ, kết bạn với thế tục thì phạm trọng tội.

- Phạm Tăng ở nơi Đô thị, cần phải có từ ba mươi vị trở lên mới tụ

nhóm thành một chùa.

- Nơi có thể đến trụ: Hoặc một, hai người ẩn cư nơi núi cao, hang sâu vì muốn tu hành, thì cho phép.

- Tăng có vợ thì cho phép mọi người đánh mắng, lại lục lấy hết tiền, nếu không có tiền thì đánh chết không cần bàn luận.

- Tăng có vợ con nhà cửa, nếu xin hoàn tục thì cho phép; nếu muốn xả bỏ để tu hành cũng cho phép.

- Chùa, viện, am nếu có những bậc cao minh muốn cùng Tăng đàm luận để làm sáng tỏ Phật pháp, vị Tăng ra ứng đối quá bất tài, người ấy mới khinh thường, vị tăng ấy liền khởi tâm muốn hơn thua, người này liền lánh xa không gần gũi... (văn dài không ghi hết).

Than ôi! Nếu chư Tăng thuận theo điều lệ của Trẫm, hoặc sống ở núi rừng, hoặc nương nơi thường trụ, hoặc du phương không can dự đến dân, không vọng muốn vào phố chợ, quan dân muốn cầu Tăng đến để được nghe kinh, há chẳng phải là khó lắm sao? Như thế thì người thiện mến mộ, đến tận nơi Tăng trụ mà đốt hương lễ thỉnh, chẳng phải là bậc cao minh sao? Hành trì lâu ngày thì Phật đạo vô cùng hưng thịnh.

Sau khi dán bản yết thị, quan dân Tăng tục nào dám vọng ngôn trái với điều này thì sẽ dùng cực hình xử trị. Khâm thử!

Ngày mười hai tháng bảy Quan bản bộ cùng Tăng Lục Ty ở tại điện Hoa Cái khâm phụng thánh chỉ rằng:

Những quan viên quân sĩ trận vong hoặc bệnh chết, trong lúc chinh Nam rất nhiều, nay giao cho bộ lễ dụng tâm lo liệu, đến linh cốc làm lễ truy tiến để phổ độ cho họ. Khâm thử!

Năm Ất Hợi, niên hiệu Hồng Võ hai mươi tám, lệnh cho Tăng Lục Ty lập ba khoa thượng, trung, hạ, khảo thí Sa-môn trong thiên hạ. Ban lương thực cho các chùa Thiên Thế, Thiên Phước sử dụng. Ban cho Đại Hữu ở Tăng Lục Ty ca sa và chăn.

Đại Tông Thiển sư húy là Hưng, người Thai châu, trụ trì Kính Sơn. Ngày mười một tháng ba bỗng nhiên Sư than rằng: “Đến ba mươi người con gái sáu tuổi, mà trọn phối ngẫu chẳng thành!” Nói xong, Sư ngồi yên thị tịch.

Tháng mười một năm Bính Tý, niên hiệu Hồng Võ hai mươi chín, thánh chỉ ban rằng: Trụ trì chùa Linh Cốc, bị bệnh viên tịch, giao cho bộ lễ tế tự. Khâm thử!

Bản Bộ sắp đặt lễ phẩm, sai quan đến tế lễ. Năm Đinh Sửu, niên hiệu Hồng Võ ba mươi, lệnh cho Tăng Lục Ty thông báo cho mười ba Bố Chánh Ty biết rằng: Phạm nơi nào có chùa viện đều phải lập Thiên

đường, tập chúng học thiền.

Năm Mậu Dần, niên hiệu Hồng Võ ba mươi mốt, Thái Tổ lập Yên phủ. Đời sau lấy tên húy gồm bốn câu hai mươi chữ: Cao Chiêm Kỳ Kiến Hựu - Hậu Tải Dực Thường Do - Từ Hòa Di Bá Trọng - Giản Tĩnh Địch Tiên Du.

Ngày hai mươi chín tháng hai Tăng Lục Ty Tả Thiện Thế là Đại Hựu... tại Hữu Thuận Môn khâm phụng thánh chỉ rằng: Xét hai nơi là trạm Giang Đông và Giang Hoài, lập hai ngôi chùa tiếp đãi, để Tăng đạo Nam Bắc du phương qua lại được thuận tiện. Khâm thử!

Cừ Am Pháp sư húy là Đại Hữu, hiệu Cừ Am, trụ trì chùa Bắc thiên ở Cô Tô, vâng chiếu làm Tả Thiện Thế. Sư tinh thông nội ngoại điển, giỏi giáo nghĩa của Thiên Thai, Hiền Thủ. Sư có các tác phẩm: Di-đà Lược Giải, Tịnh Độ Chỉ Quy... lưu hành ở đời.

Toại Sơ Pháp húy là thiệu Tông, hiệu là Toại Sơ. Sư họ Trần, người Thượng Hải. Sư xuất gia năm mười ba tuổi tại chùa An Quốc ở Tòng Giang, đắc pháp nơi Pháp sư Tĩnh Am Trấn. Sư có thiên tư đỉnh ngộ, giới hạnh tinh nghiêm. Đầu tiên, Sư khai đường giảng pháp ở Trường Khánh, kế đến dời đến Từ Hàm ở Ngô Hưng; Xiển dương tông phong hưng thịnh, tăng tục được giáo hóa rất nhiều. Năm Quý Dậu, niên hiệu Hồng Võ, Sư theo lời triệu đến Lô Sơn yết kiến, tâu đáp hợp ý Thái Tổ, nên được ban cho y Tăng-già-lê sợi vàng, phong làm Hữu Giảng kinh rồi Thăng Hữu Thiện Thế. Sư không bệnh mà an nhiên thị tịch vào năm này.

Tháng tư, Đế bị bệnh đến ngày mười tháng năm nhuận thì băng hà, thọ bảy mươi một tuổi, tháng sáu an táng ở Hiếu lăng, tôn thụy là: Thánh Thần Văn Võ Khâm Minh Khải Vận Tuấn Đức Thành Công Thống Thiên Đại Hiếu Cao Hoàng Đế; miếu hiệu là Thái Tổ.

Thái Tổ có soạn Hộ Pháp Tập; những bài chép trong tập này thì chẳng ghi đủ trong Vân Thê Hộ Pháp Tập. Toàn tập gồm các bài: Phật Giáo Lợi Tế Thuyết - Tâm Kinh Tự - Tam Giáo Luận - Thích Đạo Luận - Tụng Kinh Luận - Tu Giáo Luận - Minh Trí Luận - Thần Thích Luận - Quỷ Thần Hữu Vô Luận - Không Thật Luận - Bạt Nho Tăng Văn - Tăng Đạo Hành Thuyết - Tăng Diệu Vân Thuyết - Tăng Trúc Ẩn Thuyết - Thanh Giáo Lục - Dụ Chung Sơn Tăng Sắc - Dụ Thiên Giải Tự Tăng - Tứ Tông Lặc Miễn Quan Thuyết - Vấn Phật Tiên (hai thiên) - Hoàn Kinh Thị Tăng - Thiên Giới Tự Hoa Giá Thuyết - Giới Tăng Đào Dã Văn - Hựu Dụ Tăng - Tập Đường Thái Tông Thánh Giáo Tự - Du Tự Ký - Linh Cốc Tự Ký - Du Tân Am Ký - Ngưu Đầu Sơn

Am Ký - Tăng Phạm Hiến Thuyết - Xá Nhị Dịch Tù Nhân - Tế Bảo Chí Công Văn - Tế Đạo Lâm Văn - Tán Thập Lục La-hán (hai bài) - Thi Kệ (mười chín bài) - Sơn Cư Thi (hai mươi bài) - Tán Tụng (mười ba bài).

Gom chép sáu mươi một vị, phụ ghi mười lăm vị:

Đạo Nguyên Thiền sư hứý Diễn, Thu Đàm Pháp sư hứý là Nguyệt, Tông Luật Thiền sư, Chiêu Khánh Luật sư, Thái Bạch Pháp sư hứý Chỉ, Thạch Hồ Thiền sư hứý Mỹ, Trúc Nguyên Thiền sư hứý Đạo, Nhất Nguyên Thiền sư hứý Linh, Vô Nhược Thiền sư, Cổ Mai Thiền sư, Dụng Minh Pháp sư, Lại Mục Thiền sư, Tĩnh Am Thiền sư hứý Trấn, Thanh Lương Pháp sư, Bạch Vân Thiền sư.

Hoàng Thái Tôn lên ngôi hoàng đế, qua năm sau đổi niên hiệu là Kiến Văn nguyên niên, đại xá thiên hạ.

Thái Tôn dự tang lễ, xõa tóc kêu gào khóc lóc, ai oán làm xúc động cả mọi người. Tôn Đế ban chiếu cho quan tổ chức tang nghi theo châu lễ, phỏng theo phép tắc của Kim Đẳng để lại; tức Tiên Triều, hậu Điện, giác môn trái phải cho đến Tây cung, nội tẩm, mỗi mỗi đều có đặt tòa ngồi như lúc Thái Tổ còn sống; tất cả gồm mười một nơi, những nơi nào đã lâu Đế không đến thì dùng nước thơm rửa quét sạch sẽ. Bày Tổ huấn ở Đông trực điện, đặt Trọng khí (vật báu của quốc gia) ở Tây trực điện. Các quan ở Kinh thành từ bốn phẩm trở lên phải mặc triều phục, cầm búa lớn đứng trên các bậc thềm, từ ngày mồng mười đến mười sáu khốc lâm (tập trung quần thần định thời khắc cùng khốc) như tế lễ, ban ngày không uống một muống nhỏ nước, ban đêm không nằm gối, chiếu.

Lúc trước, khi Thái Tổ bị bệnh thường giận dữ khiến nhiều người bị tội chết. Thái Tôn bèn vào hầu hạ, tất cả đều do tự thân lo liệu, khi Đế uống thì tự nếm trước rồi mới dâng, về sau thì tự thân đỡ Đế đứng ngồi. Các vật dùng để khạc nhổ, đại tiểu tiện đều do hoàng thái tôn tự tay đặt để lúc cần. Tuy thế mà sắc mặt vẫn an hòa, dung mạo vẫn tự nhiên, thật vui tươi khả ái. Đến khi khí sắc Thái Tổ dần dần bình phục, thì ông rộng lòng tha thứ hơn. Đang trong lúc đêm khuya, lúc các thị vệ đang say sưa ngủ, nếu Đế gọi thì chẳng thể chẳng đáp, đã đáp thì chẳng thể chẳng dậy, vì thế suốt cả đêm chưa có lúc chợp mắt. Hoàng Thái Tôn là người trắng đẹp mập khỏe, đến nay thì suy hao gầy rộc.

Hôm ấy các Đại thần nghinh Thái Tôn ra bên ngoài Đại Minh Môn, quần thần và bá tánh thấy dung mạo hao gầy, sắc mặt đen thâm như thế thì đều buồn bã khóc lóc, ai cũng đặt tay lên trán mà nói rằng:

“Thiên tử thuần chiếu, mọi người đều kính mến, có suy nghĩ chí đức!”

Ban chiếu để tang ba năm, cho phép Tề Thái Hoàng tử Trường tham dự triều chánh, phong Phương Hiếu Nhụ làm Bác sĩ Thị Giảng, Kiến Nghĩa làm Lại Bộ Thị Lang, Hạ Nguyên Cát làm Hộ Bộ Thị Lang, Giang Tây Xử sĩ Dương Sĩ Kỳ làm Hàn Lâm Viện Biên Toản, Trương Thống làm Thượng thư Bộ lại.

Sao chổi chiếm trung tâm, Trình Tế giỏi về thuật số, dâng thư tâu rằng: “Phương Bắc khởi binh ứng vào năm sau”.